



FUJIFILM IWpro chuyển phát quét

Hướng dẫn sử dụng

Mục lục

1 Tổng quan về FUJIFILM IWpro chuyển phát quét

Những việc mà FUJIFILM IWpro chuyển phát quét có thể làm	8
Đăng ký luồng quy trình tài liệu của công việc làm thường xuyên và chỉ cần nhấn nút để gọi ra	9
Đăng ký vận hành luồng quy trình tài liệu bằng vận hành	9
Chia sẻ tài liệu bằng Dịch vụ đám mây khi bạn không ở văn phòng	9
Chia sẻ tài liệu sử dụng thư mục làm việc khi bạn ở ngoài văn phòng	9
Thêm thuộc tính riêng vào tài liệu.....	10
Sử dụng mã QR	11
Thông báo e-mail.....	12
Quản lý FUJIFILM IWpro chuyển phát quét	13
Tạo tài liệu có mã QR.....	13

2 Các ví dụ về sử dụng FUJIFILM IWpro chuyển phát quét

Những ví dụ cơ bản - Hãy bắt đầu	14
Hiển thị màn hình Cài đặt	15
Các cài đặt ban đầu bằng Trình hướng dẫn Thiết lập.....	15
Ví dụ cấp trung 1 - Sử dụng tem Ngày và giờ cho tên tập tin	18
Ví dụ về cài đặt.....	18
Kết quả	19
Ví dụ cấp trung 2 - Tự động tạo các thư mục con để sắp xếp các tài liệu được quét.	19
Ví dụ về cài đặt.....	20
Kết quả	20
Ví dụ cấp trung 3 - Thêm thông tin xác thực vào tên tập tin	21
Ví dụ về cài đặt.....	22
Kết quả	22
Ví dụ cấp trung 4 - Sử dụng mã QR để sắp xếp các tài liệu được quét	23
Ví dụ về cài đặt.....	24
Kết quả	25
Ví dụ cấp trung 5 - để phân loại tài liệu	26
Bước 1 Thiết lập Loại tài liệu bằng cách sử dụng Dịch vụ Internet	27
Bước 2 Tạo bản gốc dùng để thiết đặt vùng	28

Bước 3 Quét bản gốc và thiết đặt vùng quét	29
Bước 4 Quét bản báo giá.....	31
Ví dụ nâng cao - Đặt thuộc tính mở rộng thành tìm kiếm cho Tài liệu DocuWorks	32
Ví dụ về cài đặt.....	32
 3 Các yêu cầu hệ thống	
Các thiết bị đa chức năng	33
Máy chủ FTP/SMB là điểm đích chuyển tiếp	33
Đối với Windows.....	33
Đối với Mac OS.....	34
Các dịch vụ đám mây làm đích truyền	34
 4 Cài đặt môi trường	
Các cài đặt thiết bị đa chức năng	35
Thiết đặt các Internet Services	36
 5 Các cài đặt FUJIFILM IWpro chuyển phát quét (vận hành bởi người quản trị)	
Những điều bạn có thể làm trên màn hình cài đặt của FUJIFILM IWpro chuyển phát quét	37
Quản lý thông tin cài đặt.....	37
Tạo chuỗi văn bản cho mã QR chuyên dụng cho FUJIFILM IWpro chuyển phát quét.....	38
Hiển thị màn hình cài đặt	38
Chi tiết về màn hình cài đặt	40
Đăng ký thể loại/loại tài liệu	41
Ví dụ về cài đặt.....	44
Các mục của màn hình [Thiết đặt loại dịch vụ].....	45
Các mục của màn hình [Thiết đặt loại tài liệu]	46
Các mục của màn hình [Lựa chọn thiết đặt quét]	47
Các mục của màn hình [Sử dụng mã QR/mã vạch].....	50
Các mục của màn hình [Phân tách nhiều tài liệu]	52
Các mục của màn hình [Trích xuất văn bản tự động]	52
Các mục của màn hình [Đích truyền 1]/[Đích truyền 2]	53

Các mục của màn hình [Đích thông báo qua email]	56
Các mục của màn hình [Tên tệp]	57
Các mục của màn hình [Thiết đặt thuộc tính mở rộng]	59
Cập nhật một lượt cho thông tin xác thực	61
Xóa thông tin xác thực	62
Xóa thể loại/loại tài liệu	63
Cài đặt thông tin chung	63
Các mục của [Thiết đặt thông tin chung]	64
Cài đặt tùy chỉnh của các cài đặt quét	64
Các mục của tùy chỉnh	65
Tạo chuỗi văn bản cho mã QR	67
Các mục của [Tạo văn bản để tạo mã QR]	68
Thiết đặt ứng viên đầu vào của Thuộc tính mở rộng chung	70
Nhập/xuất thông tin cài đặt	71
Xuất thông tin cài đặt	71
Nhập tập tin các cài đặt	72

6 Tạo tài liệu với các mã QR

Tổng quan về Công cụ tạo QR	73
Công cụ tạo QR là gì?	73
Phân loại sắp xếp máy in ảo.....	73
Giới thiệu về tập tin nhật ký.....	74
Thiết lập Công cụ tạo QR	74
Môi trường hoạt động	74
Cài đặt Công cụ tạo QR	74
Gỡ cài đặt Công cụ tạo QR.....	75
Tạo máy in ảo	75
Các mục của [Thiết đặt chuyển phát công việc quét].....	77
Các mục của [Xác định vị trí ảnh QR]	79
Quyết định vị trí đính kèm mã QR với tài liệu DocuWorks	80
Tạo tài liệu với một mã QR	80
Xóa máy in ảo	81

7 Trích xuất văn bản tự động

Khái quát chức năng	82
Truy xuất chuỗi ký tự trong vùng đã chỉ định.....	82
Tạo bản gốc dùng để thiết đặt vùng	83
Chỉnh sửa chuỗi ký tự đã truy xuất	84
Điều kiện sử dụng chức năng.....	84
Bản gốc không phù hợp để quét	85
Xử lý tình huống	85
Hiện tượng thường gặp cho từng chức năng	85
Hiện tượng khi trích xuất ký tự trong vùng	86
Hiện tượng khi quét vùng từ tài liệu.....	87

8 Quét Tài liệu (thao tác bởi người dùng)

Về vận hành quét	89
Tài liệu đính kèm mã QR/mã vạch	89
Chia tài liệu.....	89
Quét tài liệu	90

9 Xuất chuyển/Chuyển nhập thông tin thiết đặt

Khái quát về Xuất chuyển/Chuyển nhập	93
Cách sao chép các thiết đặt	93
Thông tin cài đặt để có thể sao chép	93

10 Khắc phục sự cố

Nguyên nhân và cách khắc phục sự cố nghiêm trọng	94
Thông báo qua email về việc truyền đến các dịch vụ đám mây khác	94
Lỗi (1) Truyền gửi không thành công từ thiết bị đa chức năng	96
Lỗi (2) Truyền gửi không thành công từ FUJIFILM IWpro.....	96
Tải xuống tài liệu từ FUJIFILM IWpro	97

11 Chú ý và hạn chế

Những chú ý và hạn chế trong toàn bộ ứng dụng	98
Những chú ý và hạn chế khi thực hiện công việc	98

Những chú ý và hạn chế về FUJIFILM IWpro chuyển phát quét.....	99
Những lưu ý và hạn chế về Xử lý Ngôn ngữ.....	101
Những chú ý và hạn chế về kích thước in của Mã QR.....	101
Những chú ý và hạn chế về kích cỡ in của mã vạch.....	103
Lưu ý và hạn chế về mã QR thông thường và mã vạch	103

12 Phụ lục

Cách để kiểm tra ID Hộp chứa / ID Ngăn chứa / ID Thư mục	104
--	-----

Chú thích trong sách

- Trong hướng dẫn này, đĩa cứng và ổ đĩa thể rắn được gọi chung là "bộ nhớ".
- Trong sách sẽ sử dụng những ký hiệu sau tùy thuộc nội dung giải thích.



Quan trọng

Thể hiện thông tin quan trọng bạn cần biết hoặc thông tin cần nhắc nhở trước khi vận hành máy.



Ghi chú

Thể hiện thông tin bổ sung hữu ích cho việc vận hành máy.



Tham khảo

Thể hiện phần tham chiếu đến các chương và sách hướng dẫn khác.

- Trong sách sẽ sử dụng những ký hiệu sau.

" "

- Biểu thị phần tham khảo có trong sách.
- Biểu thị tên chức năng, thông báo của màn hình bảng điều khiển cảm ứng, chuỗi ký tự đầu vào v.v..

' '

- Biểu thị sách hướng dẫn sử dụng để tham khảo.

[]

- Biểu thị tên của các nút và trình đơn chính hiển thị trên màn hình bảng điều khiển cảm ứng của máy.
- Biểu thị tên của các trình đơn chính, cửa sổ, hộp hội thoại v.v. hiển thị trên màn hình máy tính và tên các nút, trình đơn chính v.v. hiển thị trên đó.

{ }

- Mô tả giá trị có thể thay đổi theo thao tác vận hành hoặc môi trường hoạt động.
Ví dụ như: Hiển thị [{Tên đăng nhập}].

Nút < >

- Biểu thị nút phần cứng của bảng điều khiển máy.

Phím < >

- Biểu thị phím trên bàn phím máy tính.

>

- Đại diện cho chữ viết tắt của quy trình chọn các mục theo thứ tự trên bảng thao tác hoặc máy tính và các mục được tham chiếu.

- Hệ Điều Hành Microsoft Windows được gọi là "Windows".

1 Tổng quan về FUJIFILM IWpro chuyển phát quét

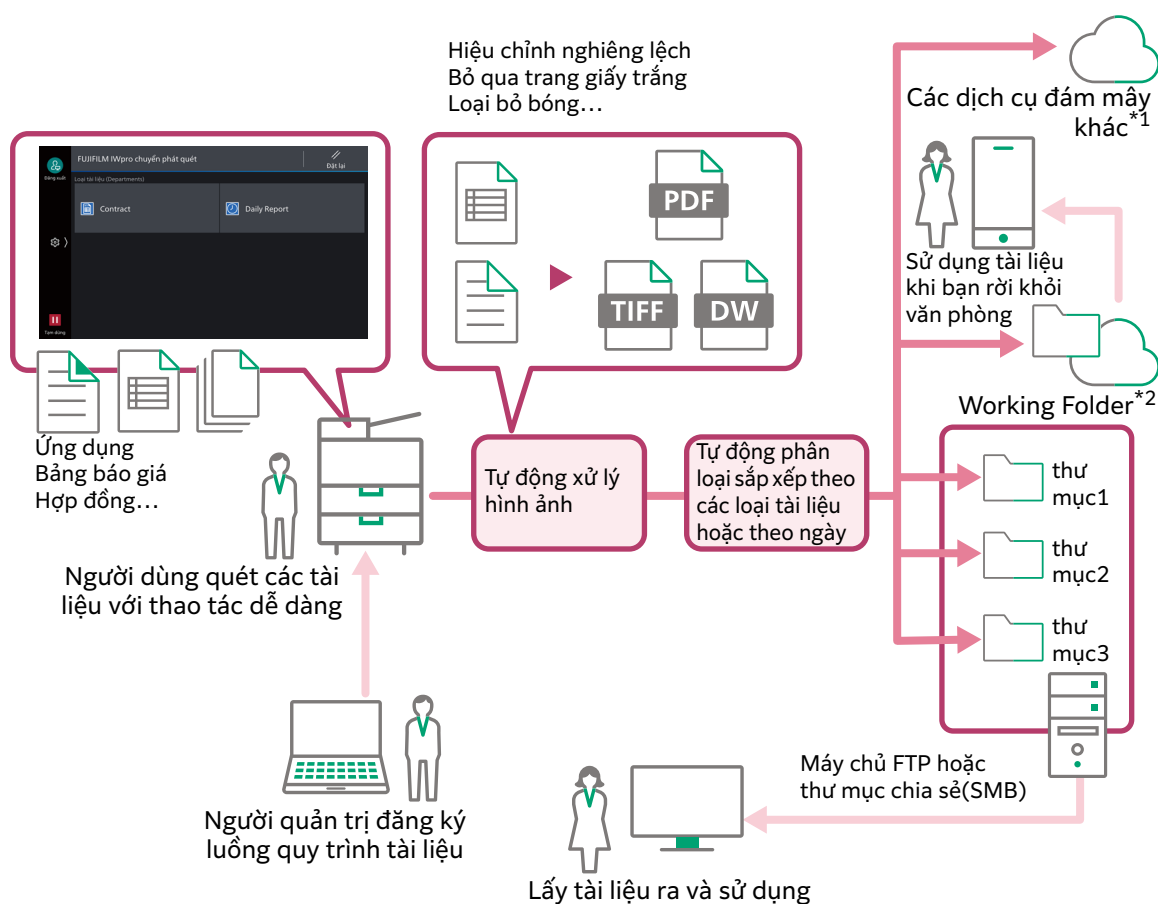
Chương này mô tả các tính năng của FUJIFILM IWpro chuyển phát quét.

Những việc mà FUJIFILM IWpro chuyển phát quét có thể làm

Chuyển phát công việc quét là chức năng dùng để thực hiện nghiệp vụ quét tài liệu giấy và phân chia đến địa chỉ đích một cách tự động. Phù hợp với nghiệp vụ cố định.

Ghi chú

- Đối với các mẫu có thể sử dụng chức năng này, vui lòng truy cập trang web chính thức của chúng tôi.



*1 Để sử dụng các dịch vụ đám mây khác, cần có thêm hợp đồng. Box, Dropbox, Google Drive, OneDrive for Business và SharePoint Online được gọi là "các dịch vụ đám mây khác".

*2 Working Folder là một dịch vụ để lưu trữ tài liệu của người dùng trong một khu vực lưu trữ mà chúng tôi cung cấp. Để sử dụng Working Folder cần có thêm hợp đồng.

Đăng ký luồng quy trình tài liệu của công việc làm thường xuyên và chỉ cần nhấn nút để gọi ra

Bạn có thể đăng ký các cài đặt khác nhau như phương pháp quét ban đầu, xử lý hình ảnh, định dạng đầu ra, và địa điểm lưu trước và nhấn nút để gọi chúng ra quét.

Người quản trị sẽ đăng ký trước phương pháp quét và phương pháp lưu tập tin ban đầu của công việc làm thường xuyên trên thiết bị đa chức năng của bạn. Người dùng có thể tự động điều khiển bằng máy tính và lưu các tài liệu giấy chỉ bằng cách tải tài liệu trên các thiết bị đa chức năng và nhấn nút dựa trên các tài liệu đó.

Tất cả mọi thứ có thể được tự động từ xử lý quét cho đến lưu và người sử dụng có thể kiểm tra và vận hành chúng trong suốt quá trình quét. Vì vậy, bạn có thể thiết lập luồng quy trình công việc, tùy theo nội dung của tài liệu và môi trường.

Việc sử dụng FUJIFILM IWpro chuyển phát quét cho phép bạn tự động hóa các công việc xử lý phức tạp và thực hiện quét hiệu quả và chất lượng đồng nhất.

Đăng ký vận hành luồng quy trình tài liệu bằng vận hành

Thông tin của một luồng quy trình tài liệu bao gồm cách quét và lưu tài liệu được gọi là thông tin "loại tài liệu". Thông tin loại tài liệu có thể được đăng ký trong các nhóm theo cách thức vận hành và nội dung của tài liệu. Các cách thức vận hành và nội dung của các tài liệu đó được yêu cầu phân nhóm được gọi là các thể loại.

Trong FUJIFILM IWpro chuyển phát quét, số lượng tối đa cho các cài đặt thể loại là tám, và số lượng tối đa cho cài đặt loại tài liệu là mười trên một thể loại.

Chia sẻ tài liệu bằng Dịch vụ đám mây khi bạn không ở văn phòng

Bạn có thể chọn định dạng lưu tài liệu sau đây.

- PDF
- Tài liệu DocuWorks
- TIFF (nhiều trang trên 1 tệp)

Bạn có thể quét nhiều tài liệu cùng một lúc và có thể lưu các tài liệu đó bằng các trang trắng, mã QR hoặc chia theo mã vạch.

Bạn cũng có thể phân loại sắp xếp tự động các tài liệu được quét theo từng thể loại, loại tài liệu, ngày và tên người dùng. Bạn có thể đặt tên thư mục lưu của các địa điểm lưu và tên tập tin bằng cách kết hợp các thuộc tính của tài liệu đó và các chuỗi văn bản tùy ý.

Chia sẻ tài liệu sử dụng thư mục làm việc khi bạn ở ngoài văn phòng

Bạn có thể chỉ định một trong hai mục sau cho địa điểm lưu tài liệu.

- Working Folder
- Box
- Dropbox
- Google Drive
- SharePoint Online
- OneDrive for Business
- Thư mục đã chia sẻ trên Windows hoặc Mac (chuyển SMB)
- Máy chủ FTP

Working Folder là một dịch vụ để lưu trữ tài liệu của người dùng trong một khu vực lưu trữ mà chúng tôi cung cấp. Khi người dùng chọn Working Folder là một địa điểm để lưu tài liệu, người dùng có thể lấy tài liệu của họ ra khỏi khu vực lưu trữ, và cũng có thể chia sẻ tài liệu với khách hàng của họ.

Ghi chú

- Các dịch vụ đám mây khác cần phải được liên kết trước. Để biết chi tiết, hãy tham khảo "Thiết lập ban đầu".

Thêm thuộc tính riêng vào tài liệu

Khi tài liệu được lưu ở định dạng DocuWorks hoặc PDF, các thuộc tính sau có thể được thêm vào tài liệu. Các thuộc tính này có thể được xem như "thuộc tính thông thường".

- [Loại dịch vụ]: Hình thức vận hành được chọn khi người dùng vận hành quét
- [Loại tài liệu]: Loại tài liệu được chọn tại thời điểm quét
- [Người dùng]: tên của người dùng đã quét tài liệu

Ngoài ra, bất kỳ thuộc tính và giá trị nào của chúng cũng có thể được thêm vào tài liệu. Những thuộc tính này được xem như "thuộc tính mở rộng". Các thuộc tính mở rộng có thể được đặt cho thông tin loại tài liệu, hơn nữa người dùng có thể nhập chúng vào khi quét tài liệu. Có thể đặt tối đa sáu thuộc tính mở rộng.

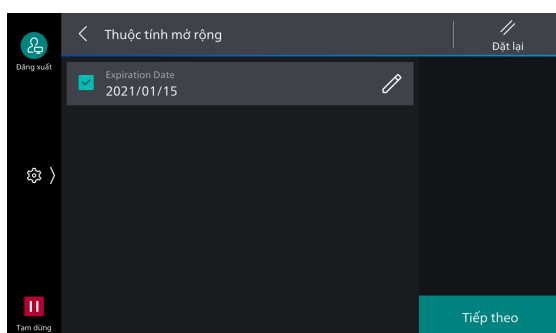
Ghi chú

- Nếu mục [Thiết đặt ứng dụng] > [Thiết đặt ứng dụng] > [Thiết đặt quét] > [Thiết đặt khác] > [Thêm tên đăng nhập vào thuộc tính PDF] trên thiết bị đa chức năng bị tắt, không thể thêm [Người dùng] vào tài liệu được quét.

Khi lưu tài liệu ở định dạng DocuWorks

Các giá trị của những thuộc tính thông thường và thuộc tính mở rộng được lưu làm đặc tính tùy chỉnh trong tài liệu được quét.

Các giá trị đã lưu có thể được dùng để tìm kiếm. Với tính năng xem thuộc tính của DocuWorks, tính năng này cho phép những tập tin đáp ứng các điều kiện được phân loại và hiển thị, giúp bạn quản lý các tài liệu được quét.



Thiết lập thành thuộc tính tùy chỉnh trong Tài liệu DocuWorks

Nhập giá trị thuộc tính tại thời điểm quét

Khi lưu tài liệu ở định dạng PDF

Bên cạnh các giá trị của những thuộc tính mở rộng và thuộc tính thông thường được lưu làm đặc tính tùy chỉnh trong tài liệu được quét (định dạng thuộc tính tùy chỉnh), các giá trị này còn được lưu theo dạng chuỗi đơn trong [Keywords] trên tab [Description] của phần Đặc tính tài liệu (định dạng từ khóa). Chuyển phát công việc quét là ứng dụng dạng bổ sung cho máy đa năng.

Các giá trị thuộc tính trong định dạng thuộc tính tùy chỉnh được lưu ở định dạng chuỗi văn bản. Chuyển đổi định dạng ngày tháng thành chuỗi văn bản theo định dạng YYYYMMDD và lưu lại.

Định dạng các giá trị thuộc tính theo định dạng từ khóa như dưới đây.

- Các giá trị thuộc tính được sắp xếp theo thứ tự thuộc tính mở rộng và thuộc tính mở rộng.
- Mỗi thuộc tính được tách bởi một dấu phẩy (,).
- Tổng số lượng thuộc tính thông thường và thuộc tính mở rộng được mô tả ở đầu chuỗi, sau đó là loại thuộc tính, tên thuộc tính và giá trị thuộc tính thành một bộ. Các loại thuộc tính như sau: giá trị số = "i", văn bản = "s", ngày tháng = "d", có hoặc không có = "b".
- Một chuỗi có thể lên đến 1024 ký tự. Nếu một chuỗi vượt quá số lượng ký tự tối đa, các thuộc tính thừa ra sẽ bị xóa.

Ví dụ:

3,s,category type,billing,s,document type,bill,d,billing date,20210101

Sử dụng mã QR

Bằng cách quét phần đầu đề hoặc phần giữa trang của tài liệu bằng mã QR, FUJIFILM IWpro chuyển phát quét và xử lý mã QR.

Ghi chú

- Các chuỗi văn bản mã QR được hỗ trợ chỉ có tiếng Nhật và tiếng Anh.

Sử dụng Mã QR chuyên dụng cho FUJIFILM IWpro chuyển phát quét đối với các cài đặt tự động

Bạn có thể thiết lập các mã QR chuyên dụng như sau cho FUJIFILM IWpro chuyển phát quét.

- Quy tắc tên thư mục
- Quy tắc tên tập tin
- Các thuộc tính mở rộng (chỉ khi lưu ở định dạng DocuWorks hoặc PDF. Tối đa sáu thuộc tính)

Bằng cách đính kèm và quét mã QR với các nội dung, bạn có thể thiết lập tự động thông tin đặc biệt cho các tài liệu và thực hiện quá trình quét với thao tác ít nhất.



Trong thư mục của địa điểm lưu, tên tập tin, và mã QR sẽ ghi lại thuộc tính mở rộng

Ghi chú

- Khi mã QR chuyên dụng cho FUJIFILM IWpro chuyển phát quét được đọc trong FUJIFILM IWpro chuyển phát quét trong lúc quét, màn hình để thiết lập thuộc tính mở rộng và màn hình xác nhận không hiển thị.

Sử dụng mã QR thông thường hoặc mã vạch

Bạn có thể quét mã QR hay mã vạch bằng bất kỳ chuỗi văn bản nào, đồng thời bạn cũng có thể sử dụng thông tin.

Chuỗi văn bản mã QR hay mã vạch được quét có thể được dùng làm quy tắc đặt tên khi lưu các thư mục địa điểm và được lưu làm thuộc tính mở rộng của Tài liệu DocuWorks hoặc tài liệu PDF theo đúng cài đặt loại tài liệu.

Ngoài ra chuỗi văn bản mã QR hay mã vạch được quét có thể được giải mã từng phần để sử dụng.

Thông báo e-mail

Bạn có thể thông báo cho người dùng chỉ định về kết quả xử lý quét tài liệu.

Trường hợp thiết đặt nhiều địa chỉ đích thì sẽ thông báo kết quả truyền cho từng địa chỉ.

Các định dạng thông báo e-mail như dưới đây.

Ghi chú

- Để sử dụng tính năng thông báo e-mail, máy chủ gửi e-mail (SMTP) và dịch vụ thông báo e-mail phải được thiết lập trong thiết bị đa chức năng. Để biết chi tiết, vui lòng tham khảo "Các cài đặt thiết bị đa chức năng" (P.35).

Các hạng mục	Mô tả
Từ:	Địa chỉ e-mail của thiết bị đa chức năng
Đến:	Người dùng đã đăng nhập vào FUJIFILM IWpro từ thiết bị, người dùng đã đăng nhập vào thiết bị, hoặc địa chỉ email được đặt cho loại tài liệu (đích được đặt theo loại tài liệu) ^{*1}  Ghi chú • Không thể chỉ định CC và BCC.
Chủ đề	• Khi đã hoàn tất bình thường: [FUJIFILM IWpro Scan Delivery] <{Đích truyền^{*2}}>Succeeded • Khi đã hoàn tất bình thường có cảnh báo: [FUJIFILM IWpro Scan Delivery] <{Đích truyền^{*2}}>SucceededWithWarning • Khi đã hoàn tất có lỗi: [FUJIFILM IWpro Scan Delivery] <{Đích truyền^{*2}}>Failed
Tập tin đính kèm	Không có tên
Nội dung thư	Sau đây là những phần được mô tả. • Tên loại dịch vụ được chỉ định • Tên loại tài liệu được chỉ định • Số lượng tài liệu • Tên thư mục địa điểm sẽ được lưu^{*3} • Tên tệp (tối đa 5 tệp khi chia tách) • Có/không có các thuộc tính mở rộng (cho Tài liệu DocuWorks hoặc tài liệu PDF)

- *1 Để gửi thông báo e-mail đến người dùng được xác thực đã quét tài liệu, phải đáp ứng cả hai điều kiện sau.
 - Thiết bị đa chức năng được vận hành ở chế độ xác thực
 - Địa chỉ e-mail của người dùng thực hiện quét đã được đăng ký trong thiết bị đa chức năng.
- *2 Để biết thông tin về đích chuyển tiếp, hãy tham khảo "3 Các yêu cầu hệ thống"(P.33).
- *3 Chỉ được bao gồm khi đích truyền là Working Folder, SMB hoặc FTP.

Ví dụ về e-mail

Người gửi: admin@example.com
Ngày: 14:55, ngày 24 tháng 1 năm 2024
Người nhận: Fuji.Taro@example.com
Tiêu đề: [FUJIFILM IWpro Scan Delivery]
<OneDrive for Business> Succeeded

Nội dung:
Thể loại: Phát triển tài liệu
Loại tài liệu: biên nhận chi phí vận chuyển
Số lượng tài liệu: 1
Có thể mất một chút thời gian để tài liệu được lưu trữ ở đích đến đã chỉ định.

<https://capture.fbiwpro.fujifilm.com>
OneDrive for Business:Hóa đơn/ Hóa đơn chi phí đi lại
Fuji Taro-2024.01.24-receipt.pdf

Quản lý FUJIFILM IWpro chuyển phát quét

FUJIFILM IWpro chuyển phát quét có thể được quản lý và vận hành trên màn hình Thiết đặt phần bổ sung của Dịch vụ Internet. Trên màn hình cài đặt plug-in, bạn có thể đăng ký, chỉnh sửa và xóa thông tin loại tài liệu. Bạn cũng có thể xuất và nhập thông tin loại tài liệu.

Tham khảo

- "Các cài đặt FUJIFILM IWpro chuyển phát quét (vận hành bởi người quản trị)"(P.37)

Tạo tài liệu có mã QR

Khi sử dụng công cụ tạo QR chuyển phát công việc quét (sau đây gọi là "Công cụ tạo QR"), bạn có thể tạo tài liệu gắn mã QR đặc biệt cho FUJIFILM IWpro chuyển phát quét. Bạn có thể tải về Công cụ tạo QR từ trang web chính thức của chúng tôi.

Tham khảo

- "Tạo tài liệu với các mã QR"(P.73)

2 Các ví dụ về sử dụng FUJIFILM IWpro chuyển phát quét

Chương này mô tả các ví dụ sử dụng FUJIFILM IWpro chuyển phát quét.

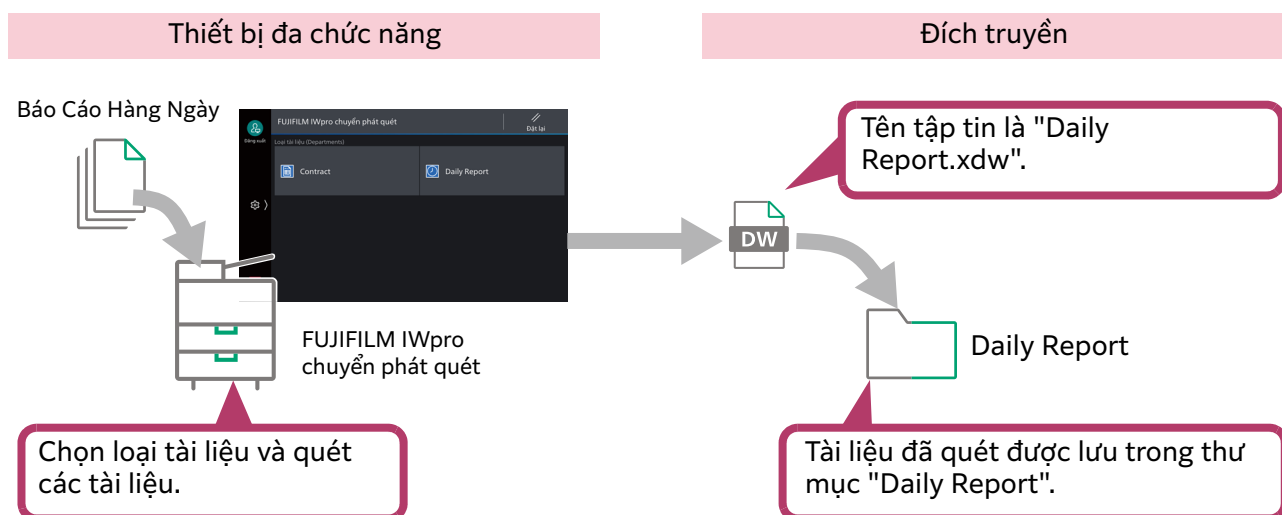
Ghi chú

- Bạn có thể dễ dàng định cấu hình các cài đặt bằng cách sử dụng Trình hướng dẫn thiết lập FUJIFILM IWpro chuyển phát quét. Để biết thêm chi tiết, hãy tham khảo "Các cài đặt ban đầu bằng Trình hướng dẫn Thiết lập"(P.15).

Những ví dụ cơ bản - Hãy bắt đầu

Đầu tiên, chúng tôi giới thiệu một ví dụ đơn giản là lưu các tài liệu đã quét vào thư mục có sẵn. Ví dụ như quét tài liệu giấy "Báo Cáo Hàng Ngày" với thiết bị đa chức năng có hỗ trợ SMB, chuyển đổi nó thành một Tài liệu DocuWorks, và lưu tài liệu đã quét trong thư mục "Daily Report" được chia sẻ. Đối với tên tập tin, chỉ định [Tên loại tài liệu].

Đảm bảo đã tạo trước thư mục "Daily Report" được chia sẻ và thiết lập quyền truy cập cho thư mục này.



Hiển thị màn hình Cài đặt

Các bước

- 1 Khởi động máy tính của bạn và sau đó khởi động trình duyệt web.
- 2 Nhập địa chỉ IP của thiết bị đa chức năng của bạn hoặc địa chỉ internet vào thanh địa chỉ của trình duyệt web.
Dịch vụ Internet được bắt đầu.
- 3 Nhập ID người dùng của người quản trị hệ thống (và mã khóa nếu cần) để chuyển sang chế độ quản trị hệ thống
- 4 Nhấp vào [Ứng dụng], và chọn [FUJIFILM IWpro chuyển phát quét] trong [Các ứng dụng khác].
- 5 Nhấp vào [Xem] trong [Plug-in].
- 6 Nhập [ID người dùng] và [Mật khẩu] của quản trị viên dịch vụ của FUJIFILM IWpro, và nhấn [Đăng nhập].

Ghi chú

- Để truyền tài liệu sang dịch vụ đám mây khác, hãy đăng nhập bằng tài khoản đã được liên kết với dịch vụ đám mây khác đó.

- 7 Nếu màn hình nhắc bạn nhập tên người dùng và mật khẩu xuất hiện, hãy nhập ID và mật khẩu của quản trị viên hệ thống, sau đó nhấp vào [Đăng nhập].

Các cài đặt ban đầu bằng Trình hướng dẫn Thiết lập

Khi màn hình cài đặt của FUJIFILM IWpro chuyển phát quét được hiển thị, nếu không có các cài đặt về loại dịch vụ và loại tài liệu, Trình hướng dẫn thiết lập FUJIFILM IWpro chuyển phát quét sẽ được hiển thị. Làm theo hướng dẫn trên màn hình để hoàn tất các cài đặt ban đầu.

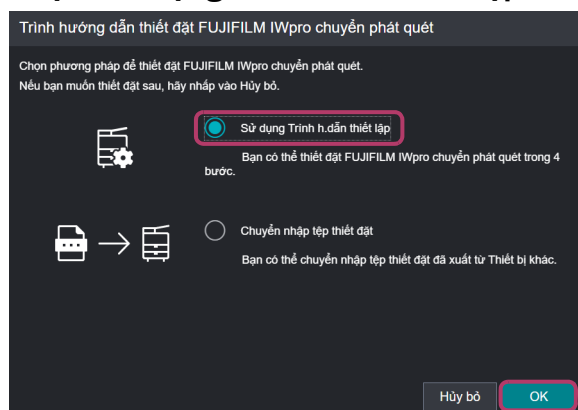
Các bước

- 1 **Hiển thị màn hình cài đặt của FUJIFILM IWpro chuyển phát quét.**
Nếu màn hình yêu cầu tên người dùng và mật khẩu được hiển thị, nhập ID người quản trị hệ thống và mật khẩu, sau đó nhấp [Đăng nhập].

Tham khảo

- "Hiển thị màn hình cài đặt"(P.38)

- 2 Chọn [Sử dụng Trình h.dẫn thiết lập], và nhấp vào [OK].



3 Chọn một tài liệu tương tự với loại tài liệu bạn sẽ xử lý từ các loại dịch vụ được đề xuất và nhấp vào [Tiếp theo].

Khi các thiết đặt hoàn tất, loại dịch vụ và loại tài liệu đã chọn sẽ được hiển thị dưới dạng các biểu tượng menu trên màn hình FUJIFILM IWpro chuyển phát quét của thiết bị đa chức năng.



Ghi chú

- Bằng cách nhấp vào [Sửa Danh sách loại dịch vụ], bạn có thể đăng ký tối đa 10 loại dịch vụ được đề xuất mà có thể được chỉ định bằng cách sử dụng Trình h.dẫn thiết lập. Bạn có thể xóa các loại dịch vụ không cần thiết hoặc đăng ký các loại dịch vụ được tải xuống từ trang web chính thức.

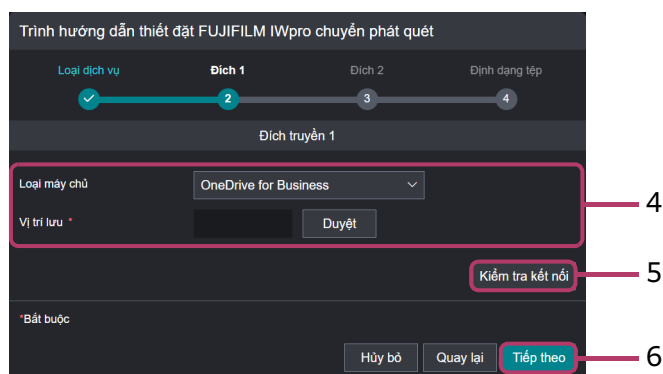
4 Cài đặt đích đến.

Tham khảo

- Để biết thêm chi tiết, hãy tham khảo "Các mục của màn hình [Đích truyền 1]/[Đích truyền 2]"(P.53).

5 Nhấp vào [Kiểm tra kết nối], và kiểm tra xem đích đến có hợp lệ không.

6 Nhấp vào [Tiếp theo].



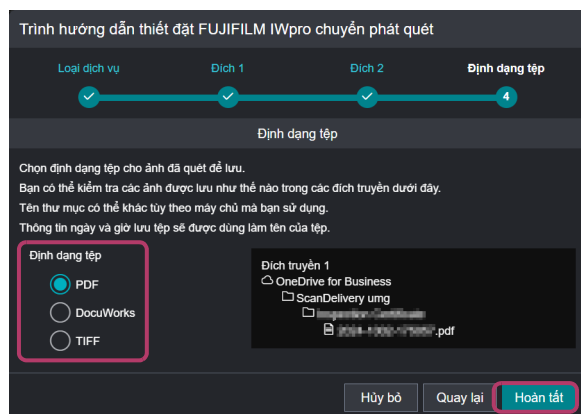
7 Kích hoạt [Cấu hình Đích truyền 2] khi cần thiết.

Khi được bật, hãy cài đặt từng mục. Nếu tắt, thông tin bạn nhập sẽ không được lưu.

Tham khảo

- Để biết thêm chi tiết, hãy tham khảo "Các mục của màn hình [Đích truyền 1]/[Đích truyền 2]"(P.53).

8 Chọn định dạng tệp cần lưu và nhấn vào [Hoàn tất].



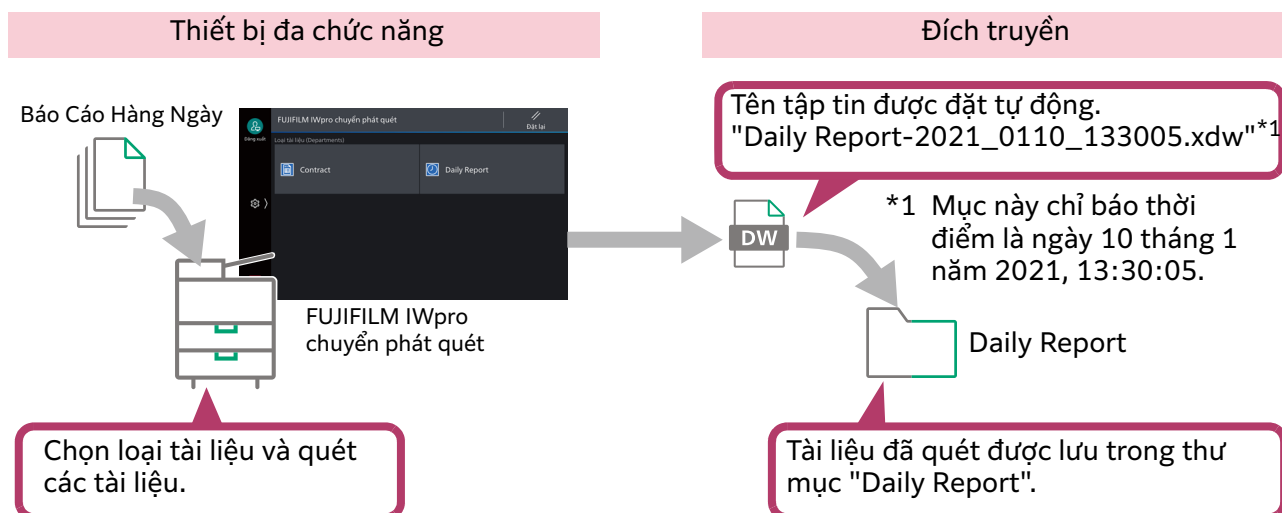
Màn hình cài đặt của FUJIFILM IWpro chuyển phát quét được hiển thị.

Ghi chú

- Các cài đặt sau thường được thiết lập cho các tài liệu được liên kết với dịch vụ.
 - Đích truyền
 - Tên thư mục: Tên loại tài liệu
 - Tên tập tin: Ngày và giờ (YYYY-MMDD-hhmmss)
 - Hiệu chỉnh vuông góc: BẬT
 - Bỏ qua trang trống: BẬT
 - Hướng thẳng đứng tự động: BẬT
 - Tách nhiều tài liệu: BẬT
- Nếu bạn muốn thực hiện các cài đặt chi tiết tùy theo dịch vụ mà không sử dụng trình hướng dẫn cài đặt, hãy tham khảo mục "Đăng ký thể loại/loại tài liệu"(P.41).

Ví dụ cấp trung 1 - Sử dụng tem Ngày và giờ cho tên tập tin

Thông tin ngày tháng và giờ của ngày bạn quét có thể được dùng cho tên tập tin. Phần này giới thiệu một ví dụ về việc thêm thông tin ngày tháng và giờ vào tên tập tin dựa trên cài đặt được chỉ định trong "Những ví dụ cơ bản - Hãy bắt đầu"(P.14). Lấy ví dụ, quét tài liệu giấy "Báo Cáo Hàng Ngày", chuyển đổi nó thành một Tài liệu DocuWorks, chỉ định [Tên loại tài liệu] và [Ngày và giờ] cho tên tập tin, và lưu tài liệu đã quét trong thư mục "Daily Report" được chia sẻ.



Ví dụ về cài đặt

Trên màn hình được thể hiện trong "Ví dụ về cài đặt"(P.44) của ví dụ cơ bản, hãy thay đổi các mục sau.

Tên tập tin

[Tên loại tài liệu]-[Ngày và giờ]

☐ Tên loại dịch vụ
☐ Tên người dùng
☐ Văn bản mã QR chung 1
☐ Văn bản mã QR chung 2
☐ Văn bản mã vạch 1
☐ Văn bản mã vạch 2

Thêm >
< Loại bỏ

Tên loại tài liệu
☐ Ngày và giờ

Văn bản tùy chỉnh 1
Văn bản tùy chỉnh 2

Thiết đặt chung cho tên tập tin/thư mục

Dấu phân tách: - (Dấu gạch nối)
Dấu phân tách ngày và giờ: _ (Dấu gạch dưới)

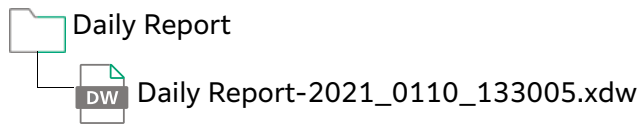
Hủy bỏ OK

Thêm [Ngày & giờ].

Chọn ký tự được dùng để chia tên tập tin thành tên loại tài liệu với ngày và giờ. Trong ví dụ này, chọn [- (Dấu gạch nối)].

Chọn ký tự được dùng để chia chuỗi ngày và giờ của tên tập tin thành năm, tháng và ngày, và giờ. Trong ví dụ này, chọn [_ (Dấu gạch dưới)].

Kết quả

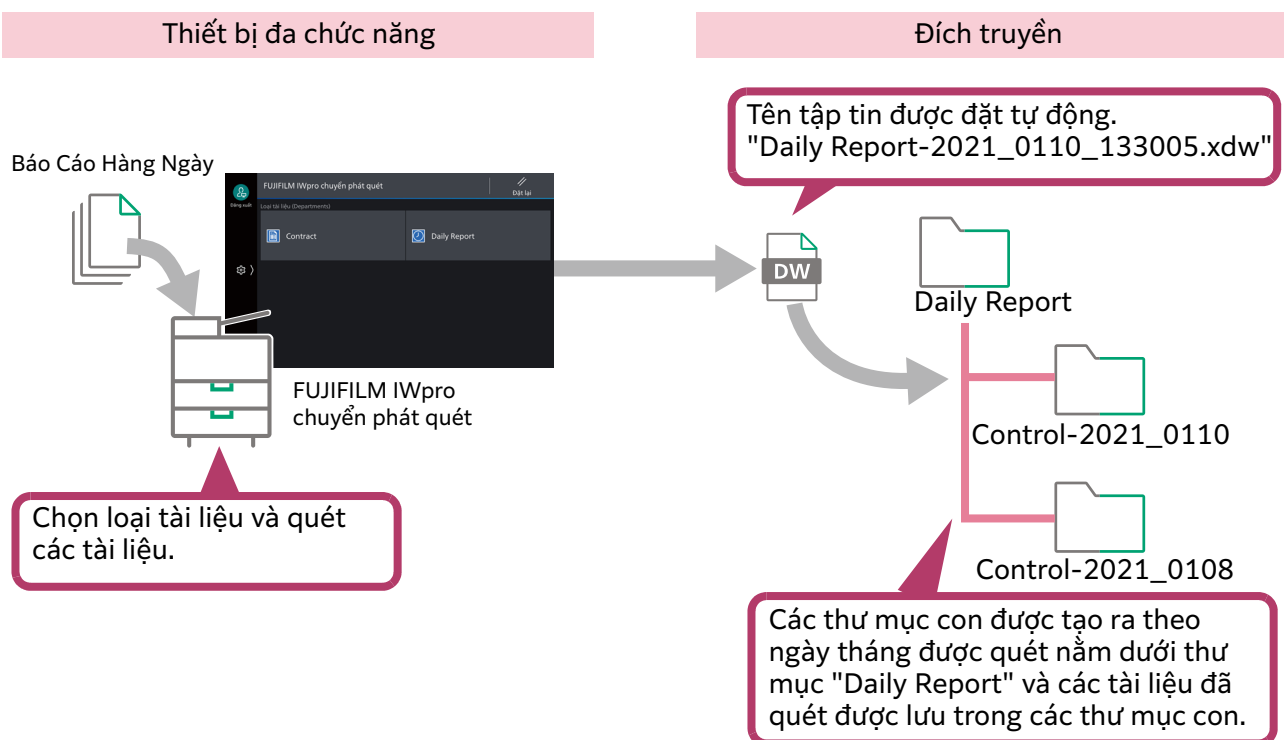


Ví dụ cấp trung 2 - Tự động tạo các thư mục con để sắp xếp các tài liệu được quét.

Thông tin ngày tháng và giờ của ngày bạn quét có thể được dùng cho tên thư mục cũng như tên tập tin. Phần này giới thiệu một ví dụ về việc sắp xếp các tài liệu được quét bằng cách tạo ra các thư mục con theo ngày tháng được quét.

Lấy ví dụ, quét tài liệu giấy "Báo Cáo Hàng Ngày" và chuyển đổi thành Tài liệu DocuWorks. Tạo các thư mục con có tên kết hợp của bất kỳ chuỗi và ngày tháng nào nằm dưới thư mục "Daily Report" được chia sẻ, và lưu tài liệu được quét ở đây.

Quy trình này cho phép sắp xếp các tài liệu được quét theo ngày tháng trong thư mục "Daily Report" được chia sẻ, và các tài liệu đã quét có thể được tìm thấy một cách dễ dàng.



Ví dụ về cài đặt

Trên màn hình được thể hiện trong mục "Ví dụ về cài đặt"(P.18) của Ví dụ trung cấp 1, hãy thay đổi các mục sau.

Đích truyền 1

Tên thư mục

Quy tắc tên thư mục

[Văn bản tùy chỉnh tên thư mục]-[Ngày]

☐ Tên loại dịch vụ
☐ Tên loại tài liệu
☐ Tên người dùng
☐ Văn bản mã QR chung 1
☐ Văn bản mã QR chung 2
☐ Văn bản mã vạch 1

Thêm >
< Loại bỏ

Văn bản tùy chỉnh

Control

Thiết đặt chung cho tên tệp/tên thư mục

Dấu phân tách: - (Dấu gạch nối)

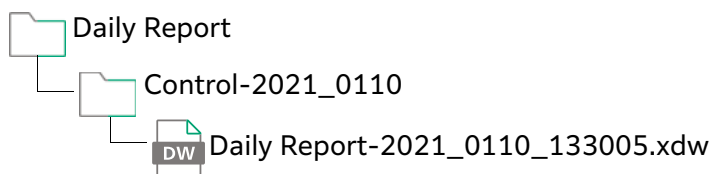
Ba ``t bup`c

Xóa thiết đặt Hủy bỏ OK

Thêm [Văn bản tùy chỉnh tên thư mục] và [Ngày tháng].
Các thư mục con được tạo ra với tên kết hợp các chuỗi đặt ở đây theo thứ tự được liệt kê.

Nhập bất kỳ chuỗi nào được dùng làm tên thư mục con. Trong ví dụ này, nhập "Control".

Kết quả

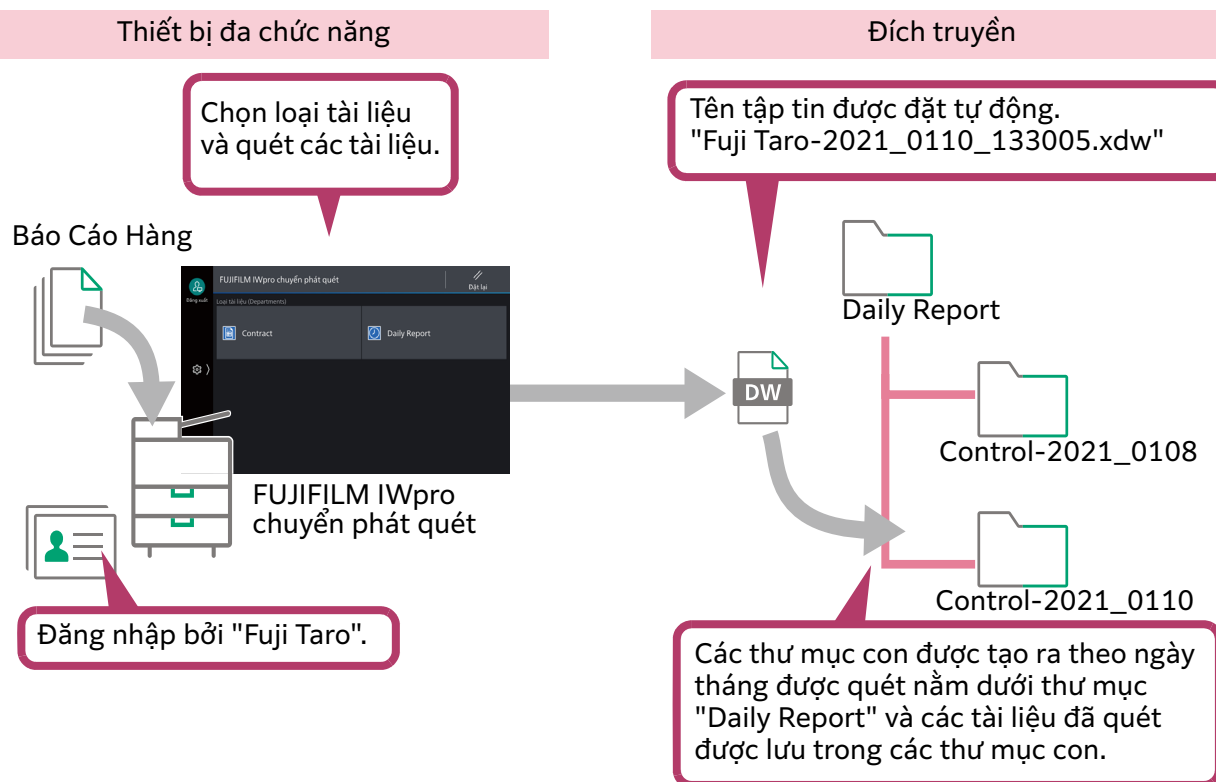


Ví dụ cấp trung 3 - Thêm thông tin xác thực vào tên tập tin

Phần này giới thiệu ví dụ về việc thêm tên người dùng được xác thực đã quét tài liệu vào tên tập tin dựa trên các cài đặt được chỉ định trong "Ví dụ cấp trung 2 - Tự động tạo các thư mục con để sắp xếp các tài liệu được quét." (P.19).

Lấy ví dụ, quét tài liệu giấy "Báo Cáo Hàng Ngày" và tạo các thư mục con theo ngày tháng đã quét nằm dưới thư mục "Daily Report" được chia sẻ, và lưu tài liệu đã quét trong các thư mục con. Hãy chỉ định [Tên người dùng] và [Ngày & giờ] cho tên tập tin.

Nếu các tài liệu được quét với các cài đặt được mô tả trong ví dụ này, tên của người dùng đã quét tài liệu sẽ được thêm vào tên tập tin một cách tự động, vì vậy người dùng sẽ không cần thay đổi tên tập tin sau khi quét.



Ví dụ về cài đặt

Trên màn hình được thể hiện trong "Ví dụ về cài đặt"(P.18) của ví dụ cấp trung 1, hãy thay đổi các mục sau.

Tên tệp

[Tên người dùng]_[Ngày và giờ]

☐ Tên loại dịch vụ
☐ Tên loại tài liệu
☐ Văn bản mã QR chung 1
☐ Văn bản mã QR chung 2
☐ Văn bản mã vạch 1
☐ Văn bản mã vạch 2

Thêm >
< Loại bỏ

☐ Tên người dùng
☐ Ngày và giờ

Văn bản tùy chỉnh 1
Văn bản tùy chỉnh 2

Thiết đặt chung cho tên tệp/tên thư mục

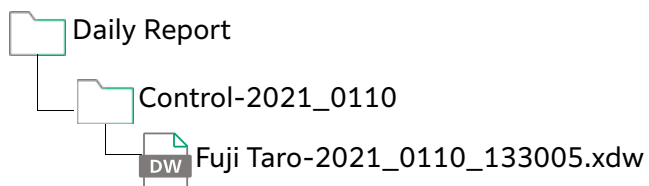
Dấu phân tách - (Dấu gạch nối) ▾
Dấu phân tách ngày và giờ _ (Dấu gạch dưới) ▾

Hủy bỏ OK

Trong [Quy tắc tên tệp], bỏ [Tên kiểu tài liệu] và thay vào đó là thêm [Tên người dùng].

Thay đổi thứ tự. Trong ví dụ này, đặt [Tên người dùng] ở vị trí đầu tiên và [Ngày & giờ] ở vị trí thứ hai.

Kết quả



Ví dụ cấp trung 4 - Sử dụng mã QR để sắp xếp các tài liệu được quét

Bạn có thể sắp xếp các tài liệu được quét bằng cách sử dụng mã QR đặc biệt cho FUJIFILM IWpro chuyển phát quét. Phần này giới thiệu ví dụ về việc cùng quét hai tài liệu khác nhau là "Báo Cáo Bán Hàng Hàng Ngày" và "Báo Cáo Kiểm Soát Hàng Ngày", và sắp xếp các tài liệu được quét một cách tự động.

Chuẩn bị hai tờ đầu trang khác nhau cho ví dụ này. Đính kèm mã QR đặc biệt cho FUJIFILM IWpro chuyển phát quét trong đó thông tin bộ phận và người chuẩn bị được gắn vào mỗi tờ đầu trang.

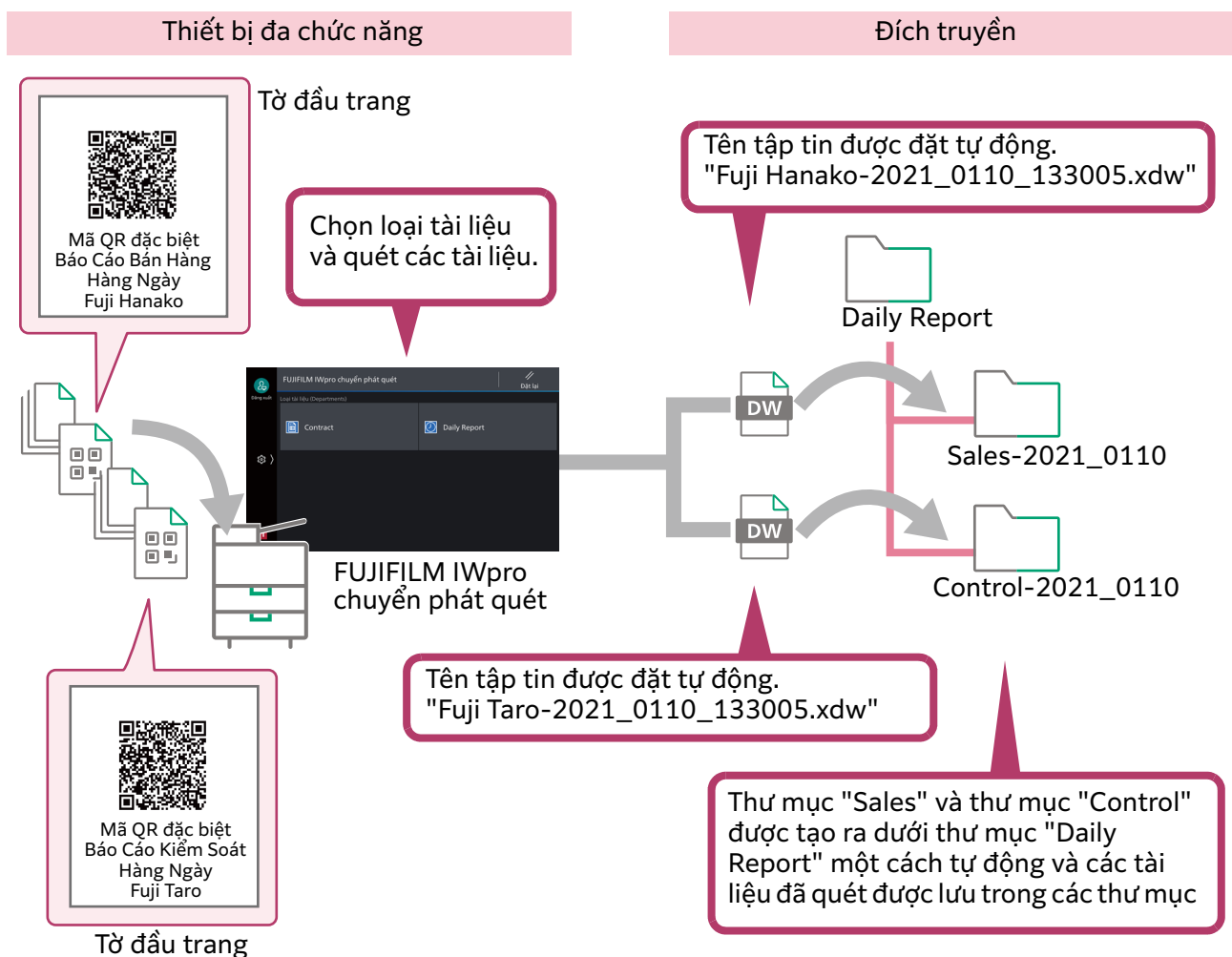
Đặt các tờ đầu trang này trên đầu từng tài liệu, và quét chúng cùng nhau bằng cách sử dụng khay nạp tài liệu. Các thư mục con có tên là "Sales" và "Control" được tạo ra một cách tự động, và lưu tập tin báo cáo hàng Ngày được đặt tên của người chuẩn bị trong các thư mục con.

Tham khảo

- Các mã QR đặc biệt cho FUJIFILM IWpro chuyển phát quét có thể được tạo ra bằng cách sử dụng công cụ tạo QR. Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo "6 Tạo tài liệu với các mã QR"(P.73).

Ghi chú

- Chọn có lưu bảng tiêu đề vào văn bản hay không tại [Xử lý trang có mã QR] (P.67).



Ví dụ về cài đặt

Các bước

- 1 Trên màn hình được thể hiện trong "Ví dụ về cài đặt"(P.22) của ví dụ cấp trung 3, hãy thay đổi các mục sau.

Nếu [Mã QR đặc biệt] được chọn, [Tên thư mục] và [Tên tệp] được đặt trên màn hình này sẽ bị vô hiệu.

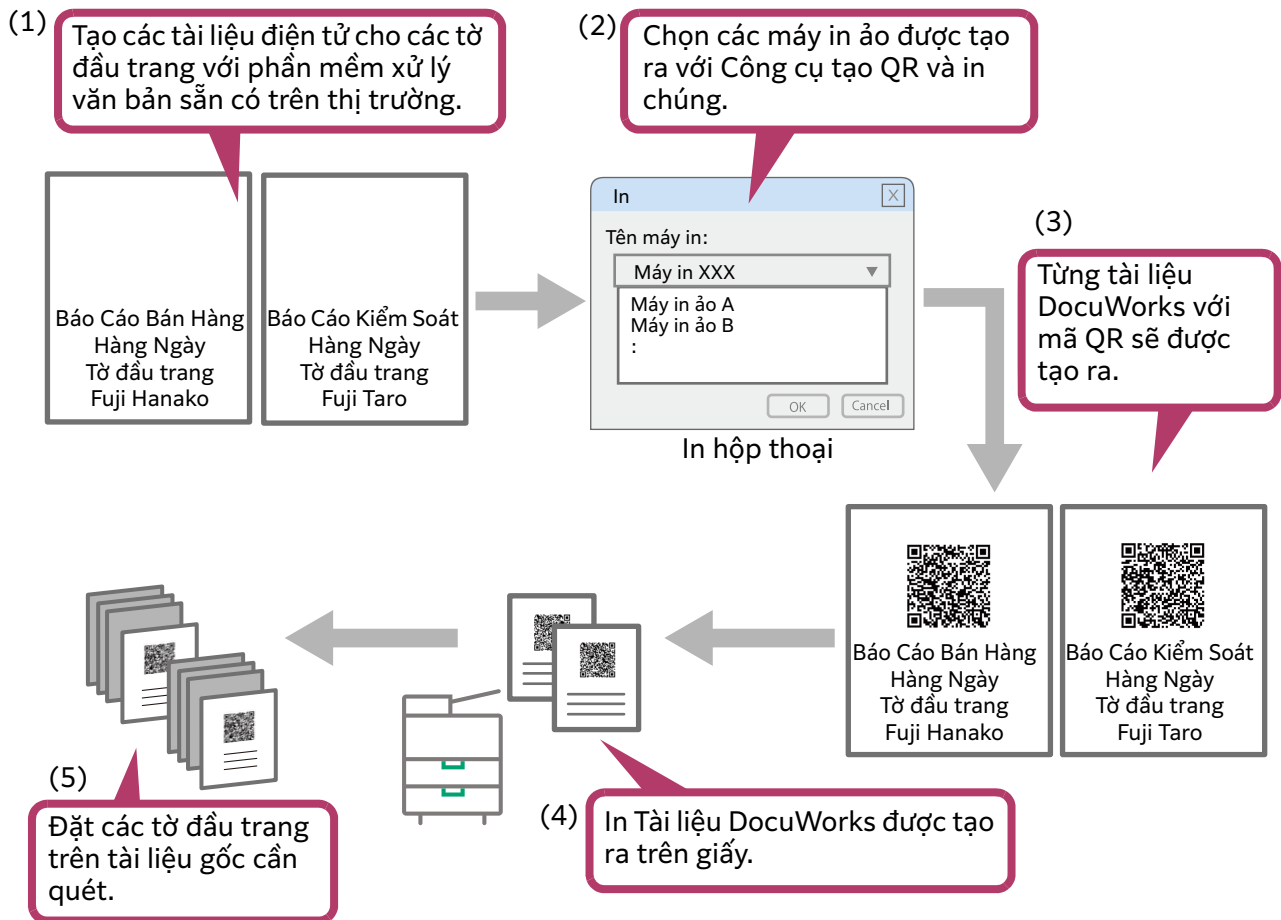
[Tên thư mục] và [Tên tệp] được đặt bằng cách sử dụng các mã QR đặc biệt.

- 2 Hãy tạo "Máy in ảo A" và "Máy in ảo B" với công cụ tạo QR.

Trên màn hình [Máy in ảo tích hợp QR mới] của Công cụ tạo QR, hãy đặt các mục sau.

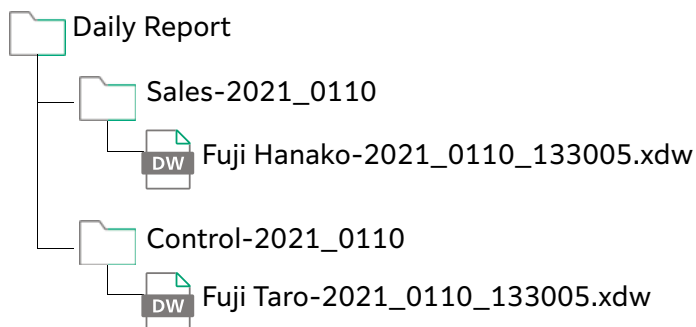
- (1) Chọn [Tạo máy in mã QR dành riêng cho chuyển phát công việc quét].
- (2) Chọn [Quy tắc tên thư mục] trong [Các mục].
- (3) Chọn các hộp kiểm [Văn bản tùy chỉnh 1] và [Ngày tháng] theo thứ tự này. Chúng sẽ xuất hiện trong tên thư mục theo thứ tự được chỉ định ở đây.
- (4) Nhập tên bộ phận vào hộp văn bản [Văn bản tùy chỉnh 1].
Nhập "Kinh doanh" cho Máy in ảo A và nhập "Kiểm soát" cho Máy in ảo B.
- (5) Chọn [Quy tắc tên tệp] trong [Các mục].
- (6) Chọn các hộp kiểm [Văn bản tùy chỉnh 1] và [Ngày và Giờ] theo thứ tự này. Chúng sẽ xuất hiện trong tên tệp theo thứ tự được chỉ định ở đây.
- (7) Nhập tên người chuẩn bị vào hộp văn bản [Văn bản tùy chỉnh 1].
Nhập "Fuji Hanako" cho Máy in ảo A và nhập "Fuji Taro" cho Máy in ảo B.

3 Tạo hai tờ đầu trang khác nhau, và in một tờ với "Máy in ảo A" và tờ còn lại với "Máy in ảo B". Khi các tờ đầu trang có đính kèm mã QR được tạo ra là Tài liệu DocuWorks, in chúng ra trên giấy và đặt chúng trên mỗi bản gốc cần quét.



4 Quét các tài liệu gốc cùng với các tờ đầu trang bằng cách sử dụng khay nạp tài liệu. Lúc đó, chọn [Chia theo mã QR] cho [Chia nhiều tài liệu] trên màn hình FUJIFILM IWpro chuyển phát quét.

Kết quả



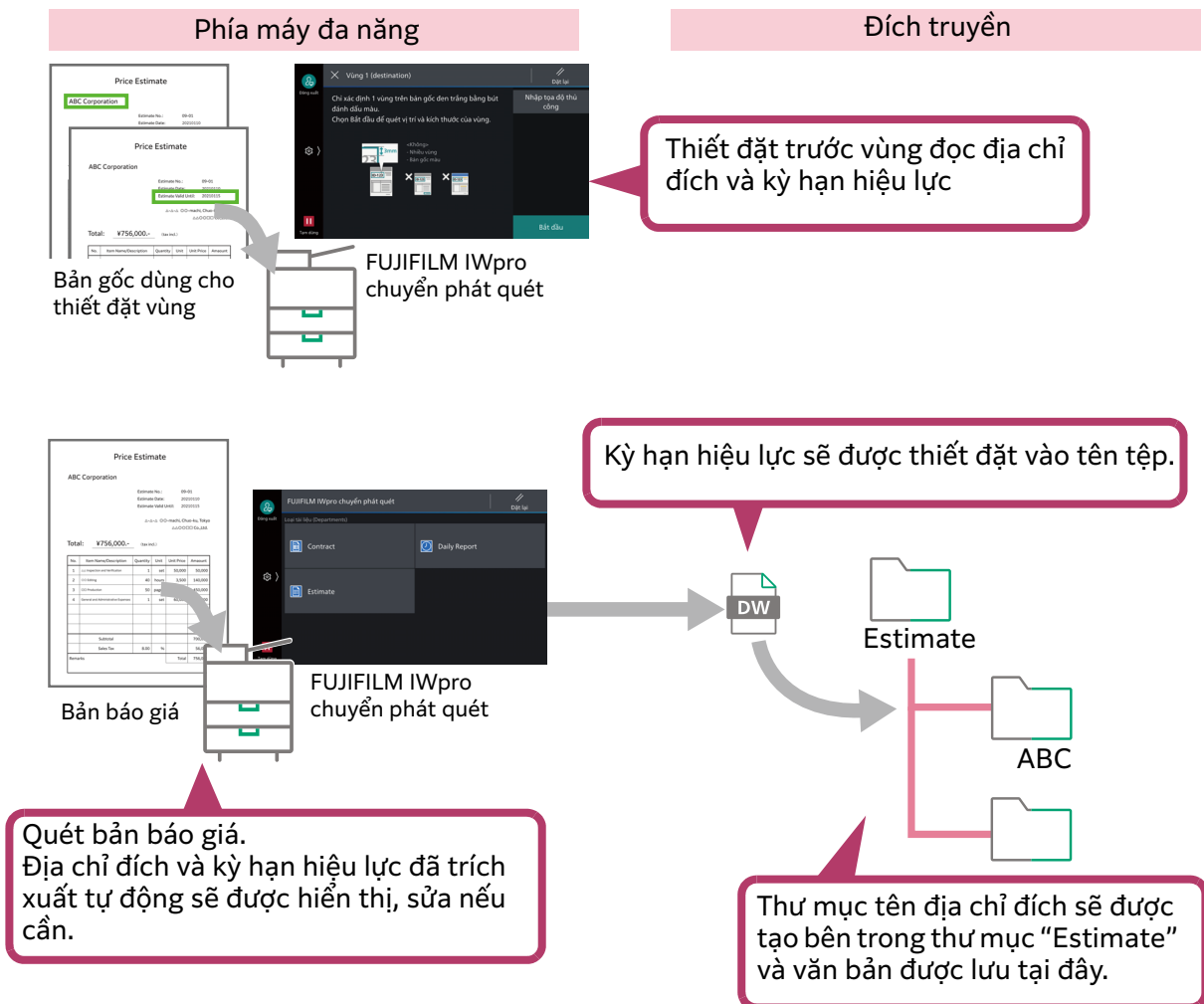
Ví dụ cấp trung 5 - để phân loại tài liệu

Có thể sử dụng thông tin tài liệu có chứa bản báo giá là biểu mẫu cố định để phân loại tài liệu. Tại đây sẽ giới thiệu ví dụ về việc sử dụng “destination”, “expiration date” trong bản báo giá đã quét để phân loại tự động.

Trong trường hợp này, sử dụng bản gốc có ghi “destination” và “expiration date”. Thiết đặt trước vùng có ghi Địa chỉ đích và Kỳ hạn hiệu lực làm vùng trích xuất thông tin ký tự.

Khi quét “Estimate” là văn bản giấy thì thông tin ký tự “destination” và “expiration date” sẽ được trích xuất. Sử dụng “destination” đã được trích xuất vào tên thư mục con trong thư mục chia sẻ “Estimate”, sử dụng “expiration date” vào tên tệp.

Khi sử dụng chức năng này thì sẽ có thể sử dụng thông tin có mô tả trong văn bản để phân loại văn bản, thiết đặt tên tệp, vậy nên không cần phải kiểm tra nội dung tệp, thay đổi tên tệp để phân loại sau đó.



Thực hiện thiết đặt theo trình tự như sau.

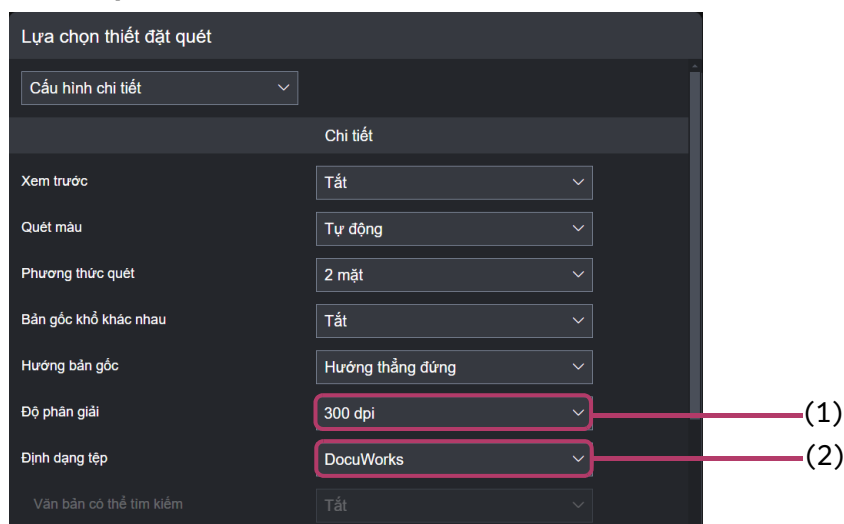
- Bước 1 Thiết lập Loại tài liệu bằng cách sử dụng Dịch vụ Internet
- Bước 2 Tạo bản gốc dùng để thiết đặt vùng
- Bước 3 Quét bản gốc và thiết đặt vùng quét
- Bước 4 Quét bản báo giá

Bước 1 Thiết lập Loại tài liệu bằng cách sử dụng Dịch vụ Internet

Tham khảo phần cơ bản "Hiển thị màn hình Cài đặt"(P.15) để thiết đặt loại văn bản.

Các bước

- 1** Nhấp vào [Thêm] > [Tạo] trong [Loại tài liệu] trên màn hình Thiết đặt FUJIFILM IWpro chuyển phát quét.
- 2** Nhập "Ước tính" làm tên loại tài liệu.
- 3** Nhấp vào [Lựa chọn thiết đặt quét] trong [Thiết đặt quét] và định cấu hình các thiết đặt như sau:
 - (1) Chỉ định [Độ phân giải].
 - (2) Chọn định dạng tệp tin là [DocuWorks].
 - (3) Nhấp vào [OK].



- 4** Nhấp vào [Trích xuất văn bản tự động] trong [Thiết đặt quét] và định cấu hình các thiết đặt như sau:
 - (1) Chọn [Bật] từ menu trích xuất văn bản tự động.
 - (2) Chọn ngôn ngữ văn bản.
 - (3) Chọn hộp kiểm [Vùng quét 1] và nhấp vào [Thiết đặt vùng]. Chọn dấu kiểm [Quét tài liệu được đánh dấu bằng bút đánh dấu màu] trong hộp thoại [Thiết đặt vùng], và nhập "dịch" trong [Tên vùng].
 - (4) Chọn hộp kiểm [Vùng quét 2] và nhấp vào [Thiết đặt vùng]. Chọn các thiết đặt như (3) và nhập "ngày hết hạn" trong [Tên vùng].
 - (5) Bật [Hiển thị màn hình xác nhận].
 - (6) Nhấp vào [OK].
- 5** Nhấp vào [Đích truyền 1] trong [Thiết đặt truyền] và định cấu hình các thiết đặt như sau:
 - (1) Chọn [SMB] trong [Loại máy chủ] và nhập các thông tin cần thiết.
 - (2) Nhập "Estimate" trong [Tên dùng chung].
 - (3) Bật [Quy tắc tên thư mục] và thêm [Khu vực quét 1 (tự động trích xuất)].

(4) Nhấp vào [OK].

6 Nhấp vào [Tên tệp] trong [Thiết đặt tài liệu] và định cấu hình các thiết đặt như sau:

(1) Thêm [Khu vực quét 2 (tự động trích xuất)] và [Ngày và giờ] vào tên tệp.
Chỉ định [Khu vực quét 2 (tự động trích xuất)] và [Ngày và giờ] theo thứ tự.

(2) Nhấp vào [OK].

7 Nhấp vào [OK].

8 Nhấp vào [Áp dụng].

Bước 2 Tạo bản gốc dùng để thiết đặt vùng

Chuẩn bị bản gốc (Bản báo giá) có thể đánh dấu để thiết đặt vùng. Lần này sẽ chuẩn bị 2 bản gốc do muốn trích xuất 2 vị trí là địa chỉ đích và kỳ hạn hiệu lực.

Bản gốc dùng để thiết đặt là bản gốc in đen trắng. Nếu là bản gốc màu thì hãy sao bản đen trắng trước khi dùng.

Sử dụng bút đánh dấu màu (khuyến nghị màu xanh lá cây) để chỉ định vị trí mô tả Địa chỉ đích trong bản gốc dùng để thiết đặt.

6. Tham khảo

- Hãy tham khảo mục lưu ý "Tạo bản gốc dùng để thiết đặt vùng"(P.83) khi chỉ định vùng.

Price Estimate

ABC Corporation

Estimate No.: 09-01
Estimate Date: 20210110
Estimate Valid Until: 20210115

△-△-△ ○○-machi, Chuo-ku, Tokyo
△△○○□□ Co.,Ltd.

Total: ¥756,000,- (Tax Incl.)

No.	Item Name/Description	Quantity	Unit	Unit Price	Amount
1	1st Inspection and Test Fee	1	set	50,000	50,000
2	OD Entry	40	pieces	3,500	140,000
3	OD Production	50	pages	9,000	450,000
4	General and Administrative Expenses	1	set	60,000	60,000
					0
					0
					0
	Subtotal				700,000
	Sales Tax	8.00	%		56,000
					0
	Total				756,000

Remarks

Price Estimate

ABC Corporation

Estimate No.: 09-01
Estimate Date: 20210110
Estimate Valid Until: 20210115

△-△-△ ○○-machi, Chuo-ku, Tokyo
△△○○□□ Co.,Ltd.

Tương tự, sử dụng bút đánh dấu màu để chỉ định vị trí mô tả kỳ hạn hiệu lực trên bản gốc dùng để thiết đặt kia.

Price Estimate

ABC Corporation

Estimate No.: 09-01
Estimate Date: 20210110
Estimate Valid Until: 20210115

△-△-△ ○○-machi, Chuo-ku, Tokyo
△△○○□□ Co.,Ltd.

Total: ¥756,000,- (Tax Incl.)

No.	Item Name/Description	Quantity	Unit	Unit Price	Amount
1	1st Inspection and Test Fee	1	set	50,000	50,000
2	OD Entry	40	pieces	3,500	140,000
3	OD Production	50	pages	9,000	450,000
4	General and Administrative Expenses	1	set	60,000	60,000
					0
					0
					0
	Subtotal				700,000
	Sales Tax	8.00	%		56,000
					0
	Total				756,000

Remarks

Price Estimate

ABC Corporation

Estimate No.: 09-01
Estimate Date: 20210110
Estimate Valid Until: 20210115

△-△-△ ○○-machi, Chuo-ku, Tokyo
△△○○□□ Co.,Ltd.

Bước 3 Quét bản gốc và thiết đặt vùng quét

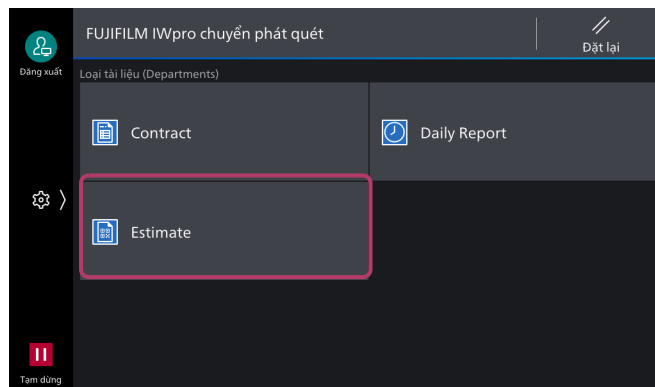
Quét bản gốc dùng để thiết đặt đã tạo tại bước 2, sau đó thiết đặt vùng quét. Thao tác này được thực hiện bởi người quản trị hệ thống.

Ghi chú

- Nếu vùng quét chưa được thiết đặt, thì toàn bộ người dùng đều không thể chọn loại văn bản, ngoại trừ quản trị viên.

Các bước

- 1** Hiển thị màn hình [FUJIFILM IWpro chuyển phát quét], chọn [Estimate] đã tạo tại bước.



- 2** Chọn [Vùng 1 (destination)].
- 3** Đặt bản gốc dùng để thiết đặt địa chỉ đích đã tạo tại bước 2 vào thiết bị đa năng, sau đó nhấn [Vùng quét].
Quá trình quét được thực hiện và tọa độ (đơn vị mm) của vùng được đọc từ bản gốc được hiển thị.
- 4** Nếu cần, nhấn [+] và [-] để điều chỉnh giá trị.
Sau khi xác nhận hoặc sửa, nhấn [OK].
- 5** Lặp lại các bước 2 đến 4 tương tự đối với [Vùng 2 (expiration date)] để thiết đặt vùng kỳ hạn hiệu lực.
- 6** Xác nhận nội dung và nhấn [Tiếp].
- 7** Nếu màn hình xác nhận thiết đặt được hiển thị, nhấn [Tiếp].
- 8** Đặt tài liệu vào thiết bị đa chức năng.
Ví dụ, thực hiện quét bản báo giá có ghi địa chỉ đích là "ABC Corporation", kỳ hạn hiệu lực là "20210115".

Các văn bản này sẽ được trích xuất tự động

Price Estimate

ABC Corporation

Estimate No.: 09-01
Estimate Date: 20210115
Estimate Valid Until: 20210115

△-△-△ OO-machi, Chuo-ku, Tokyo
△△○○□□ Co.,Ltd.

Total: ¥756,000.00 (tax incl.)

No.	Item Name/Description	Quantity	Unit	Unit Price	Amount
1	△△△△△△△△△△	1	set	50,000	50,000
2	△△△△△△△△△△	40	hours	3,500	140,000
3	△△△△△△△△△△	50	pages	9,000	450,000
4	△△△△△△△△△△	1	set	60,000	60,000
					0
					0
	Subtotal				700,000
	Sales Tax	8.00	%		56,000
	Remarks				
					Total 756,000

Price Estimate

ABC Corporation

Estimate No.: 09-01
Estimate Date: 20210115
Estimate Valid Until: 20210115

△-△-△ OO-machi, Chuo-ku, Tokyo
△△○○□□ Co.,Ltd.

Ghi chú

- Ở đây không dùng bản gốc dùng để thiết đặt vùng mà sẽ đặt bản gốc sẽ quét thực tế.

9 Bắt đầu quét.

Quá trình quét được thực hiện và màn hình [Kết quả trích xuất văn bản] được hiển thị.

10 Kiểm tra địa chỉ đích và kỳ hạn hiệu lực được trích xuất.

Nếu chuỗi ký tự đã được trích xuất đúng thì nhấn [Gửi].

Nếu kết quả trích xuất sai thì nhấn [Đặt lại thiết đặt vùng quét]

Ghi chú

- Trường hợp đã thiết đặt [Xác định số ký tự (1 - 70)], lúc này sẽ không trích xuất ra ký tự vượt quá số ký tự thiết đặt.

Các thiết đặt đã hoàn tất như trên. Xác nhận và đảm bảo rằng thư mục đích gửi "Estimate" ở trạng thái như sau.



Bước 4 Quét bản báo giá

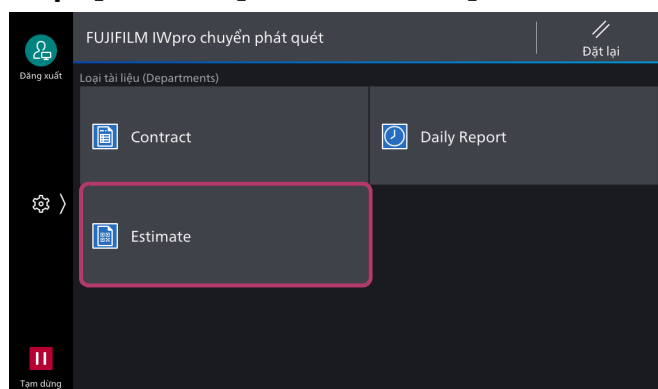
Từ đây là thao tác của người dùng.

Quét bản gốc khác có biểu mẫu giống như ở bước 3 để kiểm tra hoạt động.

Ví dụ, quét bản báo giá có ghi địa chỉ đích là “ABC Corporation”, kỳ hạn hiệu lực là “20210118”.

Các bước

1 Chọn [Estimate] trên màn hình [FUJIFILM IWpro chuyển phát quét].



2 Nếu màn hình xác nhận thiết đặt được hiển thị, nhấn [OK].

3 Đặt tài liệu vào thiết bị đa chức năng và bắt đầu quét.

Quá trình quét được thực hiện và màn hình [Kết quả trích xuất văn bản] được hiển thị.

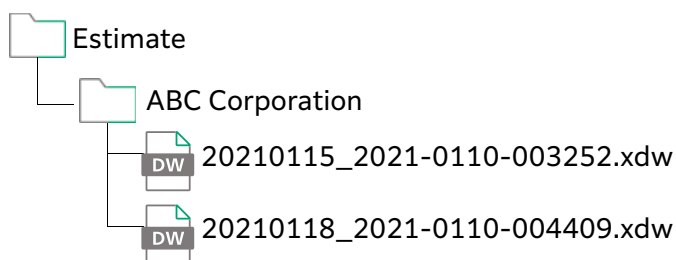
4 Kiểm tra địa chỉ đích và kỳ hạn hiệu lực được trích xuất.

Nếu kết quả trích xuất sai thì hãy chọn hạng mục .

5 Sau khi sửa chuỗi ký tự, nhấn [OK].

6 Kiểm tra nội dung đã sửa và nhấn [Gửi].

Các tệp có kỳ hạn hiệu lực khác nhau được lưu trữ trong thư mục tên đích trong thư mục “Estimate”.



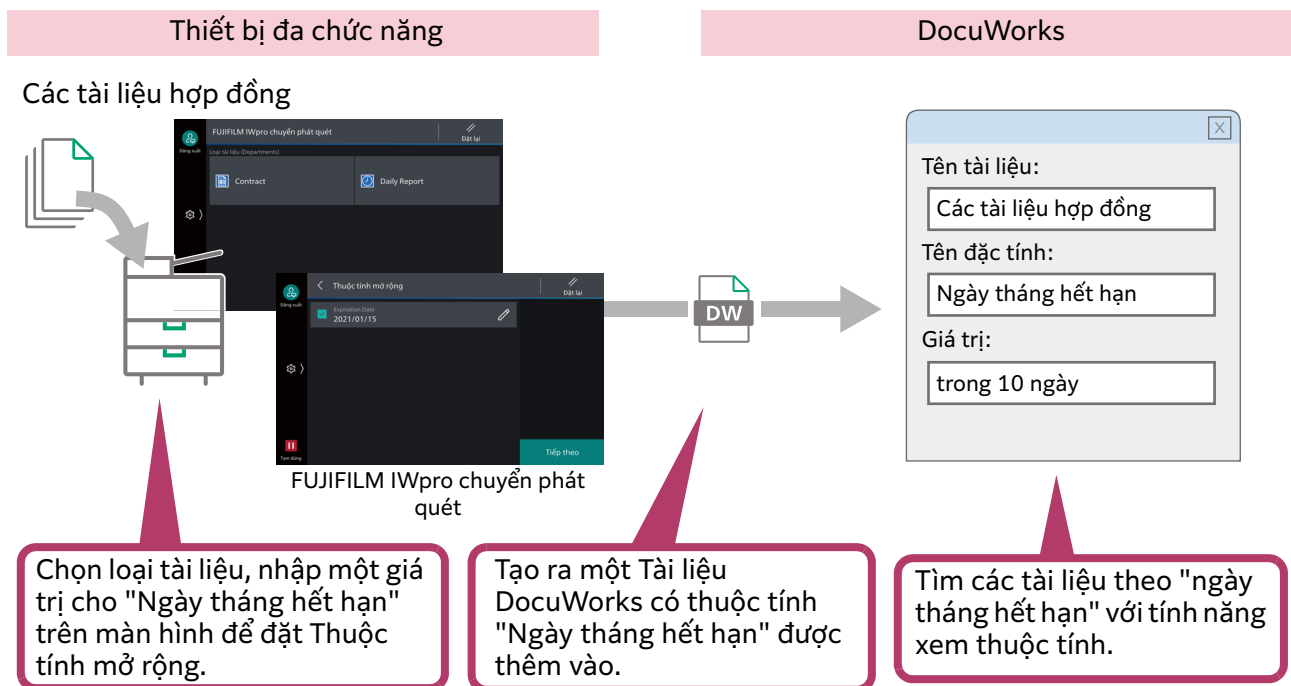
Ví dụ nâng cao - Đặt thuộc tính mở rộng thành tìm kiếm cho Tài liệu DocuWorks

Sử dụng tính năng Thuộc tính mở rộng của FUJIFILM IWpro chuyển phát quét cho phép bạn nhập bất kỳ giá trị thuộc tính nào khi quét và lưu chúng trong tài liệu đã quét. Các giá trị thuộc tính đã lưu có thể được dùng để tìm kiếm tài liệu đã quét.

Ví dụ, quét một tài liệu hợp đồng, thêm ngày tháng hết hạn vào đó, và lưu thành một Tài liệu DocuWorks. Với tính năng xem thuộc tính của DocuWorks, bạn có thể tìm kiếm các tài liệu đã lưu theo ngày tháng hết hạn và chỉ tìm các tài liệu hợp đồng hết hạn trong 10 ngày.

6.8 Tham khảo

- Để biết thêm thông tin về tính năng xem thuộc tính của DocuWorks, tham khảo sách hướng dẫn sử dụng đi kèm với DocuWorks.



Ví dụ về cài đặt

The screenshot shows the 'Thuộc tính mở rộng 1' (Extended property 1) configuration screen. It includes the following fields:

- Thêm thuộc tính (Add property):** A dropdown menu with 'Có' (Yes) selected.
- Tên thuộc tính (Property name):** A text field containing 'Expiration Date'.
- Loại thuộc tính (Property type):** A dropdown menu with 'Ngày' (Date) selected.
- Giá trị thuộc tính (Property value):** A text field containing the format '#YYYYMMDD#'.

A callout box explains: 'Nếu "expiration date" được chỉ định cho tên thuộc tính và [Ngày tháng] được chọn từ kiểu thuộc tính, màn hình để nhập ngày hết hạn sẽ xuất hiện trên bảng điều khiển của thiết bị đa chức năng khi quét.' (If "expiration date" is specified for the property name and [Date month] is selected from the property type, the screen for entering the expiration date will appear on the multi-function device control panel when scanning).

3 Các yêu cầu hệ thống

Các thiết bị đa chức năng

Từng dịch vụ có trong FUJIFILM IWpro chuyển phát quét đều khả dụng trên các thiết bị đa chức năng đáp ứng các yêu cầu bên dưới.

Nếu thiết bị đa chức năng của bạn không đáp ứng các yêu cầu, hãy mua các thành phần tùy chọn nếu cần.

- Bộ nhớ
- Bộ nhớ hệ thống từ 2 GB trở lên
- Bộ kit máy in
- Bộ kit máy quét

Bạn có thể kiểm tra bộ nhớ lưu trữ này và bộ nhớ hệ thống trên thiết bị đa chức năng của mình bằng các quy trình sau.

Các bước

- 1** Nhấn [Tình trạng thiết bị] > [Chi tiết].
- 2** Nhấn [Cấu hình thiết bị].
- 3** Đảm bảo rằng hạng mục [Bộ lưu trữ] đang hiển thị, và hạng mục [Dung lượng hệ thống] từ 2048 MB trở lên.

Máy chủ FTP/SMB là điểm đích chuyển tiếp

Các máy chủ FTP và SMB được dùng cho FUJIFILM IWpro chuyển phát quét phải đáp ứng các yêu cầu sau đây.

Đối với Windows

Các mẫu được hỗ trợ là các máy chủ FTP và SMB được bao gồm trong IIS (Internet Information Services) do Windows cung cấp.

Các hệ điều hành được hỗ trợ như sau.

- Windows Server 2022
- Windows Server 2019
- Windows Server 2016
- Windows 11
- Windows 10

Đối với Mac OS

Hỗ trợ các máy chủ SMB được bao gồm trong các tính năng chia sẻ tập tin do Mac OS cung cấp.

Các hệ điều hành được hỗ trợ như sau.

- macOS 13 Ventura
- macOS 12 Monterey
- macOS 11 Big Sur
- macOS 10.15 Catalina

Các dịch vụ đám mây làm đích truyền

FUJIFILM IWpro chuyển phát quét cho phép truyền các tài liệu đến các dịch vụ đám mây sau đây.

- Working Folder
- Box
- Dropbox
- Google Drive
- OneDrive for Business
- SharePoint Online

Ghi chú

- Working Folder là một dịch vụ để lưu trữ tài liệu của người dùng trong một khu vực lưu trữ mà chúng tôi cung cấp. Để sử dụng Working Folder cần có thêm hợp đồng.
- Để sử dụng các dịch vụ đám mây khác, cần có thêm hợp đồng.

4 Cài đặt môi trường

Cài đặt môi trường để sử dụng FUJIFILM IWpro chuyển phát quét trên thiết bị đa chức năng của bạn.

Các cài đặt thiết bị đa chức năng

Để sử dụng FUJIFILM IWpro chuyển phát quét, cần các cài đặt sau đây. Trước khi sử dụng tính năng này, đảm bảo chắc chắn mỗi mục được thiết lập chính xác. Để biết thêm chi tiết, hãy tham khảo hướng dẫn đi kèm theo máy.

Hạng mục	Các cài đặt
Cổng SOAP	[Thiết bị] > [Thiết đặt mạng] > [Thiết đặt cổng] > [SOAP] - SOAP - Tình trạng cổng: Bật - SOAP - Số cổng: 80
FTP Client ^{*1}	[Thiết bị] > [Thiết đặt mạng] > [Thiết đặt cổng] > [FTP Client] FTP Client - Tình trạng cổng: Bật
Máy khách SMB ^{*2}	[Thiết bị] > [Thiết đặt mạng] > [Thiết đặt cổng] > [Máy khách SMB] Máy khách SMB - Tình trạng cổng: Bật
Địa chỉ IP máy chủ DNS ưu tiên ^{*3}	[Thiết bị] > [Thiết đặt mạng] > [Thiết đặt giao thức] > [TCP/IP - Thiết đặt mạng] Nếu [IPv4 - Độ phân giải địa chỉ IP] được thiết lập thành [TĨNH], thay đổi [TĨNH] thành [DHCP] ngay lúc này. [IPv4 - Thiết lập máy chủ DNS]: - Lấy địa chỉ IP từ DHCP: Tắt - Địa chỉ IP máy chủ DNS ưu tiên 1
Thiết đặt thư đi (SMTP) ^{*4}	[Thiết bị] > [Thiết đặt mạng] > [Thiết đặt cổng] > [Gửi Email] - Tình trạng cổng: Bật [Thiết bị] > [Thiết đặt mạng] > [Thiết đặt Email đi/đến] > [Thiết đặt máy chủ SMTP] - Tên / Địa chỉ IP máy chủ SMTP - Số cổng máy chủ SMTP [Thiết bị] > [Thiết đặt mạng] > [Địa chỉ E-mail / Tên máy chủ của máy] - Địa chỉ E-mail
Dịch vụ thông báo E-mail ^{*4}	[Thiết bị] > [Thiết đặt mạng] > [Thiết đặt cổng] > [Dịch vụ thông báo Email] Tình trạng cổng: Bật
Phần bổ sung đã nhúng	[Thiết bị] > [Thiết đặt hệ thống] > [Thiết đặt phần bổ sung] Phần bổ sung đã nhúng: Bật
Thiết lập trình duyệt Web	[Thiết bị] > [Thiết đặt ứng dụng] > [Thiết lập trình duyệt Web] - Xóa cache khi đóng: Đã tắt - Dùng Cache: Đã bật

- *1 Thiết lập nó khi bạn lưu một tài liệu trên các máy chủ FTP.
- *2 Nếu bạn gửi một tài liệu tới một thư mục được chia sẻ trên Windows hoặc Mac thông qua chuyển SMB, vui lòng thiết lập mục này.
- *3 Thiết lập nó khi bạn chuyển tiếp một tài liệu thành Working Folder.
- *4 Thiết lập nó khi bạn thông báo bằng e-mail khi kết thúc quá trình quét.

Ghi chú

- Chỉ định số cổng của máy chủ FTP khi tạo thông tin loại tài liệu. Khi tạo thông tin loại tài liệu, số cổng đã biết được thiết lập cho các Plug-in nhúng vào được áp dụng.

Thiết đặt các Internet Services

Hạng mục	Cài đặt
Bật ứng dụng hỗ trợ	[Ứng dụng] > [Thiết đặt ứng dụng] • Bật ứng dụng hỗ trợ: Bật
Phần bổ sung đã nhúng	[Hệ thống] > [Thiết đặt phần bổ sung] • Phần bổ sung đã nhúng: Bật

5 Các cài đặt FUJIFILM IWpro chuyển phát quét (vận hành bởi người quản trị)

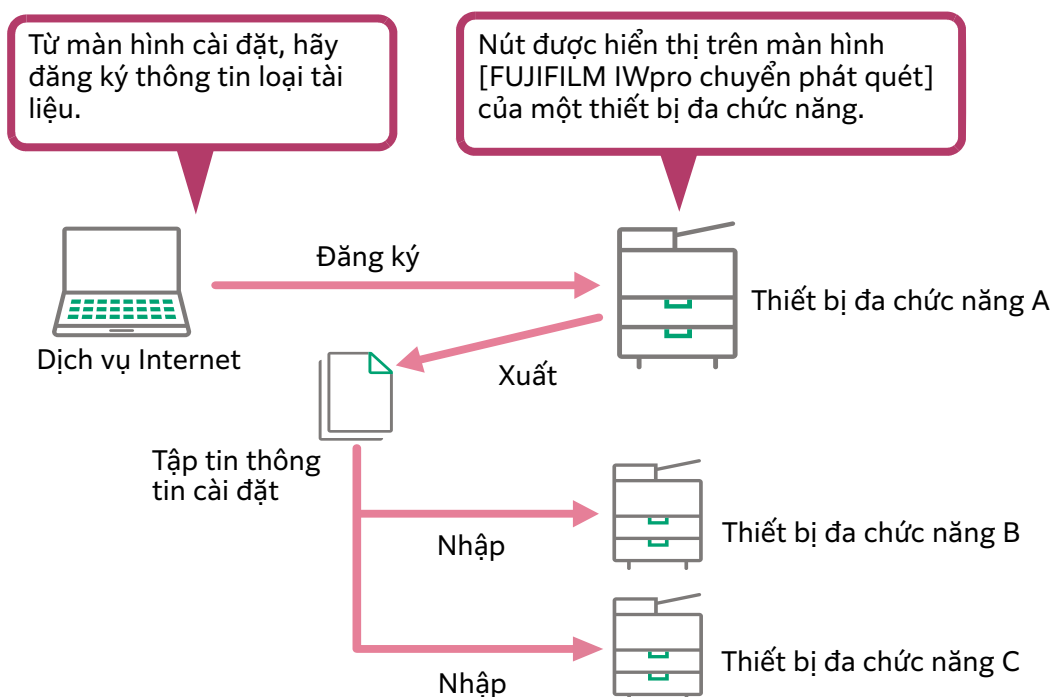
Người quản trị sẽ thao tác và quản lý FUJIFILM IWpro chuyển phát quét bằng màn hình Thiết đặt phần bổ sung do Dịch vụ Internet hiển thị.

Những điều bạn có thể làm trên màn hình cài đặt của FUJIFILM IWpro chuyển phát quét

Quản lý thông tin cài đặt

Bằng cách thiết lập thông tin về thể loại hoặc loại tài liệu, bạn có thể đăng ký thông tin đó cho một thiết bị đa chức năng. Ngoài ra, bạn có thể xóa thông tin của thể loại hoặc loại tài liệu được thiết lập cho thiết bị đa chức năng. Thiết lập thông tin được áp dụng cho màn hình [FUJIFILM IWpro chuyển phát quét] trên thiết bị đa chức năng.

Bạn cũng có thể xuất tập tin cài đặt thành tập tin bên ngoài. Bằng cách nhập tập tin đã xuất ra vào các thiết bị đa chức năng khác, bạn có thể có nhiều thiết bị với cùng cài đặt.



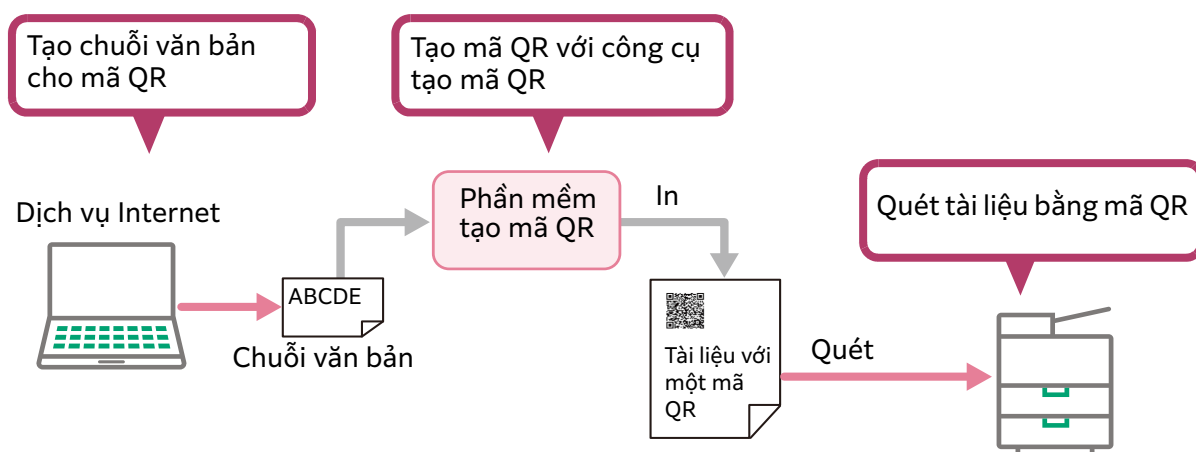
Tạo chuỗi văn bản cho mã QR chuyên dụng cho FUJIFILM IWpro chuyển phát quét

Bạn có thể tạo các chuỗi văn bản mã QR (thông tin văn bản) được quét bằng FUJIFILM IWpro chuyển phát quét. Thông tin về quy tắc tên tệp, quy tắc tên thư mục, và thuộc tính mở rộng sẽ được cài đặt trong các chuỗi văn bản mã QR.

Bằng cách chuyển đổi chuỗi văn bản cho mã QR được tạo ra ở đây thành mã QR với phần mềm tạo mã QR có sẵn trên thị trường và in nó trên bản gốc, bạn có thể tạo một tài liệu với mã QR được hỗ trợ bởi FUJIFILM IWpro chuyển phát quét.

Ghi chú

- Với công cụ tạo cài đặt, bạn chỉ có thể tạo chuỗi văn bản cho mã QR (thông tin văn bản). Bạn không thể tạo mã QR.
- Công cụ tạo QR cho phép bạn tạo các mã QR đặc biệt cho FUJIFILM IWpro chuyển phát quét để đính kèm vào Tài liệu DocuWorks. Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo "6 Tạo tài liệu với các mã QR"(P.73).
- Tùy thuộc vào số ký tự và độ phân giải của mã QR, các khu vực in được giải mã khác nhau về kích thước. Để biết chi tiết, hãy tham khảo "Chú ý và hạn chế"(P.98).



Hiện thị màn hình cài đặt

Các bước sau mô tả cách hiển thị màn hình cài đặt của FUJIFILM IWpro chuyển phát quét.

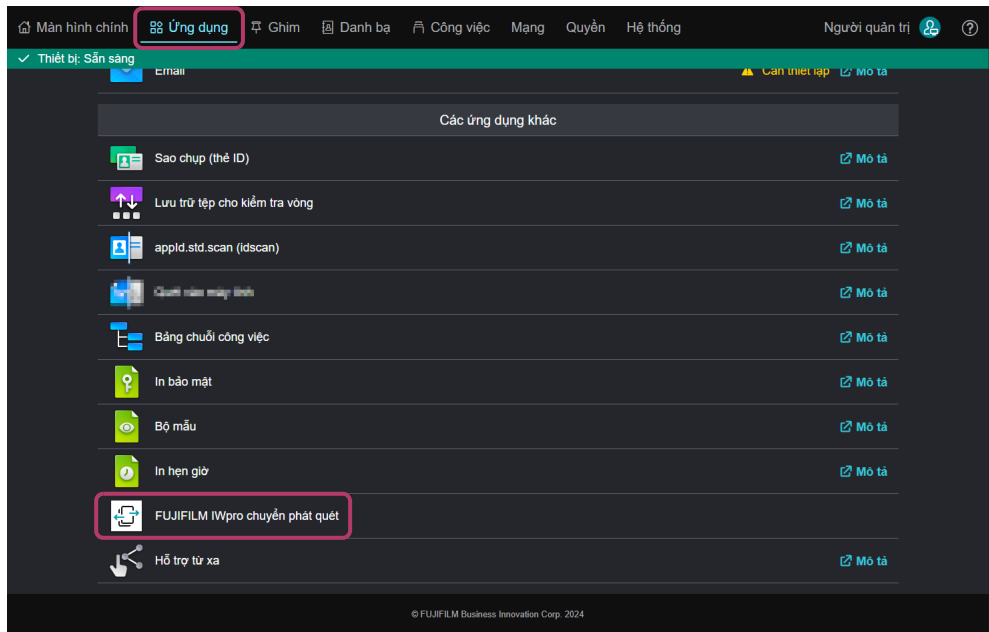
Ghi chú

- Khi bạn khởi động màn hình cài đặt lần đầu tiên, màn hình [Trình h.dẫn thiết lập FUJIFILM IWpro chuyển phát quét] sẽ được hiển thị. Để biết thêm chi tiết, hãy tham khảo "Các cài đặt ban đầu bằng Trình hướng dẫn Thiết lập"(P.15)

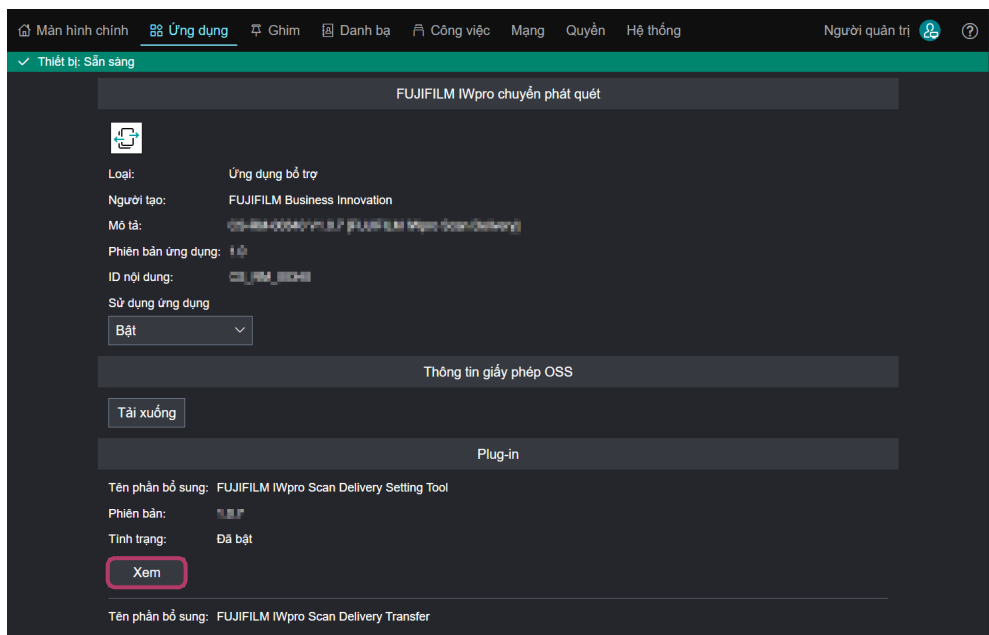
Các bước

- 1 Khởi động máy tính, sau đó khởi động trình duyệt web.**
- 2 Nhập địa chỉ IP của thiết bị hoặc địa chỉ internet vào thanh địa chỉ của trình duyệt web.**
Dịch vụ Internet được bắt đầu.
- 3 Vào chế độ quản trị hệ thống.**

4 Nhấp vào [Ứng dụng], và chọn [FUJIFILM IWpro chuyển phát quét] trong [Các ứng dụng khác].



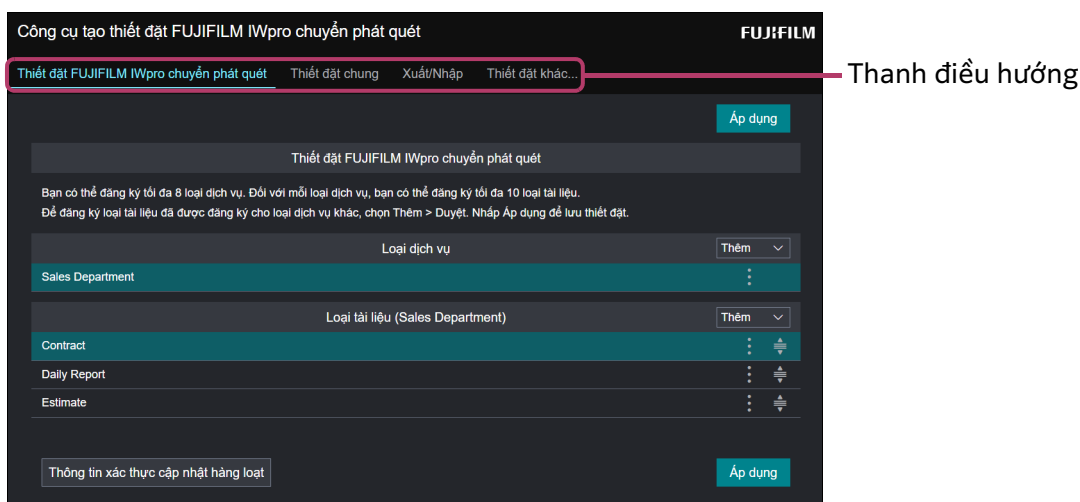
5 Nhấp vào [Xem] trong [Plug-in].



6 Đăng nhập vào FUJIFILM IWpro bằng trình duyệt web.

7 Nếu màn hình yêu cầu tên người dùng và mật khẩu được hiển thị, nhập ID người quản trị hệ thống và mật khẩu, sau đó nhấp [Đăng nhập].
Màn hình cài đặt của FUJIFILM IWpro chuyển phát quét được hiển thị.

Chi tiết về màn hình cài đặt



Các hạng mục	Mô tả
Thanh điều hướng	Cho phép bạn chuyển đổi màn hình thiết đặt.
Thêm (Loại dịch vụ)	
Sử dụng Trình hướng dẫn	Làm theo trình hướng dẫn thiết lập để tạo thông tin về loại dịch vụ/loại tài liệu và thiết lập thông tin đó trên thiết bị đa chức năng. Tham khảo Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo "Các cài đặt ban đầu bằng Trình hướng dẫn Thiết lập"(P.15).
Thêm thủ công	Cho phép bạn tạo thông tin về loại tài liệu và thiết lập thông tin đó trên thiết bị đa chức năng. Tham khảo Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo "Đăng ký thể loại/loại tài liệu"(P.41).
Thêm (Loại tài liệu)	
Tạo	Cho phép bạn tạo thông tin về loại tài liệu và thiết lập thông tin đó trên thiết bị đa chức năng. Tham khảo Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo "Đăng ký thể loại/loại tài liệu"(P.41).
Duyệt	Nhấp vào đây sẽ hiển thị danh sách các loại tài liệu và cho phép bạn chọn một loại tài liệu để sao chụp thông tin. Điều này sẽ rất hữu ích khi bạn sao chụp thông tin loại tài liệu được đặt trong các loại dịch vụ khác nhau.
	Cho phép bạn sao chép, chỉnh sửa hoặc xóa thông tin loại dịch vụ hoặc thông tin loại tài liệu đã chọn.
	Cho phép bạn thay đổi thứ tự của loại tài liệu hoặc loại dịch vụ được chọn. Trên màn hình lựa chọn được hiển thị khi quét, loại dịch vụ và loại tài liệu được hiển thị theo thứ tự chỉ định ở đây.

Các hạng mục	Mô tả
Thông tin xác thực cập nhật hàng loạt	Cho phép bạn cập nhật thông tin xác thực (ID người dùng và mật khẩu) để đăng nhập vào máy chủ khi các tài liệu được lưu trữ cùng lúc. Thông tin xác thực được cài đặt cho nhiều loại tài liệu có thể được cập nhật tất cả cùng một lúc. Tham khảo • Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo "Cập nhật một lượt cho thông tin xác thực"(P.61).

Đăng ký thể loại/loại tài liệu

Phần này mô tả cách tạo thể loại và loại tài liệu và cách thiết lập thể loại và loại tài liệu cho một thiết bị đa chức năng.

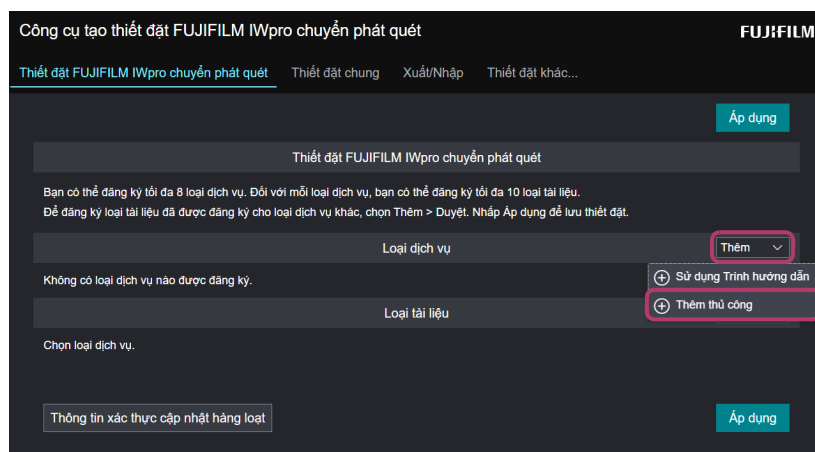
Số lượng thể loại có thể được thiết lập tối đa lên đến tám thể loại, và số lượng loại tài liệu có thể được thiết lập tối đa lên đến mười loại cho mỗi thể loại.

Ghi chú

- Để cài đặt các loại dịch vụ/loại tài liệu, hãy sử dụng trình hướng dẫn thiết lập hoặc tạo một loại mới.
- Đối với trình hướng dẫn thiết lập, hãy làm theo các bước trong mục "Các cài đặt ban đầu bằng Trình hướng dẫn Thiết lập"(P.15). Để tạo mới, hãy làm theo các bước trong mục "Đăng ký thể loại/loại tài liệu"(P.41).

Các bước

- 1 Nhập [ID người dùng] và [Mật khẩu] của quản trị viên dịch vụ của FUJIFILM IWpro, và nhấn [Đăng nhập].**
- 2 Hiện thị màn hình cài đặt của Chuyển phát công việc quét.**
Nếu màn hình yêu cầu tên người dùng và mật khẩu được hiển thị, nhập ID người quản trị hệ thống và mật khẩu, sau đó nhấp [Đăng nhập].
Tham khảo
• "Hiện thị màn hình cài đặt"(P.38)
- 3 Nhấp vào [Thiết đặt FUJIFILM IWpro chuyển phát quét] trên thanh điều hướng.**
- 4 Nhấp [Thêm] > [Thêm thủ công] của [Loại dịch vụ].**



 Ghi chú

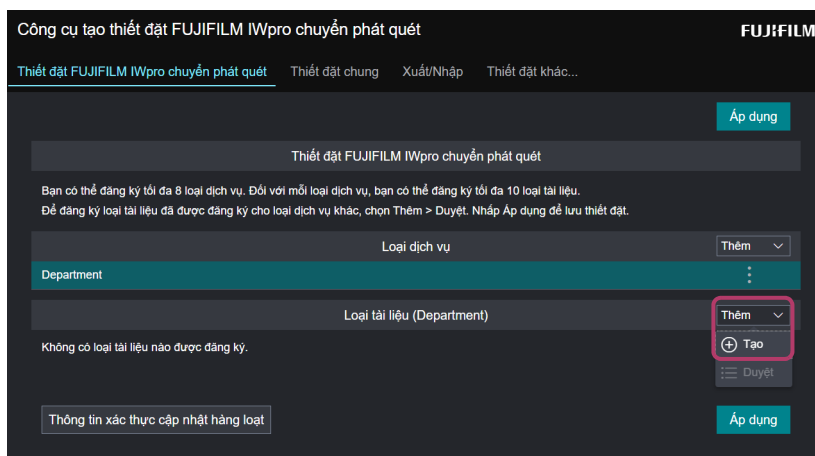
- Nếu bạn chọn [Sử dụng Trình hướng dẫn], hãy tham khảo mục "Các cài đặt ban đầu bằng Trình hướng dẫn Thiết lập"(P.15) để biết các quy trình cài đặt.

5 Nhập tên của thẻ loại, sau đó nhấn [OK].

 Tham khảo

- Để biết thêm chi tiết về từng mục, vui lòng tham khảo "Các mục của màn hình [Thiết đặt loại dịch vụ]"(P.45).

6 Nhấp vào [Thêm] > [Tạo] trong [Loại tài liệu].



7 Thực hiện các bước sau.

 Tham khảo

- Để biết thêm chi tiết về mỗi mục, vui lòng tham khảo "Các mục của màn hình [Thiết đặt loại tài liệu]"(P.46).

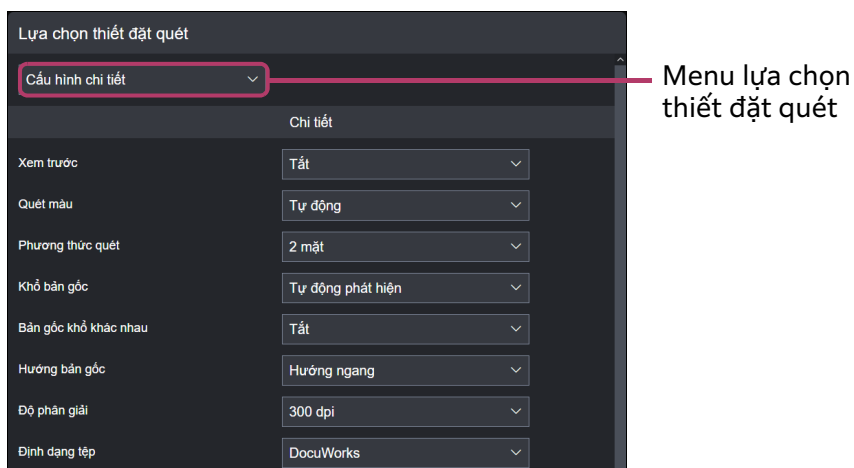
(1) Nhập tên của loại tài liệu.

(2) Nhấp vào [Lựa chọn thiết đặt quét] trong [Thiết đặt quét], và chọn thiết đặt mong muốn liên quan đến quá trình chụp quét.

Chọn [Cấu hình chi tiết] hoặc thiết đặt Quét tùy chỉnh từ menu lựa chọn thiết đặt quét.

 Tham khảo

- Các trình đơn tùy chỉnh phải được đặt trong [Thiết đặt bộ lệnh thông dụng] > [Quét tùy chỉnh] trước. Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo "Cài đặt tùy chỉnh của các cài đặt quét"(P.64).



(3) Khi các thiết đặt đã hoàn tất, nhấp vào [OK].

(4) **Định cấu hình thiết đặt thông báo đích và e-mail cho các tài liệu được quét từ [Đích truyền 1] trong [Thiết đặt truyền].**

(5) **Khi các thiết đặt đã hoàn tất, nhấn vào [OK].**

(6) **Thiết lập tên tệp của tài liệu được quét từ [Tên tệp] trong [Thiết đặt tài liệu].**

Nếu định dạng tệp là DocuWorks hoặc PDF trong [Lựa chọn thiết đặt quét], bạn cũng có thể chỉ định các thuộc tính mở rộng của tài liệu được quét.

Nếu bạn chỉ định tên tệp, hãy thực hiện các bước sau.

- Thêm các mục:

Trong hộp danh sách ở bên trái, hãy chọn các mục bạn muốn thêm, sau đó nhấn vào [Thêm]. Nếu bạn chọn [Văn bản tùy chỉnh tên tệp], hãy nhập chuỗi văn bản bất kỳ.

- Thay đổi thứ tự:

Trong hộp danh sách ở bên phải, hãy chọn các mục để thay đổi thứ tự, sau đó nhấn vào ▲ hoặc ▼. Từ đầu danh sách, bạn có thể đặt tên cho một tập tin.

- Gỡ bỏ các mục:

Trong hộp danh sách ở phía bên phải, đánh dấu chọn vào mục bạn muốn xóa, nhấn [Loại bỏ].

(7) **Khi các thiết đặt đã hoàn tất, nhấn vào [OK].**

(8) **Khi tất cả các thiết đặt đã hoàn tất, hãy nhấn vào [OK] trên [Thiết đặt loại tài liệu].**

8 Nếu bạn thiết lập nhiều loại tài liệu, hãy lặp lại trình tự 5 đến 6.

Bạn cũng có thể tạo bằng cách sử dụng loại tài liệu đã tạo. Chọn một trong các mục sau.

- Chọn loại tài liệu đã đăng ký và nhấn vào [Sao chép] trong [⋮].
- Nhấn vào [Duyệt] trong [Thêm], rồi chọn loại tài liệu đã đăng ký.

9 Nếu bạn thiết lập nhiều thể loại, hãy lặp lại trình tự 3 đến 7.

Bạn cũng có thể tạo bằng cách sử dụng thể loại đã tạo. Trong trường hợp này, chọn thể loại trong hộp danh sách, sau đó nhấn [Sao chép].

10 Nhấn vào [Áp dụng].

Thông tin về thể loại và loại tài liệu được đăng ký.

Ví dụ về cài đặt

Trên màn hình [Thiết đặt loại tài liệu], thiết đặt các mục sau.

The screenshot shows the 'Thiết đặt loại tài liệu' (Set document type) screen. The 'Tên loại tài liệu' (Document type name) is set to 'Daily Report'. The 'Lựa chọn thiết đặt quét' (Select scanning settings) is set to 'Cấu hình chi tiết' (Detailed settings). The 'Đích truyền 1' (Destination 1) is set to '(Chưa đặt)' (Not set). The 'Tên tệp' (File name) is set to '(Chưa đặt)' (Not set). The 'Thiết đặt tài liệu' (Set document) section shows 'Tên tệp' (File name) as a required field.

Các hạng mục	Mô tả
Tên loại tài liệu	Chỉ định tên loại tài liệu. "Daily Report" sẽ được chỉ định trong ví dụ này. Nếu loại dịch vụ đã đăng ký chỉ là một, một nút có tên được chỉ định ở đây sẽ xuất hiện trên màn hình đầu tiên khi bạn quét tài liệu.
Thiết đặt quét > Lựa chọn thiết đặt quét	Chọn phương thức quét. [Cấu hình chi tiết] được chọn trong ví dụ này.
Độ phân giải	Chọn độ phân giải. Khi bạn sử dụng [Trích xuất văn bản tự động], khuyến cáo bạn nên chọn 300 dpi.
Định dạng tệp	Chỉ định định dạng tệp. [DocuWorks] được chọn trong ví dụ này.
Thiết đặt truyền > Đích truyền 1	Định cấu hình thiết đặt cho đích truyền 1.
Loại máy chủ	Chỉ định giao thức truyền gửi. [OneDrive for Business] được chọn trong ví dụ này.
Vị trí lưu	Nhấp vào [Duyệt] và chỉ định thư mục mà bạn muốn lưu các tài liệu.
Thiết đặt tài liệu > Tên tệp	Tên tệp là bắt buộc. [Tên loại tài liệu] được chỉ định trong ví dụ này. Trong ví dụ này, tên tệp của dữ liệu được quét sẽ là "Daily Report".

 Ghi chú

- Nếu một giá trị khác với giá trị mặc định được dùng cho cổng SMB trên môi trường của bạn, hãy chỉnh sửa giá trị của [Số cổng].
- [Vị trí lưu] có nghĩa là các thư mục con. Nếu bạn lưu các tài liệu đã quét trong thư mục con nằm trong thư mục được chia sẻ, hãy chỉ định mục này.

Các mục của màn hình [Thiết đặt loại dịch vụ]

 Ghi chú

- "Byte" trong bảng nghĩa là số byte bằng mã ký tự UTF-8. Cách để đếm số ký tự khác nhau tùy theo ký tự. Ví dụ, các ký tự có chiều rộng đầy đủ được mô tả với hai đến bốn byte.

Hạng mục	Mô tả
Biểu tượng	Nhấp vào [Chỉnh sửa], và chỉ định biểu tượng của nút loại dịch vụ được hiển thị trên bảng điều khiển của thiết bị đa chức năng.
Tên loại dịch vụ (ngôn ngữ chính)	Nhập tên kiểu danh mục dài tối đa 32 byte được dùng khi hiển thị trong ngôn ngữ đặt ở [Ngôn ngữ đang xử lý] trên màn hình [Thiết đặt thông tin chung]. ^{*1}  Ghi chú • Nếu không cài đặt tên loại dịch vụ bằng ngôn ngữ hiển thị của thiết bị đa chức năng, nhãn tiếng Anh và ngôn ngữ đang xử lý, sẽ có lỗi hiển thị khi chạy ứng dụng trên thiết bị đa chức năng đó.
Tên loại dịch vụ (tiếng Anh)	Nhập tên kiểu danh mục dài tối đa 32 ký tự một byte được dùng khi hiển thị trong tiếng Anh. ^{*1}  Ghi chú • Mục này không được hiển thị khi ngôn ngữ đặt trong [Ngôn ngữ đang xử lý] trên màn hình [Thiết đặt thông tin chung] là tiếng Anh. • Nhãn tiếng Anh sẽ được sử dụng khi chuyển ngôn ngữ chính sang một ngôn ngữ khác trên thiết bị đa chức năng. • Nếu không cài đặt nhãn tiếng Anh, tên loại dịch vụ của ngôn ngữ đang xử lý sẽ được hiển thị.

^{*1} Bạn không thể nhập các ký tự sau.

Dấu hai chấm (:), dấu gạch chéo (\), dấu gạch chéo từ trái sang phải (\), dấu gạch chéo từ phải sang trái (/), dấu chấm hỏi (?), dấu sao (*), dấu gạch đứng (|), dấu và (&), cặp dấu ngoặc nhọn (<>), dấu nháy kép ("), dấu nháy đơn ('), dấu phẩy (,), cặp dấu ngoặc móc ({}), cặp dấu ngoặc đơn (())

Bạn không thể nhập dấu chấm ở đầu và cuối chuỗi văn bản.

Không được nhập khoảng trắng 1 byte.

Ngoài ra, không thể sử dụng các chuỗi sau.

CON, PRN, AUX, NUL, COM0, COM1, COM2, COM3, COM4, COM5, COM6, COM7, COM8, COM9, LPT0, LPT1, LPT2, LPT3, LPT4, LPT5, LPT6, LPT7, LPT8, LPT9

Các mục của màn hình [Thiết đặt loại tài liệu]

Ghi chú

- "Byte" trong bảng nghĩa là số byte bằng mã ký tự UTF-8. Cách để đếm số ký tự khác nhau tùy theo ký tự. Ví dụ, các ký tự có chiều rộng đầy đủ được mô tả với hai đến bốn byte.
- Các tính năng mà thiết bị đa chức năng không hỗ trợ hoặc người dùng không được phép sử dụng sẽ bị tắt hoặc ẩn.

Hạng mục	Mô tả
Biểu tượng	Nhấp vào [Chỉnh sửa], và chỉ định biểu tượng của nút loại tài liệu được hiển thị trên bảng điều khiển của thiết bị đa chức năng.
Tên loại tài liệu (ngôn ngữ chính)	Nhập tên loại tài liệu tối đa 32 byte được dùng khi hiển thị trong ngôn ngữ đặt trong [Ngôn ngữ đang xử lý] trên màn hình [Thiết đặt thông tin chung]. ^{*1 *3}  Ghi chú • Nếu không cài đặt tên loại tài liệu bằng ngôn ngữ hiển thị của thiết bị đa chức năng, nhãn tiếng Anh và ngôn ngữ đang xử lý, sẽ có lỗi hiển thị khi chạy ứng dụng trên thiết bị đa chức năng đó.
Tên loại tài liệu (tiếng Anh)	Nhập tên loại tài liệu tối đa 32 ký tự một byte được dùng khi hiển thị trong tiếng Anh. ^{*1 *3}  Ghi chú • Mục này không được hiển thị khi ngôn ngữ đặt trong [Ngôn ngữ đang xử lý] trên màn hình [Thiết đặt thông tin chung] là tiếng Anh. • Nhãn tiếng Anh sẽ được sử dụng khi chuyển ngôn ngữ chính sang một ngôn ngữ khác trên thiết bị đa chức năng. • Nếu không cài đặt nhãn tiếng Anh, tên loại tài liệu của ngôn ngữ đang xử lý sẽ được hiển thị.
Thiết đặt quét	Bạn có thể thiết lập các mục sau: • Lựa chọn thiết đặt quét (P.47) • Sử dụng mã QR/mã vạch (P.50) • Phân tách nhiều tài liệu (P.52) • Trích xuất văn bản tự động (P.52)
Thiết đặt truyền	Bạn có thể thiết lập các mục sau: • Đích truyền 1 (P.53) • Đích truyền 2 (P.53) • Đích thông báo qua email (P.56)
Thiết đặt tài liệu	Bạn có thể thiết lập các mục sau: • Tên tệp (P.57) • Extended Attributes (P.59)

Các mục của màn hình [Lựa chọn thiết đặt quét]

Hạng mục	Mô tả
Lựa chọn thiết đặt quét	Chỉ định các cài đặt liên quan đến việc quét chẳng hạn như các phương pháp quét và xử lý hình ảnh của một trong hai cái sau. • Cấu hình chi tiết Chỉ định chi tiết cho cài đặt quét. • Tùy chỉnh Chọn từ các trình đơn tùy chỉnh đặt trong [Thiết đặt bộ lệnh thông dụng] > [Quét tùy chỉnh] trước. Để biết thêm thông tin về cách đặt các trình đơn tùy chỉnh, vui lòng tham khảo "Cài đặt tùy chỉnh của các cài đặt quét"(P.64).
Xem trước	Chọn mục này khi [Cấu hình chi tiết] được chọn cho [Lựa chọn thiết đặt quét]. Chỉ định có hiển thị bản xem trước hay không.  Ghi chú • Tùy thuộc vào thiết bị đa chức năng của bạn, mục cài đặt xem trước có thể không được hiển thị.
Quét màu	Chọn mục này khi [Cấu hình chi tiết] được chọn cho [Lựa chọn thiết đặt quét]. Chọn một chế độ màu để quét các tài liệu.
Phương thức quét	Chọn mục này khi [Cấu hình chi tiết] được chọn cho [Lựa chọn thiết đặt quét]. Chọn các trang cần quét.
Kích cỡ tài liệu	Đặt mục này khi thiết bị đa chức năng A4 được dùng và [Cấu hình chi tiết] được chọn cho [Lựa chọn thiết đặt quét]. Chỉ định kích thước tài liệu cần quét.  Ghi chú • Đối với các thiết bị đa chức năng khổ A3 hoặc một số thiết bị đa năng khổ A4, kích thước tài liệu sẽ tự động được phát hiện.
Bản gốc khổ khác nhau	Đặt mục này khi bạn đang sử dụng các thiết bị đa năng khổ A3 hoặc một số thiết bị đa năng khổ A4 và đã chọn [Cấu hình chi tiết] cho mục [Lựa chọn thiết đặt quét]. Chỉ định [Bật] để quét bản gốc có nhiều kích cỡ khác nhau lại lần nữa, phóng to/thu nhỏ và xuất ra theo kích cỡ được chỉ định trong [Kích cỡ tài liệu].
Hướng bản gốc	Chọn mục này khi [Cấu hình chi tiết] được chọn cho [Lựa chọn thiết đặt quét]. Chỉ định hướng tài liệu cần quét.
Độ phân giải	Chỉ định độ phân giải để chụp quét tài liệu. Giá trị càng cao, bản chụp quét càng đẹp nhưng kích thước dữ liệu càng lớn.
Định dạng tệp	Chọn mục này khi [Cấu hình chi tiết] được chọn cho [Lựa chọn thiết đặt quét]. Chọn một định dạng tập tin để lưu tài liệu được quét.

Hạng mục	Mô tả
Văn bản có thể nhận diện ký tự	Chọn mục này khi [Cấu hình chi tiết] được chọn cho [Lựa chọn thiết đặt quét] và khi [DocuWorks] hoặc [PDF] được chọn cho [Định dạng tệp]. Chỉ định có dùng OCR (Nhận dạng ký tự quang học) hay không.  Ghi chú Tùy thuộc vào các giá trị đặt cho loại tài liệu, tính năng Tìm kiếm văn bản có thể không sẵn có. Để biết thêm thông tin về các điều kiện mà tính năng Tìm kiếm văn bản được sử dụng, vui lòng tham khảo "Chú ý và hạn chế"(P.98).
Ngôn ngữ của bản gốc	Đặt mục này khi [Bật] được chọn cho [Văn bản có thể nhận diện ký tự]. Chọn một ngôn ngữ được dùng cho tính năng Tìm kiếm văn bản.
Nén cao	Đặt mục này khi [Cấu hình chi tiết] được chọn cho [Lựa chọn thiết đặt quét] và [DocuWorks] hoặc [PDF] được chọn cho [Định dạng tệp]. Chỉ định có lưu tài liệu được quét ở tỷ lệ nén cao hay không.  Ghi chú Tùy thuộc vào các giá trị đặt cho loại tài liệu, tính năng Độ nén cao có thể không sẵn có. Để biết thêm thông tin về các điều kiện mà tính năng Độ nén cao được sử dụng, vui lòng tham khảo "Chú ý và hạn chế"(P.98).
Phân tách theo trang trống	Chỉ định có loại bỏ các trang trống bổ sung từ tài liệu được quét hay không.  Ghi chú - Khi bạn chọn [Phân tách theo số trang xác định] trong [Chia nhiều tài liệu] và quy định số lượng trang cần chia thành 2 trang trở lên, bạn không thể bật [Phân tách theo trang trống]. - Với một số model máy, Phân tách theo trang trống (Được đọc lỗi) sẽ được hiển thị. Chức năng này cải thiện độ chính xác của việc bỏ qua các trang trống.
Hiệu chỉnh vuông góc	Chỉ định có hiệu chỉnh tài liệu bị nghiêng một cách tự động hay không.
Hướng thẳng đứng tự động	Chỉ định có bật tính năng Hướng thẳng đứng tự động hay không. Nếu đặt [Văn bản có thể nhận diện ký tự] thành [Bật], tính năng Hướng thẳng đứng tự động sẽ được đặt một cách tự động thành [Bật].  Ghi chú - Hướng thẳng đứng tự động là tính năng để nhận dạng ký tự trên các tài liệu gốc có OCR (Nhận dạng ký tự quang học) và để phát hiện hướng tài liệu. Vì vậy, các tài liệu gốc không có các ký tự thì không thể được xử lý bằng tính năng Hướng thẳng đứng tự động. Các ký tự trên những tài liệu gốc được nhận dạng bằng ngôn ngữ hiển thị trên bảng điều khiển.  Quan trọng - Để sử dụng tính năng Hướng thẳng đứng tự động với tiếng Thái, tiếng Việt hoặc tiếng Indonesia, bạn cần đặt ngôn ngữ hiển thị của thiết bị đa năng thành tiếng Thái, tiếng Việt hoặc tiếng Indonesia và đánh kèm Bộ quét nâng cao tùy chọn.
Bản gốc tiếp theo	Cài đặt mục này khi bạn muốn quét các tài liệu bổ sung sau khi quét tài liệu đã đặt vào.

Hạng mục	Mô tả
Bảo mật PDF	Cài đặt mục này khi [PDF] được chọn cho [Định dạng tệp]. Chỉ định có thiết lập bảo mật cho tài liệu PDF hay không.  Ghi chú • Khi thiết lập bảo mật, hãy đảm bảo thiết lập [Mật khẩu mở tệp] hoặc [Mật khẩu bảo mật]. • Khi chọn e-mail cho điểm đích, không thể sử dụng chức năng Bảo mật PDF.
Mật khẩu mở tệp	Nhập mật khẩu dùng để mở tài liệu PDF.  Ghi chú • Bạn không thể đặt chuỗi ký tự giống nhau cho [Mật khẩu mở tệp] và [Mật khẩu bảo mật].
Mật khẩu bảo mật	Nhập mật khẩu được sử dụng để giới hạn việc chỉnh sửa và in tài liệu PDF.  Ghi chú • Bạn không thể đặt chuỗi ký tự giống nhau cho [Mật khẩu mở tệp] và [Mật khẩu bảo mật]. • Khi thiết lập [Mật khẩu bảo mật], hãy nhập ít nhất một ký tự.
Đang in	Chọn có cho phép in tài liệu hay không.
Cho phép thay đổi	Chọn có cho phép thay đổi tài liệu hay không.
Bật Sao chụp nội dung	Nếu hộp kiểm này được chọn, bạn có thể sao chép nội dung trong tài liệu.
Truy cập văn bản trình đọc màn hình	Nếu chọn hộp kiểm này, quyền truy cập văn bản cho trình đọc màn hình sẽ được bật.
Phiên bản hỗ trợ	Nếu bạn chọn [Mật khẩu (AES 128 bit)] trong [Bảo mật PDF], [Acrobat 7.0 trở lên] sẽ được hiển thị. Nếu bạn chọn [Mật khẩu (AES 256 bit)], [Acrobat X trở lên] sẽ được hiển thị.
Bảo mật DocuWorks	Cài đặt mục này khi [DocuWorks] được chọn cho [Định dạng tệp]. Chỉ định có thiết lập bảo mật cho tài liệu DocuWorks hay không.  Ghi chú • Khi chọn e-mail cho điểm đích, không thể sử dụng chức năng Bảo mật DocuWorks.
Mật khẩu mở	Nhập mật khẩu dùng để mở các tài liệu DocuWorks.
Mật khẩu truy cập toàn bộ	Nhập mật khẩu truy cập toàn bộ.
Không được phép chỉnh sửa tệp	Chọn có cấm chỉnh sửa tài liệu hay không.
Không được phép chỉnh sửa chú thích	Chọn có cấm chỉnh sửa ghi chú hay không.
Không được phép in	Chọn có cấm in tài liệu hay không.
Không được phép sao chụp	Chọn có cấm sao chụp tài liệu hay không.

Các mục của màn hình [Sử dụng mã QR/mã vạch]

Hạng mục	Mô tả
Sử dụng mã QR/mã vạch	Chỉ định có dùng các mã QR hoặc mã vạch lúc quét hay không. • Tắt Không sử dụng mã QR và mã vạch. • Mã QR đặc biệt Các tài liệu được quét theo đúng thông tin cài đặt được gắn trong mã QR đặc biệt cho FUJIFILM IWpro chuyển phát quét. Các mục sau sẽ bị ẩn khi nó được chọn. -Quy tắc tên thư mục -Quy tắc tên tệp -Dấu phân tách -Thuộc tính mở rộng 1 - Thuộc tính mở rộng 6 • Mã QR thông thường Các tài liệu được quét theo thông tin được nhúng vào làm chuỗi văn bản bất kỳ trong một mã QR. Chuỗi văn bản có thể được xử lý tối đa là 1,000 byte. • Mã vạch Các tài liệu được quét theo thông tin được nhúng vào làm chuỗi văn bản bất kỳ trong một mã vạch. Chuỗi văn bản có thể được xử lý tối đa là 64 byte.
Thiết đặt mã vạch	
Kiểu mã vạch	Đặt mục này khi [Mã vạch] được chọn cho [Sử dụng Mã QR/Mã vạch]. Thiết lập loại mã vạch để sử dụng.
Sử dụng số kiểm tra	Đặt mục này khi [Mã vạch] được chọn cho [Sử dụng Mã QR/Mã vạch]. Thiết lập mục này khi quét mã vạch có số kiểm tra.
Nhận biết mã vạch bằng độ phân giải cao	Đặt mục này khi [Mã vạch] được chọn cho [Sử dụng Mã QR/Mã vạch]. Thiết lập mục này để quét mã vạch ở độ phân giải cao và lưu theo độ phân giải được quy định trong [Thiết đặt quét].
Văn bản mà sẽ được dùng	Đặt mục này khi [Mã QR thông thường] hoặc [Mã vạch] được chọn cho [Sử dụng mã QR]. Để sử dụng một phần văn bản được quét từ mã QR hoặc mã vạch, hãy chọn [Một phần văn bản]. Có thể chỉ định tối đa 2 vị trí chỉ định phần.
Tách bằng dấu phân tách và phân đoạn sử dụng/ Xác định vị trí văn bản	Khả dụng khi [Một phần văn bản] được chọn cho [Văn bản mà sẽ được dùng]. Chọn cách chỉ định chuỗi văn bản được dùng một phần từ những cách sau. • Tách bằng dấu phân tách và phân đoạn sử dụng Chia chuỗi văn bản mã QR/mã vạch được quét với các dấu phân tách được chỉ định và chỉ định xem sẽ dùng chuỗi văn bản được chia nào. • Xác định vị trí văn bản Chỉ định vị trí bắt đầu và số lượng ký tự của chuỗi văn bản mã QR/mã vạch được quét mà bạn muốn sử dụng một phần. Ví dụ, với chuỗi văn bản mã QR là 100_document_fuji.taro@com_0123-45-6789, khi muốn sử dụng "100" làm tên thư mục và "document" làm tên tệp thì chỉ định như sau.

Hạng mục	Mô tả
Tách bằng dấu phân tách và phân đoạn sử dụng/ Xác định vị trí văn bản	Ví dụ về việc chỉ định “100” cho Văn bản mã QR chung 1 và sử dụng nó làm tên thư mục - Sử dụng một phần văn bản (Văn bản mã QR chung 1): Khả dụng Trường hợp chia theo dấu phân tách: - Tách bằng dấu phân tách và phân đoạn sử dụng: Khả dụng - Dấu phân tách: Dấu gạch dưới (_) - Thứ tự: Số 1 Hoặc, trường hợp ghi rõ vị trí chuỗi văn bản: - Xác định vị trí văn bản: Khả dụng - Vị trí bắt đầu: Ký tự 1 - Số ký tự: 3 - Quy tắc tên thư mục: Ghi rõ Văn bản mã QR chung 1 Ví dụ về việc chỉ định “document” cho Văn bản mã QR chung 2 và sử dụng nó làm tên tệp - Sử dụng một phần văn bản (Văn bản mã QR chung 2): Khả dụng Trường hợp chia theo dấu phân tách: - Tách bằng dấu phân tách và phân đoạn sử dụng: Khả dụng - Dấu phân tách: Dấu gạch dưới (_) - Thứ tự: Số 2 Hoặc, trường hợp ghi rõ vị trí chuỗi văn bản: - Xác định vị trí văn bản: Khả dụng - Vị trí bắt đầu: Ký tự 5 - Số ký tự: 8 - Quy tắc tên tệp: Ghi rõ Văn bản mã QR chung 2
Dấu phân tách	Chọn mục này khi [Tách bằng dấu phân tách và phân đoạn sử dụng] được chọn. Chỉ định một ký tự biểu tượng làm dấu phân tách dùng để tách chuỗi văn bản mã QR/mã vạch.
Số phân đoạn	Chọn mục này khi [Tách bằng dấu phân tách và phân đoạn sử dụng] được chọn. Chỉ định số thứ tự của chuỗi mã QR/mã vạch được chia tách mà bạn muốn sử dụng.
Vị trí bắt đầu	Chọn mục này khi [Xác định vị trí văn bản] được chọn. Chỉ định vị trí bắt đầu của chuỗi văn bản mã QR/mã vạch mà bạn muốn sử dụng một phần.
Số ký tự	Chọn mục này khi [Xác định vị trí văn bản] được chọn. Chỉ định số lượng ký tự mà bạn muốn dùng một phần từ chuỗi văn bản mã QR/mã vạch.
Tối đa Số ký tự	Đặt mục này khi [Mã QR chung] được chọn cho [Sử dụng mã QR/mã vạch]. Chỉ định số ký tự tối đa trong mã QR để đọc.

Các mục của màn hình [Phân tách nhiều tài liệu]

Hạng mục	Mô tả
Chia nhiều tài liệu	Chọn cài đặt ban đầu của phương pháp chia nhiều tài liệu.  Ghi chú • Nếu bạn đặt [Sử dụng Mã QR/Mã vạch] để sử dụng mã QR, [Chia theo trang trống] và [Phân tách theo số trang xác định] sẽ không thể chỉ định được. • Cài đặt này có thể được thay đổi thông qua bảng điều khiển lúc quét. • [Phân tách theo số trang xác định] (200 trang) được đặt theo mặc định. Khi chuyển đến các dịch vụ đám mây khác, có thể mất một khoảng thời gian để tài liệu được lưu trữ tại đích đến đã chỉ định.
Bao gồm các trang có mã vạch trong Hình ảnh được quét	Đặt mục này khi [Phân tách theo mã vạch] được chọn cho [Phân tách nhiều tài liệu]. Khi phân tách theo mã vạch, hãy chỉ định xem có xóa trang mã vạch sau khi phân tách hay không.
Thiết đặt đánh số sê-ri	Cài đặt số sê-ri để thêm vào tên tập tin.
Gán số	Chọn điều kiện để khi nào sẽ thêm số sê-ri vào tên tập tin.
Số chữ số	Chọn số chữ số cho số sê-ri sẽ được thêm vào tên tập tin.  Ghi chú • Độ dài đường dẫn có thể được chỉ định là 241 byte khi chọn mục [3] và 240 byte khi chọn mục [4].
Dấu phân tách	Chọn dấu phân cách để thêm vào trước số sê-ri.

Các mục của màn hình [Trích xuất văn bản tự động]

Hạng mục	Mô tả
Trích xuất văn bản tự động	Chỉ định có thực hiện trích xuất tự động hay không.  Ghi chú • Để sử dụng tính năng Tìm kiếm văn bản, yêu cầu phải có Bộ quét nâng cao tùy chọn. Tùy thuộc vào thiết bị đa chức năng của bạn, các thành phần tùy chọn có thể khác nhau. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ Trung tâm hỗ trợ khách hàng của chúng tôi. • Tùy thuộc vào thiết bị đa chức năng của bạn, mức độ ưu tiên xử lý cho văn bản có thể tìm kiếm (OCR) sẽ khác nhau, do đó có thể hiển thị kết quả trích xuất chuỗi ký tự không mong muốn. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với Trung tâm Hỗ trợ khách hàng của chúng tôi.
Ngôn ngữ của bản gốc	Chọn ngôn ngữ xử lý nhận dạng ký tự trong quá trình trích xuất tự động.
Vùng quét 1 - {N}	Thiết đặt trong trường hợp chọn nội dung khác [Tắt] tại [Trích xuất văn bản tự động]. Tích vào vùng đọc sẽ thiết đặt, sau đó chỉ định các hạng mục.
Thiết đặt vùng	Khi nhấn vào thì sẽ hiển thị hộp thoại [Thiết đặt vùng]. Có thể thiết đặt tại hộp thoại [Thiết đặt vùng] như sau. • Xác định khóa tìm kiếm

Hạng mục	Mô tả
Thiết đặt vùng	- Khóa tìm kiếm (A) Nhập tên mục. - Vị trí vùng quét liên quan đến khóa tìm kiếm (B) Chỉ định vùng bạn muốn đặt làm Khu vực quét từ [Bên phải] hoặc [Bên dưới], được xem từ Tên mục. • Quét tài liệu được đánh dấu bằng bút đánh dấu màu Chuẩn bị bản gốc đen trắng, sử dụng bút màu đánh dấu để khoanh vùng phạm vi tùy chọn. Có thể thiết đặt phạm vi được đánh dấu bằng bút đánh dấu màu làm vùng đọc bằng cách quét bản gốc đó. • Nhập tọa độ Nhập phạm vi muốn đặt làm vùng đọc bằng giá trị số. • Tên vùng Nhập Tên vùng lên đến 90 ký tự.
	• Xác định số ký tự (1 - 70) Chỉ định số ký tự tối đa có thể đọc. Ở đây, 1 ký tự có nghĩa là một đơn vị khi đếm bằng UTF-8 của mã hóa ký tự. Cách đếm ký tự khác nhau tùy vào từng loại ký tự. 1 ký tự được chuyển đổi thành 1 byte đối với chữ trong bảng chữ cái và 2 đến 4 byte đối với chữ ngoài bảng chữ cái. Ví dụ: khi bạn quy định [5] là số lượng ký tự để quét, hệ thống có thể quét tối đa 5 ký tự đối với chữ trong bảng chữ cái và có thể quét 1 đến 2 ký tự đối với tiếng Nhật.  Ghi chú • Có thể quét tối đa 70 ký tự đối với chữ trong bảng chữ cái và tối đa 17 đến 35 byte đối với chữ ngoài bảng chữ cái.
	• Xóa các khoảng trắng trong văn bản Chọn có xóa khoảng trắng giữa các từ của chuỗi ký tự được trích xuất hay không. • Dấu gạch nối cho các đường ngang Chọn có thay thế dấu gạch nối đã trích xuất bằng dấu gạch nối có độ rộng đầy đủ hay không. • Nhận dạng số không gạch chéo dưới dạng chữ số Chọn có trích xuất số không có dấu gạch chéo dưới dạng con số không hay không.  Ghi chú • Con số không sẽ được trích xuất khi nội dung đó chỉ là kết hợp của các chữ số và dấu gạch ngang/gạch chéo.
Hiển thị màn hình xác nhận	Thiết đặt trong trường hợp chọn nội dung khác [Tắt] tại [Trích xuất văn bản tự động]. Chỉ định có hay không hiển thị kết quả truy xuất chuỗi ký tự khi quét.

Các mục của màn hình [Đích truyền 1]/[Đích truyền 2]

Hạng mục	Mô tả
Đích truyền 1/Đích truyền 2	Chỉ định đích truyền tài liệu. Bắt buộc chỉ định đích truyền 1.
Bật	Thiết lập mục này khi [Đích truyền 2] được chọn. Các tài liệu cũng sẽ được lưu trong Đích truyền 2 khi được bật.

Hạng mục	Mô tả
Loại máy chủ	Chọn địa điểm lưu tài liệu.
Tên máy chủ / Địa chỉ IP	Khi bạn chọn [FTP] hoặc [SMB] trong [Loại máy chủ] Nhập tên máy chủ hoặc địa chỉ IP của máy chủ FTP trong phạm vi 64 byte. ^{*1} Ví dụ: sample.server.com 192.0.2.1
Số cổng	Thiết đặt khi chọn [FTP] hoặc [SMB] trong [Loại máy chủ]. Nếu bạn không chỉ định số cổng mà muốn sử dụng số cổng của giá trị mặc định, hãy chọn [Cổng mặc định].
Tên dùng chung	Khi bạn chọn [SMB] trong [Loại máy chủ], thiết lập mục này. Nhập tên chia sẻ của SMB trong phạm vi 64 byte. ^{*1}
ID tủ	Khi bạn chọn [Working Folder] trong [Loại máy chủ], thiết lập mục này. Nhập ID của Hộp chứa, nơi tài liệu được lưu trữ với số có 7 chữ số một nửa độ rộng (cố định).  Ghi chú Bạn có thể kiểm tra ID Hộp chứa trong hợp đồng. Ngoài ra bạn cũng có thể kiểm tra nó trên màn hình của Working Folder. Để biết thêm thông tin về cách kiểm tra ID Hộp chứa trên màn hình, vui lòng tham khảo "Cách để kiểm tra ID Hộp chứa / ID Ngăn chứa / ID Thư mục"(P.104).
Loại thư mục/ngăn	Khi bạn chọn [Working Folder] trong [Loại máy chủ], hãy thiết lập mục này. Thiết lập loại Ngăn kéo hoặc Thư mục.
ID thư mục / ngăn kéo	Khi bạn chọn [Working Folder] trong [Loại máy chủ], thiết lập mục này. Chọn Ngăn kéo hoặc Thư mục nơi tài liệu sẽ được lưu trữ, sau đó nhập ID ngăn kéo hoặc ID thư mục.  Ghi chú - Tất cả các thư mục được tạo trong Ngăn chứa sẽ đi đến "Thư mục đã tạo". - Bạn có thể kiểm tra các ID Ngăn chứa và các ID Thư mục trên màn hình Working Folder. Để biết thêm thông tin về cách kiểm tra chúng, vui lòng tham khảo "Cách để kiểm tra ID Hộp chứa / ID Ngăn chứa / ID Thư mục"(P.104).
Vị trí lưu	Khi bạn chọn [FTP] hoặc [SMB] trong [Loại máy chủ], thiết lập mục này. Nhập tên thư mục của đích lưu tài liệu trong vòng 128 byte. ^{*1} Ví dụ: Loại máy chủ: FTP Tên máy chủ / Địa chỉ IP: sample.server.com Số cổng: 20 Vị trí lưu: data/scan Đối với trường hợp trên, một thư mục được tạo ra trong đường dẫn sau. ftp://sample.server.com:20/data/scan Khi các dịch vụ đám mây khác được chọn cho [Loại máy chủ], nhấp vào [Duyệt] và chỉ định thư mục nơi bạn muốn lưu tài liệu.

Hạng mục	Mô tả
Xác thực đa yếu tố	Khi bạn chọn [Working Folder] trong [Loại máy chủ], hãy thiết lập mục này. Cài đặt có sử dụng xác thực đa yếu tố khi đăng nhập vào máy chủ hay không. • Bật Kích hoạt xác thực đa yếu tố. • Tắt Vô hiệu hóa xác thực đa yếu tố. Nhập tên người dùng và mật khẩu có thể đăng nhập vào máy chủ trên màn hình cài đặt.  Ghi chú • Để sử dụng xác thực đa yếu tố, tài khoản FUJIFILM BI Direct của người dùng đang quét tài liệu phải có quyền truy cập vào Working Folder.
ID người dùng	Nhập tên người dùng được sử dụng để đăng nhập vào máy chủ trong phạm vi 97 byte.* ¹
Mật khẩu	Nhập mật khẩu được dùng để đăng nhập vào máy chủ trong vòng 32 byte.
Kiểm tra kết nối	Kiểm tra xem bạn có thể đăng nhập vào máy chủ hay không.
Tên thư mục (Mức 1-3)	Bạn có thể thay đổi thứ tự hiển thị. Bật [Quy tắc tên thư mục] để sử dụng tính năng này.  Ghi chú • Bạn không thể chỉ chọn ký tự rỗng hay khoảng trắng 1 byte trong toàn bộ quy tắc tên thư mục.
Sử dụng thư mục	Chọn xem có kích hoạt thông số kỹ thuật của tên thư mục hay không.  Quan trọng • Nếu bạn đặt tên thư mục khi lưu vào cùng một thư mục Google Drive từ nhiều thiết bị đa chức năng, nhiều thư mục cùng tên có thể được tạo ra.  Ghi chú • Nếu bạn vô hiệu hóa [Tên thư mục (Mức 1)], các cài đặt [Tên thư mục (Mức 2)] và [Tên thư mục (Mức 3)] cũng bị vô hiệu hóa. • Nếu bạn vô hiệu hóa [Tên thư mục (Mức 2)], cài đặt cho [Tên thư mục (Mức 3)] cũng sẽ bị vô hiệu hóa.
Tên loại dịch vụ	Tên thể loại đã chọn
Tên loại tài liệu	Tên loại tài liệu đã chọn
Ngày tháng	Ngày khi thực hiện quét. Định dạng ngày phụ thuộc vào cài đặt của [Định dạng ngày của thư mục] trên màn hình [Thiết đặt thông tin chung].
Năm/Tháng/Ngày	Một thư mục có tên theo năm, tháng và ngày tương ứng sẽ tự động được tạo để làm đích đến của tài liệu.
Tên người dùng	Tên người dùng của người dùng đã thực hiện FUJIFILM IWpro chuyển phát quét.* ²
Văn bản tùy chỉnh tên thư mục	Chuỗi ký tự bất kỳ trong phạm vi 32 byte.* ¹

Hạng mục	Mô tả
Văn bản mã QR chung 1/Văn bản mã QR chung 2	Mục này có thể được chọn chỉ khi đặt [Sử dụng Mã QR/Mã vạch] thành [Mã QR thông thường]. Đối với [Mã QR thông thường], một chuỗi tối đa 1,000 byte của chuỗi văn bản mã QR được quét sẽ được đặt thành tên của một thư mục. Các ký tự bị cấm ^{*1} sẽ được thay thế bằng "-".  Ghi chú • Không thể chỉ định đồng thời cả [Văn bản mã QR chung 1] và [Văn bản mã QR chung 2].
Văn bản mã vạch 1/Văn bản mã vạch 2	Mục này có thể được chọn chỉ khi đặt [Sử dụng Mã QR/Mã vạch] thành [Mã vạch]. Chuỗi tối đa 64 byte của chuỗi văn bản mã vạch được quét sẽ được đặt thành tên của thư mục. Các ký tự bị cấm ^{*1} sẽ được thay thế bằng "-".  Ghi chú • Không thể chỉ định đồng thời cả [Văn bản mã vạch 1] và [Văn bản mã vạch 2].
Vùng quét 1 - {N} (Trích xuất tự động)	Có thể chọn hạng mục này khi thiết đặt trích xuất tại [Trích xuất văn bản tự động]. Trong chuỗi ký tự đã truy xuất tại vùng đọc, chuỗi ký tự đã thiết đặt tại [Thiết đặt vùng] > [Xác định số ký tự cần quét] sẽ được thiết đặt vào tên thư mục. Các ký tự bị cấm ^{*1} sẽ được thay thế bằng "-".
Thuộc tính mở rộng 1 đến 6	Các giá trị thuộc tính đặt trong các thuộc tính mở rộng tương ứng được đặt cho tên thư mục. Độ dài tối đa của chuỗi văn bản được đặt cho tên thư mục tuân thủ độ dài tối đa của chuỗi văn bản đối với từng loại thuộc tính.
Thiết đặt chung cho tên tệp/tên thư mục	Thiết đặt cho mục này được chia sẻ với [Thiết đặt chung cho tên tệp/tên thư mục] trên màn hình [Tên thư mục].
Dấu phân tách	Khi bạn chỉ định nhiều hơn một thuộc tính trong [Tên thư mục] và [Tên tệp], chọn ký tự để tách biệt giữa các thuộc tính.
Dấu phân tách ngày và giờ	Khi [Ngày] được chọn trong [Tên thư mục] hoặc khi [Ngày và giờ] được chọn trong [Tên tệp], chọn một ký tự để tách các chuỗi văn bản thành năm, tháng và ngày, giờ, phút và giây. Ví dụ: Nếu dấu gạch dưới (_) được chỉ định, chuỗi sẽ được ghi như sau. 2021_0110_153021 2021_0113

Các mục của màn hình [Đích thông báo qua email]

Hạng mục	Mô tả
Đích 1	
Thông báo cho người dùng đã đăng nhập vào FUJIFILM IWpro từ thiết bị	Khi sử dụng FUJIFILM IWpro chuyển phát quét, thông báo hoàn thành quét sẽ được gửi đến địa chỉ email của người dùng đã đăng nhập vào FUJIFILM BI Direct.

Hạng mục	Mô tả
Thông báo cho người dùng đã đăng nhập vào thiết bị	Chọn mục này khi bạn muốn gửi thông báo qua e-mail đến những người dùng đã xác thực đã quét tài liệu khi quá trình quét của họ hoàn tất. Để thông báo người dùng được xác thực, phải đáp ứng được cả hai điều kiện sau đây: - Thiết bị đa chức năng được thao tác trong chế độ xác thực. - Các địa chỉ e-mail của người dùng đã quét tài liệu được đăng ký với thiết bị đa chức năng.
Xác định đích thông báo	Bạn có thể chỉ định đích thông báo khi mục [Thông báo cho người dùng đã đăng nhập] bị vô hiệu hóa. Nhập một địa chỉ e-mail trong vòng 128 byte bằng các ký tự chữ số một byte để các thông báo được gửi đến địa chỉ này khi hoàn thành việc quét.*¹ *³  Tham khảo "Thông báo e-mail"(P.12)
Đích 2	Nhập một địa chỉ e-mail trong vòng 128 byte bằng các ký tự chữ số một byte để các thông báo được gửi đến địa chỉ này khi hoàn thành việc quét.* ¹
Đích 3	Nhập một địa chỉ e-mail trong vòng 128 byte bằng các ký tự chữ số một byte để các thông báo được gửi đến địa chỉ này khi hoàn thành việc quét.* ¹

Các mục của màn hình [Tên tệp]

Hạng mục	Mô tả
Tên tệp	Chỉ định tên tệp tin của các tài liệu đã quét. Bạn có thể thiết lập bằng cách kết hợp các thuộc tính và bất kỳ chuỗi văn bản nào sau đây. Tên tệp tin được đặt theo thứ tự chọn hộp đánh dấu chọn.  Quan trọng - Nếu bạn truyền các tệp tin giống tên nhau đến cùng một máy chủ FTP từ nhiều thiết bị đa chức năng, các tệp tin này có thể bị ghi đè vì có cùng tên. Để tránh điều này xảy ra, hãy chọn [YMDhms] trong [Thiết đặt chung] > [Thông tin chung] > [Định dạng ngày của tên tệp] để bao gồm thời gian tính bằng giây trong tên tệp tin. - Nếu bạn truyền các tệp tin cùng tên đến cùng một thư mục Google Drive từ một thiết bị đa chức năng, nhiều thư mục cùng tên có thể được tạo ra. Để hạn chế điều này xảy ra, hãy chọn [YMDhms] trong [Thiết đặt chung] > [Thông tin chung] > [Định dạng ngày của tên tệp] để bao gồm thời gian tính bằng giây trong tên tệp tin.  Ghi chú - Khi bạn kích hoạt [Màn hình xác nhận thiết đặt] dưới dạng [Thiết đặt bộ lệnh thông dụng] > [Thiết đặt thông tin chung], bạn có thể thay đổi tên tệp tin tại thời điểm quét. - Bạn không thể chỉ chọn ký tự rỗng hay khoảng trắng 1 byte trong toàn bộ quy tắc tên tệp.
Tên loại dịch vụ	Tên thể loại đã chọn
Tên loại tài liệu	Tên loại tài liệu đã chọn

Hạng mục	Mô tả
Ngày và giờ	Ngày và giờ thực hiện quét. Định dạng ngày phụ thuộc vào cài đặt của [Định dạng ngày của tên tệp] trên màn hình [Thiết đặt thông tin chung].
Tên người dùng	Tên người dùng của người dùng đã thực hiện FUJIFILM IWpro chuyển phát quét ^{*2}
Văn bản mã QR chung 1/Văn bản mã QR chung 2	Mục này có thể được chọn chỉ khi đặt [Sử dụng Mã QR/Mã vạch] thành [Mã QR thông thường]. Đối với [Mã QR thông thường], một chuỗi tối đa 1,000 byte của chuỗi văn bản mã QR được quét sẽ được đặt thành tên của một tập tin. Các ký tự bị cấm ^{*1} sẽ được thay thế bằng "-".  Ghi chú Không thể chỉ định đồng thời cả [Văn bản mã QR chung 1] và [Văn bản mã QR chung 2].
Văn bản mã vạch 1/Văn bản mã vạch 2	Mục này có thể được chọn chỉ khi đặt [Sử dụng Mã QR/Mã vạch] thành [Mã vạch]. Chuỗi tối đa 64 byte của chuỗi văn bản mã vạch được quét sẽ được đặt thành tên tệp. Các ký tự bị cấm ^{*1} sẽ được thay thế bằng "-".  Ghi chú • Không thể chỉ định đồng thời cả [Văn bản mã vạch 1] và [Văn bản mã vạch 2].
Văn bản tùy chỉnh tên tệp 1/Văn bản tùy chỉnh tên tệp 2	Chuỗi ký tự bất kỳ trong phạm vi 32 byte ^{*1}
Vùng quét 1 - {N} (Trích xuất tự động)	Có thể chọn hạng mục này khi thiết đặt trích xuất tại [Trích xuất văn bản tự động]. Trong chuỗi ký tự đã truy xuất tại vùng đọc, chuỗi ký tự đã thiết đặt tại [Thiết đặt vùng] > [Xác định số ký tự cần quét] sẽ được thiết đặt vào tên tệp. Các ký tự bị cấm ^{*1} sẽ được thay thế bằng "-".
Thuộc tính mở rộng 1 đến 6	Các giá trị thuộc tính đặt trong các thuộc tính mở rộng tương ứng được đặt cho tên thư mục. Các loại thuộc tính có thể đặt cho giá trị thuộc tính gồm [Văn bản], [Ngày tháng], [Số], [Văn bản mã QR chung] và [Văn bản mã vạch]. Độ dài tối đa của chuỗi văn bản được đặt cho tên thư mục tuân thủ độ dài tối đa của chuỗi văn bản đối với từng loại thuộc tính.
Thiết đặt chung cho tên tệp/tên thư mục	Thiết đặt cho mục này được chia sẻ với [Thiết đặt chung cho tên tệp/tên thư mục] trên màn hình [Đích truyền 1]/[Đích truyền 2].
Dấu phân tách	Khi bạn chỉ định nhiều hơn một thuộc tính trong [Tên thư mục] và [Tên tệp], chọn ký tự để tách biệt giữa các thuộc tính.
Dấu phân tách ngày và giờ	Khi chọn [Ngày] trong [Tên thư mục] hoặc khi chọn [Ngày và giờ] trong [Tên tệp], hãy chọn một ký tự để tách chuỗi văn bản thành năm, tháng, ngày và giờ. Ví dụ: Nếu dấu gạch dưới (_) được chỉ định, chuỗi sẽ được ghi như sau. 2021_0110_153021 2021_0113

Các mục của màn hình [Thiết đặt thuộc tính mở rộng]

Hạng mục	Mô tả
Thuộc tính mở rộng	Mục này có thể được thiết lập khi [DocuWorks] hoặc [PDF] được chọn cho [Định dạng tệp]. Để thêm thuộc tính mở rộng vào tài liệu, hãy chọn hộp kiểm này và nhấp vào  để thiết lập từng mục.  Ghi chú - Bạn có thể thay đổi giá trị thuộc tính mở rộng từ bảng điều khiển tại thời điểm quét. - Khi các thuộc tính mở rộng được đặt thành quy tắc tên thư mục hoặc quy tắc tên tệp, bạn không thể bỏ chọn hộp kiểm.
Thêm thuộc tính	Chọn cài đặt ban đầu của [Thêm thuộc tính] được hiển thị trong quá trình quét từ [Có] thành [Không].  Ghi chú Khi thuộc tính mở rộng được đặt thành quy tắc tên thư mục hoặc quy tắc tên tệp, bạn không thể thay đổi [Thêm thuộc tính mở rộng] thành [Không].
Tên thuộc tính (ngôn ngữ chính)	Nhập tên thuộc tính mở rộng được sử dụng khi hiển thị cài đặt ngôn ngữ trong [Ngôn ngữ đang xử lý] trên màn hình [Thiết đặt thông tin chung], tối đa là 32 byte.*¹*³
Tên thuộc tính (tiếng Anh)	Nhập tên thuộc tính mở rộng sử dụng khi hiển thị bằng tiếng Anh, tối đa là 32 byte theo định dạng ký tự 1 byte.*¹*³  Ghi chú Mục này không được hiển thị khi ngôn ngữ đặt trong [Ngôn ngữ đang xử lý] trên màn hình [Thiết đặt thông tin chung] là tiếng Anh.
Loại thuộc tính	Chọn loại thuộc tính mở rộng.  Ghi chú [Văn bản mã QR chung 1] / [Văn bản mã QR chung 2] có thể được chọn khi đã đặt [Mã QR thông thường], [Văn bản mã vạch 1] / [Văn bản mã vạch 2] có thể được chọn khi đã đặt [Mã vạch]. - Trường hợp chỉ sử dụng một phần chuỗi văn bản mã QR/mã vạch, bạn có thể chỉ định mã số 1 bằng [Văn bản mã QR chung 1] và [Văn bản mã vạch 1], mã số 2 bằng [Văn bản mã QR chung 2] và [Văn bản mã vạch 2]. Trường hợp không sử dụng một phần chuỗi văn bản thì chỉ định [Văn bản mã QR chung 1] hoặc [Văn bản mã vạch 1].
Giá trị	Nhập giá trị mặc định của thuộc tính mở rộng. Nếu không nhập gì từ bảng điều khiển tại thời điểm quét, sẽ áp dụng giá trị này. - Khi loại thuộc tính là [Văn bản]: Nhập bất kỳ văn bản nào trong phạm vi 256 byte.*¹*³ - Khi loại thuộc tính là [Ngày tháng]: Không thể nhập các giá trị. Định dạng ngày phụ thuộc vào cài đặt của [Định dạng ngày của thư mục] trên màn hình [Thiết đặt thông tin chung]. Tuy nhiên, nếu bạn chọn định dạng không phải [Năm tháng ngày], [Tháng ngày năm], và [Ngày tháng năm] trong [Định dạng ngày của thư mục], sẽ áp dụng định dạng [Năm tháng ngày].

Hạng mục	Mô tả
Giá trị	• Khi loại thuộc tính là [Có hoặc Không]: Chọn một trong hai [Có] hoặc [Không]. • Không thể nhập giá trị nếu kiểu thuộc tính là [Văn bản mã QR chung] hoặc [Văn bản mã vạch]. Chuỗi tối đa 1,000 byte đối với [Mã QR thông thường], chuỗi tối đa 256 byte đối với [Mã vạch] của chuỗi văn bản mã QR/mã vạch được quét sẽ được đặt thành đặt thành giá trị của một thuộc tính. Ký tự bị cấm^{*1} sẽ bị xóa.
Văn bản	Bạn chỉ có thể cài đặt mục này khi chọn mục [Văn bản] cho [Loại thuộc tính]. Bạn có thể cài đặt các đề xuất ký tự nhập của các thuộc tính mở rộng để sử dụng cho từng loại văn bản. Trên màn hình cài đặt các thuộc tính mở rộng khi quét, các đề xuất ký tự nhập thường được cài đặt theo loại tài liệu và danh sách các đề xuất ký tự nhập cài đặt ở đây sẽ được hiển thị. Người dùng có thể chọn một trong các đề xuất ký tự này và cài đặt giá trị thuộc tính mở rộng.

*1 Bạn không thể nhập các ký tự sau.

Dấu hai chấm (:), dấu gạch chéo (\), dấu gạch chéo từ trái sang phải (\), dấu gạch chéo từ phải sang trái (/), dấu chấm hỏi (?), dấu sao (*), dấu gạch đứng (|), dấu và (&), cặp dấu ngoặc nhọn (<>), dấu nháy kép ("), dấu nháy đơn ('), dấu phẩy (,), cặp dấu ngoặc móc ({}), cặp dấu ngoặc đơn (())

Các ký tự bên trên ngoài ký hiệu (&), dấu nháy đơn ('), dấu phẩy (,), dấu ngoặc ({}) và dấu ngoặc đơn (()) là các ký tự bị cấm.

Bạn không thể nhập dấu chấm (.) hoặc dấu cách () ở đầu và cuối tên tệp hoặc tên thư mục.

Bạn không thể nhập ký hiệu dấu và (&), dấu ngoặc nhọn (<), dấu phẩy (,) khi các thuộc tính mở rộng được đặt thành tên tệp hoặc tên thư mục.

Không thể sử dụng tên tệp/tên thư mục chỉ bao gồm các chuỗi ký tự sau.

CON, PRN, AUX, NUL, COM0, COM1, COM2, COM3, COM4, COM5, COM6, COM7, COM8, COM9, LPT0, LPT1, LPT2, LPT3, LPT4, LPT5, LPT6, LPT7, LPT8, LPT9

*2 Đối với [Tên người dùng], tên đã đăng ký trong FUJIFILM BI Direct sẽ được sử dụng. Khi không thể có được tên người dùng, mục [Tên người dùng] sẽ bị bỏ qua ngay cả khi được chỉ định.

*3 Không được nhập khoảng trắng 1 byte.

Cập nhật một lượt cho thông tin xác thực

Bạn có thể cập nhật thông tin xác thực (ID người dùng và mật khẩu) để đăng nhập vào máy chủ nơi các tài liệu được lưu trữ tại một thời điểm.

Tính năng này cho phép bạn cập nhật thông tin xác thực thiết lập cho nhiều dạng tài liệu cùng một lúc.

Ghi chú

- Không thể cập nhật hàng loạt thông tin xác thực cho các dịch vụ sau.
 - Các dịch vụ đám mây khác
 - Working Folder có bật xác thực đa yếu tố

Các bước

1 Hiển thị màn hình cài đặt của FUJIFILM IWpro chuyển phát quét.

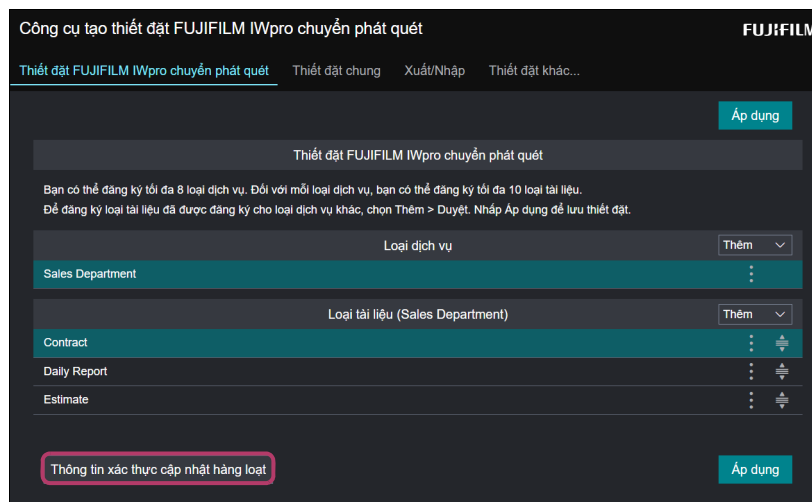
Nếu màn hình nhắc bạn nhập ID người dùng và mật khẩu xuất hiện, nhập ID quản trị hệ thống và mật khẩu, và sau đó nhấn [OK].

Tham khảo

- "Hiển thị màn hình cài đặt"(P.38)

2 Nhấp vào [Thiết đặt FUJIFILM IWpro chuyển phát quét] trên thanh điều hướng.

3 Nhấp [Thông tin xác thực cập nhật hàng loạt].



4 Chọn một loại máy chủ của máy chủ được cập nhật từ [Loại máy chủ].

► Nếu chọn [FTP] hoặc [SMB]

(1) Nhập tên máy chủ hoặc địa chỉ IP vào mục [Tên máy chủ].

Ghi chú

- Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo [Loại máy chủ] và [Tên máy chủ / Địa chỉ IP] được mô tả trong "Các mục của màn hình [Đích truyền 1]/[Đích truyền 2]"(P.53).

(2) Nhấp [OK].

(3) Đánh chọn vào hộp kiểm tra của thông tin xác thực để được cập nhật, sau đó nhấp vào [Nhập thông tin xác thực].

Có thể chọn nhiều hộp kiểm tra của các thông tin xác thực có thể được chọn.

(4) Nhập ID người dùng mới và mật khẩu trong [ID người dùng] và [Mật khẩu], sau đó nhấp [Áp dụng].

 Ghi chú

- Để biết thêm thông tin, tham khảo [ID người dùng] và [Mật khẩu] được mô tả trong "Các mục của màn hình [Đích truyền 1]/[Đích truyền 2]"(P.53).

► **Nếu chọn [Working Folder]**

(1) Nhấp [OK].

(2) **Đánh chọn vào hộp kiểm tra của thông tin xác thực để được cập nhật, sau đó nhấp vào [Nhập thông tin xác thực].**

Có thể chọn nhiều hộp kiểm tra của các thông tin xác thực có thể được chọn.

(3) **Cài đặt có sử dụng xác thực đa yếu tố hay không.**

Nếu bạn chọn [Tắt], hãy nhập [ID người dùng] và [Mật khẩu].

 Ghi chú

- Bạn có thể thay đổi xác thực đa yếu tố cho các loại tài liệu đã chọn thành [Bật] hoặc [Tắt] cùng một lúc. Bạn có thể cập nhật tên người dùng và mật khẩu của tất cả các tài liệu cùng một lúc khi chọn [Tắt].
- Nếu bạn chọn [Bật], tài khoản FUJIFILM BI Direct của người dùng đang quét tài liệu phải có quyền truy cập vào Working Folder.
- Để biết thêm thông tin, tham khảo [ID người dùng] và [Mật khẩu] được mô tả trong "Các mục của màn hình [Đích truyền 1]/[Đích truyền 2]"(P.53).

(4) Nhấp vào [Áp dụng].

Xóa thông tin xác thực

Phần này mô tả cách xóa thông tin xác thực (bộ đệm thông tin đã nhập khi đăng nhập) của FUJIFILM IWpro và Working Folder có sử dụng xác thực đa yếu tố cho đích truyền. Thực hiện quy trình này khi chế độ xác thực của thiết bị đa chức năng bị thay đổi.

Các bước

1 Hiển thị màn hình cài đặt của FUJIFILM IWpro chuyển phát quét.

2 Nhấp vào [Thiết đặt khác...] trên thanh điều hướng.

3 Nhấp vào [Xóa thông tin đăng nhập trong bộ nhớ đệm].

 Ghi chú

- Nếu bạn chọn hộp kiểm [Xác minh thông tin đăng nhập trước khi quét], thông tin xác thực của Working Folder sẽ được xác minh.

Xóa thể loại/loại tài liệu

Phần này mô tả cách để xóa thể loại và thông tin của loại tài liệu từ một thiết bị đa chức năng.

Các bước

- 1 Hiển thị màn hình cài đặt của FUJIFILM IWpro chuyển phát quét.

 **Tham khảo**

- "Hiển thị màn hình cài đặt"(P.38)

- 2 Nhấp vào [Thiết đặt FUJIFILM IWpro chuyển phát quét] trên thanh điều hướng.

- 3 Nhấp vào  > [Xóa] của mục bạn muốn xóa khỏi [Loại dịch vụ] hoặc [Loại tài liệu].

- 4 Khi xuất hiện thông báo xác nhận xem có xóa hay không, nhấp [Xóa]. Thông tin đã chọn sẽ bị xóa trên thiết bị đa chức năng.

Cài đặt thông tin chung

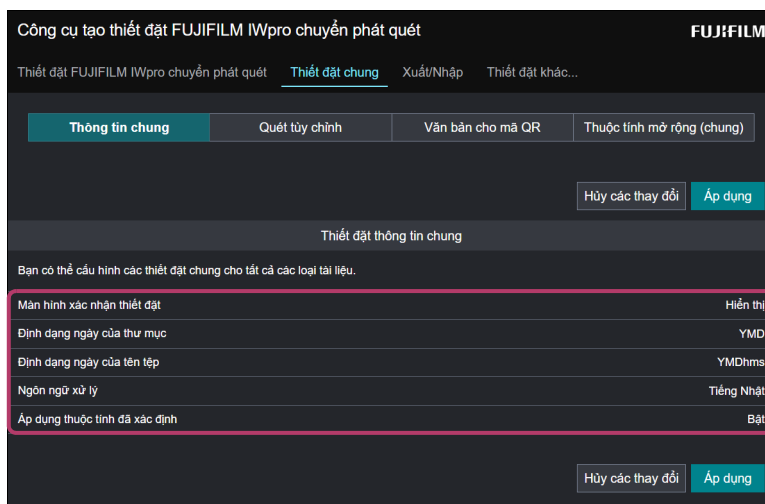
Phần này mô tả cách để thiết lập các mục cài đặt chung cho các tài liệu như định dạng ngày tháng.

Các bước

- 1 Hiển thị màn hình cài đặt của FUJIFILM IWpro chuyển phát quét.

- 2 Chọn [Thiết đặt chung] > [Thiết đặt thông tin chung] trên thanh điều hướng.

- 3 Chỉ định từng mục, nhấp [Áp dụng].



Công cụ tạo thiết đặt FUJIFILM IWpro chuyển phát quét

Thiết đặt FUJIFILM IWpro chuyển phát quét **Thiết đặt chung** Xuất/Nhập Thiết đặt khác...

Thông tin chung Quét tùy chỉnh Văn bản cho mã QR Thuộc tính mở rộng (chung)

Hủy các thay đổi Áp dụng

Thiết đặt thông tin chung

Bạn có thể cấu hình các thiết đặt chung cho tất cả các loại tài liệu.

Màn hình xác nhận thiết đặt	Hiện thị
Định dạng ngày của thư mục	YMD
Định dạng ngày của tên tệp	YMDhms
Ngôn ngữ xử lý	Tiếng Nhật
Áp dụng thuộc tính đã xác định	Bật

Hủy các thay đổi Áp dụng

Các mục của [Thiết đặt thông tin chung]

Hạng mục	Mô tả
Màn hình xác nhận thiết đặt	Chỉ định xem có hiển thị màn hình để kiểm tra các cài đặt tại thời điểm quét hay không.
Định dạng ngày của thư mục	Chọn định dạng ngày tháng để gắn vào tên thư mục.
Định dạng ngày của tên tệp	Chọn định dạng ngày tháng để gắn vào tên tệp.
Ngôn ngữ đang xử lý	Chọn ngôn ngữ chính để sử dụng cho FUJIFILM IWpro chuyển phát quét.
Áp dụng các thuộc tính xác định	Nếu bạn lưu các tài liệu đã quét trong định dạng DocuWorks hoặc PDF, xác định xem có nên thêm các thuộc tính thông thường (Loại dịch vụ, Loại tài liệu, Người dùng) cho các tài liệu đã quét hay không.  Ghi chú • Để biết thông tin về các thuộc tính thông thường, vui lòng tham khảo "Thêm thuộc tính riêng vào tài liệu"(P.10).

Cài đặt tùy chỉnh của các cài đặt quét

Các mẫu thường được sử dụng trong quá trình quét chẳng hạn như cách thức thiết lập để quét tài liệu và cách thức xử lý hình ảnh có thể được đăng ký dưới dạng menu Tùy chỉnh. Menu Tùy chỉnh được thiết lập ở đây có thể được chọn từ hộp danh sách thả xuống [Lựa chọn thiết đặt quét] khi bạn thiết lập các kiểu tài liệu.

Các bước

1 Hiển thị màn hình cài đặt của FUJIFILM IWpro chuyển phát quét.

2 Chọn [Thiết đặt chung] > [Quét tùy chỉnh] trên thanh điều hướng.

3 Thực hiện các bước sau.

(1) Chọn Tùy chỉnh mà bạn muốn chỉnh sửa.

(2) Chỉ định từng mục và nhấn vào [OK].

Tham khảo

- Để biết thêm chi tiết về mỗi mục, vui lòng tham khảo "Các mục của tùy chỉnh"(P.65).

(3) Nếu muốn chỉnh sửa các Tùy chỉnh khác, hãy lặp lại các bước (1) và (2).
4 Nhấp vào [Áp dụng].**Các mục của tùy chỉnh****🔗 Tham khảo**

- Để biết thêm chi tiết của từng mục, vui lòng tham khảo hướng dẫn sử dụng được cung cấp với thiết bị đa chức năng.

Hạng mục	Mô tả
Tên tùy chỉnh	Nhập tên của tên tùy chỉnh trong phạm vi 32 byte.
Kích cỡ tài liệu	Chỉ định kích thước tài liệu.
Chiều dài Y (15 - 297 mm)	Chọn nếu bạn đã chọn [Kích thước tùy chỉnh] in [Kích cỡ tài liệu]. Nhập kích thước quét bằng chiều dọc của tài liệu gốc.
Chiều rộng X (15 - 432 mm)	Chọn nếu bạn đã chọn [Kích thước tùy chỉnh] in [Kích cỡ tài liệu]. Nhập kích thước quét bằng chiều ngang của tài liệu gốc.
Bản gốc khổ khác nhau	Chỉ định [Bật] để quét bản gốc có nhiều kích cỡ khác nhau lại lần nữa, phóng to/thu nhỏ và xuất ra theo kích cỡ được chỉ định trong [Kích cỡ tài liệu]. Ghi chú • Nạp giấy bản gốc khổ hỗn hợp sẽ không khả dụng với một số thiết bị đa năng khổ A4.
Quét sách	Chỉ định xem có quét hai trang liền kề của cuốn sách nhỏ như sách theo thứ tự của các trang trên giấy khác hay không. Nếu bạn chỉ định [Bật], Bạn có thể quét các trang bên phải và bên trái của bản gốc riêng biệt.
Hướng bản gốc	Chỉ định xem quét một mặt hoặc cả hai mặt của bản gốc.
2 mặt	Chỉ định xem đọc bản gốc chỉ cho 1 mặt hoặc 2 mặt.
Thứ tự trang	Chỉ định nó khi bạn chọn [Bật] cho [Quét sách]. Chọn xem bản gốc để quét có hai trang liền kề bắt đầu từ trái, từ phải hay từ trên xuống.

Hạng mục	Mô tả
Trang cần quét	Chỉ định nó khi bạn chọn [Bật] cho [Quét sách]. Chọn xem quét cả hai trang liền kề hoặc chỉ 1 mặt (trái/ phải/ trên/ dưới) cho các trang kép.
Kiểu bản gốc	Chọn loại bản gốc.
Độ phân giải	Chỉ định độ phân giải để quét bản gốc. Giá trị lớn hơn thì quét sẽ trở nên mịn hơn, nhưng khối lượng dữ liệu cũng trở nên lớn hơn.  Quan trọng Nếu bạn thiết lập độ phân giải ở 600 dpi trong hình ảnh màu hoặc hình ảnh màu xám, hiệu chỉnh nghiêng lệch không khả dụng.
Quét màu	Chỉ định quét màu để quét bản gốc.
Chất lượng / Kích cỡ tệp	Chọn tỷ lệ nén hình ảnh để quét. Nếu bạn chọn [Bình thường / Nhỏ], hình ảnh được lưu ở tỷ lệ nén cao. Chất lượng hình ảnh của tập tin đã quét sẽ trở nên thấp, nhưng kích thước tập tin sẽ trở nên nhỏ. Nếu bạn chọn [Cao nhất / Lớn nhất], hình ảnh được lưu ở tỷ lệ nén thấp. Chất lượng hình ảnh của tập tin đã quét sẽ trở nên cao, nhưng kích thước tập tin sẽ trở nên lớn.
Định dạng tệp	Chọn định dạng tập tin mà những tài liệu được quét sẽ lưu, từ [DocuWorks], [PDF], hoặc [mTIFF (nhiều trang trên 1 tệp)]. Nếu [DocuWorks] hoặc [PDF] được chọn, bạn có thể cài đặt các thuộc tính mở rộng.
Văn bản có thể nhận diện ký tự	Cài đặt mục này khi [DocuWorks] hoặc [PDF] được chọn cho định dạng tập tin. Chỉ định có dùng OCR (Nhận dạng ký tự quang học) hay không. Nếu bạn muốn gắn thông tin văn bản vào các tài liệu, chọn [Bật].  Ghi chú Tùy thuộc vào các giá trị đặt cho loại tài liệu, tính năng Tìm kiếm văn bản có thể không sẵn có. Để biết thêm thông tin về các điều kiện mà tính năng Tìm kiếm văn bản được sử dụng, vui lòng tham khảo "Chú ý và hạn chế"(P.98).
Ngôn ngữ của bản gốc	Đặt mục này khi [Bật] được chọn cho [Văn bản có thể nhận diện ký tự]. Chọn một ngôn ngữ được dùng cho tính năng Tìm kiếm văn bản.
Nén cao	Đặt mục này khi [PDF] được chọn cho định dạng tập tin. Chỉ định có lưu tài liệu được quét ở tỷ lệ nén cao hay không.  Ghi chú Tùy thuộc vào các giá trị đặt cho loại tài liệu, tính năng Độ nén cao có thể không sẵn có. Để biết thêm thông tin về các điều kiện mà tính năng Độ nén cao được sử dụng, vui lòng tham khảo "Chú ý và hạn chế"(P.98).
Chỉnh sáng / Chỉnh tối	Chỉ định mật độ để quét bản gốc. Càng đến gần [Chỉnh tối +3], sẽ trở nên tối hơn. Càng đến gần [Chỉnh sáng +3], sẽ trở nên sáng hơn.
Xóa bóng đen	Chỉ định xem có loại bỏ bóng ở mặt sau của bản gốc khi bạn quét bản gốc được in trên cả hai mặt của trang giấy mỏng.

Hạng mục	Mô tả
Xóa nền	Chỉ định xem có quét bản gốc với màu nền, với chế độ ẩn nền.

Tạo chuỗi văn bản cho mã QR

Phần này mô tả cách để tạo chuỗi văn bản cho mã QR chuyên dụng cho FUJIFILM IWpro chuyển phát quét.

Ghi chú

- Các chuỗi văn bản mã QR được hỗ trợ chỉ có tiếng Nhật và tiếng Anh.
- Tính năng này chỉ tạo chuỗi văn bản cho mã QR (thông tin văn bản). Tính năng này không thể tạo mã QR. Sau khi tạo chuỗi văn bản cho mã QR bằng công cụ, chuyển đổi nó thành mã QR bằng cách sử dụng phần mềm tạo mã QR có sẵn trên thị trường và sau đó in lên tài liệu.
- Công cụ tạo QR cho phép bạn tạo các mã QR đặc biệt cho FUJIFILM IWpro chuyển phát quét để đính kèm vào Tài liệu DocuWorks. Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo "6 Tạo tài liệu với các mã QR"(P.73).

Các bước

1 Hiển thị màn hình cài đặt của FUJIFILM IWpro chuyển phát quét.

2 Chọn [Thiết đặt chung] > [Tạo văn bản để tạo mã QR] trên thanh điều hướng.

3 Thao tác các bước sau.

- (1) Trong [Xử lý trang có mã QR], chỉ định xem có đính kèm mã QR vào giữa hoặc vào phần tiêu đề.
- (2) Chọn quy tắc tên thư mục và quy tắc tên tệp bạn muốn chỉnh sửa.
- (3) Chỉ định quy tắc tên thư mục và quy tắc tên tệp tin bằng các trình tự sau.
 - Nếu bạn thêm vào các quy tắc:
Trong hộp danh sách phía bên trái, đánh dấu chọn vào mục bạn muốn thêm, sau đó nhấp [Thêm]. Nếu bạn đã chọn [Văn bản tùy chỉnh 1] thành [Văn bản tùy chỉnh 3], nhập chuỗi văn bản bất kỳ.
 - Nếu bạn thay đổi thứ tự:
Trong hộp danh sách ở phía bên phải, đánh dấu chọn vào mục để thay đổi thứ tự, và sau đó nhấp  hoặc . Từ phía trên cùng của danh sách, các mục đã được đặt tên.
 - Nếu bạn xóa khỏi các quy tắc:
Trong hộp danh sách phía bên phải, đánh dấu chọn vào mục cần xóa, và sau đó nhấp [Loại bỏ].



(4) Chỉ định mục để thiết lập thành mã QR chẳng hạn như thuộc tính mở rộng.

6.8 Tham khảo

- Để biết thêm chi tiết về mỗi mục, vui lòng tham khảo "Các mục của [Tạo văn bản để tạo mã QR]" (P.68).

4 Thao tác các bước sau.

(1) Nhấp vào [Tạo văn bản].

Chuỗi văn bản cho mã QR được thiết lập khi bạn vận hành sẽ được hiển thị trên màn hình.

(2) Sao chép chuỗi văn bản cho mã QR được hiển thị trên màn hình, sau đó dán nó dưới dạng văn bản.

(3) Nhấp [Đóng] trên màn hình [Xác nhận kết quả tạo văn bản].

5 Chuyển đổi chuỗi văn bản đã lưu cho mã QR thành mã QR bằng cách sử dụng phần mềm tạo mã QR có sẵn trên thị trường và sau đó in nó lên tài liệu.

Các mục của [Tạo văn bản để tạo mã QR]

Ghi chú

- "Byte" trong bảng nghĩa là số byte bằng mã ký tự UTF-8. Cách để đếm số ký tự khác nhau tùy theo ký tự. Ví dụ, các ký tự có chiều rộng đầy đủ được mô tả với hai đến bốn byte.

Hạng mục	Mô tả
Xử lý trang có mã QR	Chọn nơi đính kèm mã QR từ các cài đặt sau. • Bảng đầu trang Chỉ định cài đặt này khi ảnh của mã QR được gắn vào tờ tiêu đề của tài liệu. Tài liệu đã quét trừ tờ tiêu đề (trang đầu tiên) sẽ được lưu lại. • Nội dung Chỉ định cài đặt này khi ảnh của mã QR được gắn vào một trang bên trong của tài liệu. Tất cả tài liệu đã quét gồm cả hình ảnh của mã QR đều được lưu lại.

Hạng mục	Mô tả
Quy tắc tên thư mục (Mức 1 - 4)	Chỉ định tên của thư mục địa điểm để lưu tài liệu đã quét bằng cách kết hợp các thuộc tính và chuỗi văn bản bất kỳ sau đây. Tên thư mục có thể được đặt tên trong việc kết hợp từ phía trên cùng của danh sách. - Tên kiểu danh mục Tên thể loại đã chọn - Tên loại tài liệu Tên loại tài liệu đã chọn - Ngày và Giờ Ngày khi thực hiện quét. Định dạng ngày phụ thuộc vào cài đặt của [Định dạng ngày của thư mục] trên màn hình [Thiết đặt thông tin chung]. - Tên người dùng Tên người dùng của người dùng đã thực hiện FUJIFILM IWpro chuyển phát quét^{*1, *2} - Văn bản tùy chỉnh 1 đến Văn bản tùy chỉnh 3 Bất kỳ chuỗi văn bản nào trong phạm vi 32 byte.^{*2}
Quy tắc tên tệp	Chỉ định tên của tập tin bằng cách kết hợp các thuộc tính sau và bất kỳ chuỗi văn bản nào. Tên tập tin được đặt theo thứ tự chọn trên cùng của hộp danh sách. - Tên kiểu danh mục Tên thể loại đã chọn - Tên loại tài liệu Tên loại tài liệu đã chọn - Ngày và Giờ Ngày và giờ thực hiện quét. Định dạng ngày và giờ phụ thuộc vào cài đặt của [Định dạng ngày của tên tệp] trên màn hình [Thiết đặt thông tin chung]. - Tên người dùng Tên người dùng của người dùng đã thực hiện FUJIFILM IWpro chuyển phát quét^{*1, *2} - Văn bản tùy chỉnh 1 đến Văn bản tùy chỉnh 3 Bất kỳ chuỗi văn bản nào trong phạm vi 32 byte.^{*2}
Thuộc tính mở rộng 1 - 6	Chỉ định thuộc tính bất kỳ để thiết lập cho Tài liệu DocuWorks.
Cấu hình	Chỉ định có bật các thuộc tính mở rộng hay không.
Tên thuộc tính	Nhập tên thuộc tính trong phạm vi 32 byte. ^{*2}
Loại thuộc tính	Chọn loại thuộc tính mở rộng.
Giá trị thuộc tính	Nhập giá trị mặc định của thuộc tính mở rộng. - Đối với văn bản Chuỗi ký tự bất kỳ trong phạm vi 256 byte.^{*2} - Đối với ngày và giờ Nhập ngày và giờ theo định dạng YYYY/MM/DD HH:MM:SS. Ví dụ: 2015/10/19 14:10:00 - Đối với số Nhập từ chín chữ số một byte trở xuống. - Đối với Yes hoặc No Chọn một trong hai [Có] hoặc [Không].

*1 Đối với [Tên người dùng], tên đã đăng ký trong FUJIFILM BI Direct sẽ được sử dụng.

- *2 Trong mã QR, người dùng chỉ có thể sử dụng các ký tự mã Shift JIS được định nghĩa trong "JIS X 0201" và "JIS X 0208". Không thể sử dụng các ký tự sau.
 Dấu hai chấm (:), dấu gạch chéo (\), dấu gạch chéo từ trái sang phải (/), dấu gạch chéo từ phải sang trái (/), dấu chấm hỏi (?), dấu sao (*), dấu gạch đứng (|), dấu và (&), cặp dấu ngoặc nhọn (<>), dấu nháy kép ("), dấu nháy đơn ('), dấu phẩy (,), cặp dấu ngoặc móc ({}), cặp dấu ngoặc đơn ().
 Bạn không thể nhập dấu chấm ở đầu và cuối chuỗi văn bản.
 Bạn không thể nhập ký hiệu dấu và (&), dấu ngoặc nhọn (<), dấu phẩy (,) khi các thuộc tính mở rộng được đặt thành tên tệp hoặc tên thư mục.
 Ngoài ra, không thể sử dụng các chuỗi sau.
 CON, PRN, AUX, NUL, COM0, COM1, COM2, COM3, COM4, COM5, COM6, COM7, COM8, COM9, LPT0, LPT1, LPT2, LPT3, LPT4, LPT5, LPT6, LPT7, LPT8, LPT9
 Ngoài ra, không thể sử dụng các ký tự mở rộng được định nghĩa trong Microsoft "Windows Codepage: 932" (viết tắt là CP932).

Thiết đặt ứng viên đầu vào của Thuộc tính mở rộng chung

Bạn có thể cài đặt đề xuất ký tự nhập cho các thuộc tính mở rộng có thể sử dụng chung với tất cả các dạng văn bản.

Trên màn hình cài đặt các thuộc tính mở rộng để quét, các đề xuất ký tự nhập cài đặt ở đây và danh sách các đề xuất ký tự nhập cài đặt theo loại tài liệu đều được hiển thị. Người dùng có thể chọn một trong các đề xuất ký tự này và cài đặt giá trị thuộc tính mở rộng.

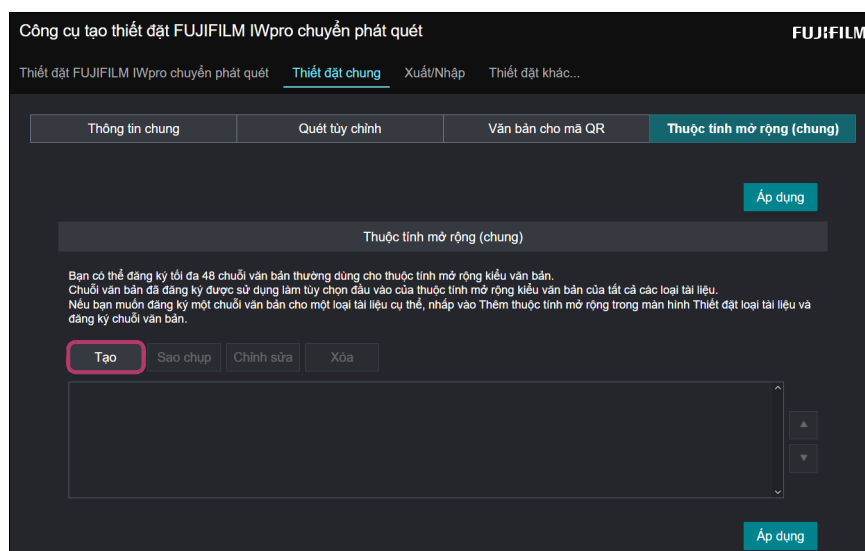
Tuy nhiên, đề xuất ký tự nhập chỉ có thể được cài đặt khi loại thuộc tính là [Văn bản].

Ghi chú

- Để biết thông tin về đề xuất ký tự nhập theo loại tài liệu, vui lòng tham khảo "Các mục của màn hình [Thiết đặt thuộc tính mở rộng]" (P.59).

Các bước

- 1 Hiển thị màn hình cài đặt của FUJIFILM IWpro chuyển phát quét.
- 2 Chọn [Thiết đặt chung] > [Thuộc tính mở rộng (chung)] trên thanh điều hướng.
- 3 Nhấp vào [Tạo].



Công cụ tạo thiết đặt FUJIFILM IWpro chuyển phát quét

Thiết đặt FUJIFILM IWpro chuyển phát quét **Thiết đặt chung** Xuất/Nhập Thiết đặt khác...

Thông tin chung Quét tùy chỉnh Văn bản cho mã QR **Thuộc tính mở rộng (chung)**

Áp dụng

Thuộc tính mở rộng (chung)

Bạn có thể đăng ký tối đa 48 chuỗi văn bản thường dùng cho thuộc tính mở rộng kiểu văn bản. Chuỗi văn bản đã đăng ký được sử dụng làm tùy chọn đầu vào của thuộc tính mở rộng kiểu văn bản của tất cả các loại tài liệu. Nếu bạn muốn đăng ký một chuỗi văn bản cho một loại tài liệu cụ thể, nhấp vào Thêm thuộc tính mở rộng trong màn hình Thiết đặt loại tài liệu và đăng ký chuỗi văn bản.

Tạo Sao chụp Chính sửa Xóa

Áp dụng

4 Nhập giá trị thuộc tính mà bạn muốn cài đặt làm đề xuất ký tự nhập cho tất cả các thuộc tính mở rộng, sau đó nhấn [OK].

Tham khảo

- Để biết thông tin về các ký tự khả dụng và các ký tự bị cấm, hãy tham khảo [Giá trị thuộc tính] được mô tả trong phần "Các mục của màn hình [Thiết đặt thuộc tính mở rộng]" (P.59).

5 Để thêm hơn nữa các đề xuất ký tự nhập của thuộc tính mở rộng, lặp lại bước 3 và 4.

Các đề xuất ký tự nhập đã được tạo có thể được sử dụng để tạo một cái mới. Trong trường hợp này, chọn một đề xuất ký tự nhập của thuộc tính mở rộng từ hộp danh sách và nhấn [Sao chép], sau đó chỉnh sửa đề xuất ký tự nhập đã sao chép này nếu cần và sau đó lưu lại.

6 Nhấn vào / để thay đổi thứ tự các thuộc tính nếu cần.

Trên màn hình lựa chọn hiển thị khi quét, các thuộc tính mở rộng được hiển thị theo thứ tự quy định ở đây.

7 Nhấn vào [Áp dụng].

Nhập/xuất thông tin cài đặt

Phần này mô tả cách xuất loại tài liệu và thông tin của loại tài liệu.

Tập đã xuất có thể được nhập bằng cách kết nối với Dịch vụ Internet của các thiết bị khác. Bạn có thể sử dụng tính năng này khi bạn muốn thiết lập cùng một cài đặt cho nhiều thiết bị.

Ghi chú

- Chúng tôi khuyến cáo bạn nên xuất và sao lưu tất cả dữ liệu cài đặt trước khi bắt đầu công việc.

Xuất thông tin cài đặt

Các bước

1 Hiển thị màn hình cài đặt của FUJIFILM IWpro chuyển phát quét.

2 Chọn [Xuất/Nhập] trên thanh điều hướng.

3 Thao tác như sau.

- (1) Chỉ định chuỗi văn bản bất kỳ là mật khẩu cho tập tin các cài đặt trong khoảng từ 1 đến 32 byte.

Yêu cầu mật khẩu đã chỉ định khi nhập vào tập tin. Đảm bảo chắc chắn không quên mật khẩu.

- (2) Nhấn vào [Xuất chuyển].

Tập tin các cài đặt đã được tải xuống. Giá trị mặc định của tên tập tin như sau.

Trong trường hợp của thiết bị đa chức năng A3: scandeliveryA3_IWpro.bin

Trong trường hợp của thiết bị đa chức năng A4: scandeliveryA4_IWpro.bin

Nhập tập tin các cài đặt

Các bước

- 1** Hiển thị màn hình cài đặt của FUJIFILM IWpro chuyển phát quét.
- 2** Chọn [Xuất/Nhập] trên thanh điều hướng.
- 3** Thao tác như sau.
 - (1) Nhấp vào [Duyệt], và chỉ định tập tin thông tin cài đặt để nhập vào.
 - (2) Nếu phần mở rộng tập tin là ".bin", nhập mật khẩu cho tập tin các cài đặt đã chỉ định khi xuất.
 - (3) Nhấp [Import].
Nếu màn hình pop-up cho người dùng nhập ID/mật khẩu được hiển thị, nhập ID/mật khẩu người dùng của người quản trị hệ thống và nhấp [Đăng nhập].

Tập tin các cài đặt được nhập vào thiết bị đa chức năng.

Ghi chú

- Nếu thiết bị đa chức năng đích nhập có thông tin xác thực Working Folder, thông tin xác thực đó sẽ bị xóa.
- Sau khi chuyển nhập, hãy đăng nhập từ bảng điều khiển của thiết bị đa chức năng khi sử dụng FUJIFILM IWpro chuyển phát quét.

6 Tạo tài liệu với các mã QR

Sử dụng công cụ tạo QR để tạo tài liệu đính kèm mã QR.

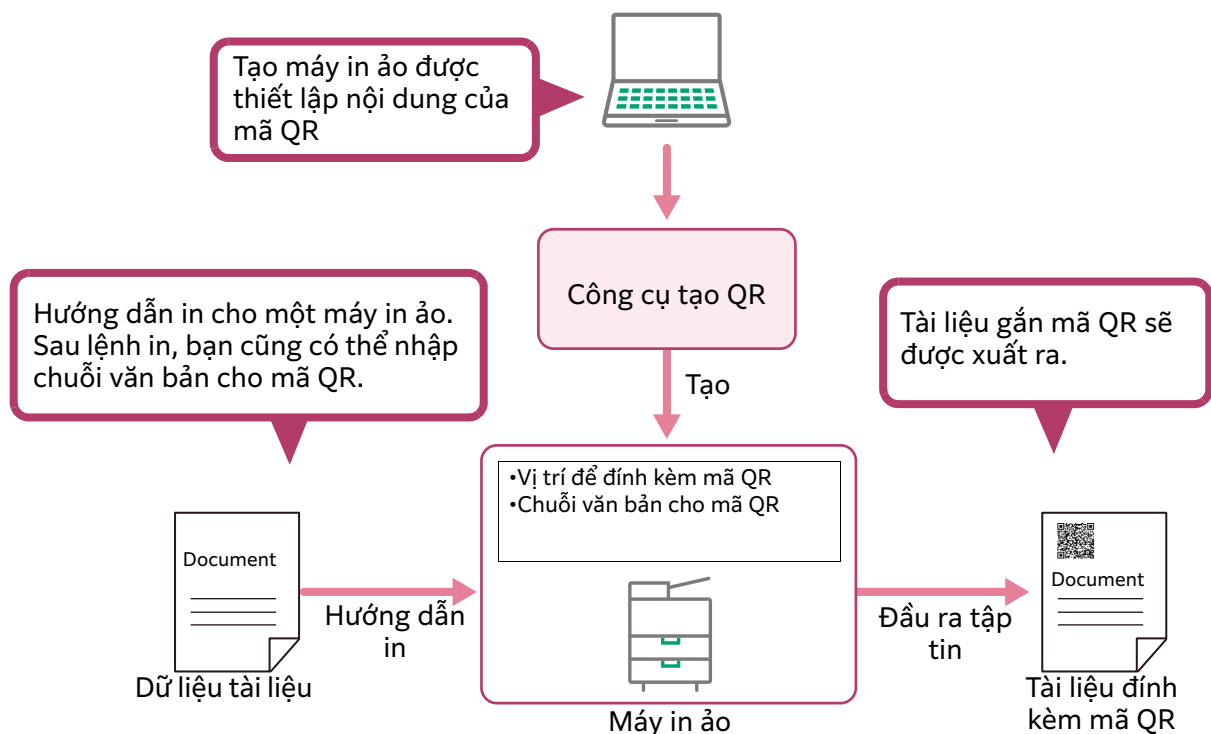
Tổng quan về Công cụ tạo QR

Công cụ tạo QR là gì?

Với Công cụ tạo QR, bạn có thể tạo mã QR có thể đọc bằng FUJIFILM IWpro chuyển phát quét, và bạn cũng có thể đính kèm mã QR vào Tài liệu DocuWorks như một chú giải.

Với Công cụ tạo QR, bạn cần phải tạo một máy in ảo. Đối với máy in ảo, bạn cần phải thiết lập nội dung của mã QR để được đính kèm vào một tài liệu như quy tắc tên thư mục và thuộc tính mở rộng trước. Bằng cách in với máy in ảo này, bạn có thể tạo tài liệu gắn mã QR.

Ngoài ra, bằng cách nhập một chuỗi văn bản khi in, bạn có thể áp dụng chuỗi văn bản cho mã QR.



Phân loại sắp xếp máy in ảo

Có hai loại máy in ảo sau đây được tạo bằng Công cụ tạo QR.

- Máy in tạo mã QR chuyên dụng cho FUJIFILM IWpro chuyển phát quét
 Máy in này tạo mã QR chuyên dụng cho FUJIFILM IWpro chuyển phát quét với các cài đặt như quy tắc tên thư mục, quy tắc tên tập tin và thuộc tính mở rộng. Bằng cách quét tài liệu với mã QR, bạn có thể quét tài liệu với các trình tự thao tác ít nhất.
- Máy in tạo mã QR chung
 Máy in này tạo mã QR với bất kỳ chuỗi văn bản nào. Người dùng có thể nhập chuỗi văn bản được chuyển đổi thành mã QR khi in.

Giới thiệu về tập tin nhật ký

Khi bạn đã thực hiện Công cụ tạo QR, tập tin nhật ký được tạo như sau.

Các hạng mục	Nội dung
Địa điểm lưu	C:\ProgramData\FUJIFILM\Scan Delivery QR Creation Tool
Tên tập tin	- PrinterCreationTool.log Lịch sử vận hành của Công cụ tạo QR - PostProcess.log Nhật ký về thời gian tạo tài liệu

Nếu không có tập tin nhật ký ở địa điểm xuất, một tập tin nhật ký mới được tạo. Nếu đã có một tập tin nhật ký, nhật ký sẽ được thêm vào tập tin nhật ký hiện có. Nếu kích thước của tập tin nhật ký vượt quá giới hạn trên (5 MB), ".old.x" (x là số từ 1 đến 9999) sẽ được thêm vào tập tin nhật ký hiện có và tập tin hiện tại này sẽ được lưu thành tập tin khác.

Ví dụ:

PrinterCreationTool.log.old.1

PrinterCreationTool.log.old.2

Các thể hệ của một tập tin nhật ký được lưu lại tối đa lên đến mười thể hệ (Mười thể hệ này bao gồm các tập tin nhật ký mới nhất và các tập tin nhật ký cũ khác của chín thể hệ.) Nếu tập tin ghi chép thứ 11 được tạo ra, tập tin nhật ký cũ nhất sẽ bị xóa. Ngay cả trong trường hợp này, số phần cuối cùng của tập tin nhật ký không bị xóa và tiếp tục là "9999". Khi số lên đến "9999", "1" sẽ được thêm vào phần cuối của tên tập tin của tập tin thể hệ tiếp theo.

Thiết lập Công cụ tạo QR

Môi trường hoạt động

Công cụ tạo QR làm việc trong môi trường sau đây.

Các hạng mục	Các yêu cầu
Hệ điều hành được hỗ trợ	Yêu cầu một bất kỳ trong số danh sách sau đây. - Windows 11 (32-bit/64-bit) - Windows 10 (32-bit/64-bit) Các yêu cầu khác đều giống nhau đối với môi trường hoạt động của DocuWorks.
Phần mềm cần thiết	DocuWorks 8 trở lên

Cài đặt Công cụ tạo QR

Các trình tự để cài đặt Công cụ tạo QR như sau.

Các bước

- Tải "Công cụ tạo QR chuyển phát công việc quét" về trên trang tải về của trang web của chúng tôi bằng máy tính của bạn.**
<https://fujifilm.com/fbglobal/eng/support>
- Giải nén tập tin nén đã tải xuống, sau đó nhấp đôi chuột vào tập tin trong thư mục.**

3 Khi trình cài đặt khởi động, hãy làm theo hướng dẫn trên màn hình, sau đó cài đặt công cụ.

QR Creation được cài đặt trên địa điểm sau.

Các hạng mục	Các nội dung
Địa điểm	- Trong trường hợp của Windows 32-bit C:\Program Files\FUJIFILM\Scan Delivery QR Creation Tool - Trong trường hợp của Windows 64-bit C:\Program Files(x86)\FUJIFILM\Scan Delivery QR Creation Tool
Tên tập tin thực hiện	PrinterCreationTool.exe

Ghi chú

- Khi bạn cài đặt Công cụ tạo QR, "Visual C ++ Redistributable Packages cho Visual Studio 2013" được cài đặt đồng thời.

Gỡ cài đặt Công cụ tạo QR

Nếu bạn gỡ bỏ cài đặt Công cụ tạo QR, hãy thực hiện trong [Chương trình và Tính năng] trên bảng điều khiển Windows.

Ghi chú

- Khi bạn gỡ cài đặt Công cụ tạo QR, "Visual C++ Redistributable Packages for Visual Studio 2013" sẽ không được gỡ cài đặt.

Tạo máy in ảo

Với Công cụ tạo QR, bạn có thể tạo máy in ảo để tạo mã QR.

Ghi chú

- Vị trí đính kèm hình ảnh của mã QR có thể được đọc từ Tài liệu DocuWorks. Để biết thêm chi tiết, vui lòng tham khảo "Quyết định vị trí đính kèm mã QR với tài liệu DocuWorks"(P.80).

Các bước

1 Nhấp vào biểu tượng [Công cụ tạo QR chuyển phát công việc quét] trên màn hình nền máy tính của bạn.

2 Nhấp vào [Tạo].

3 Thực hiện các trình tự sau.

(1) Nhập tên của máy in ảo.

Ghi chú

- Tên được chỉ định ở đây là tên máy in đã được đăng ký trên Windows. Chiều dài của chuỗi văn bản và giới hạn các loại ký tự là giới hạn của Windows.

(2) Nhấp vào [OK].

4 Theo sắp xếp của máy in ảo, hãy thao tác theo trình tự sau.

► Trong trường hợp của máy in tạo mã QR chuyên dụng cho FUJIFILM IWpro chuyển phát quét.

- (1) Chọn [Tạo máy in có mã QR chuyên dụng cho chuyển phát công việc quét].
- (2) Chọn mục để thiết lập trong hộp danh sách [Mục].
- (3) Ở cuối màn hình, hãy chỉ định chi tiết của mục.
Nếu bạn chọn [Xác định chuỗi văn bản khi tạo mã QR], bạn có thể nhập chuỗi văn bản khi in.

Tham khảo

- Để biết thêm chi tiết về mỗi mục, vui lòng tham khảo "Các mục của [Thiết đặt chuyển phát công việc quét]" (P.77).

- (4) Sau khi bạn nhập các mục bắt buộc, nhấn [Tiếp].

► Trong trường hợp của máy in tạo mã QR chung

- (1) Chọn [Xác định chuỗi văn bản mã QR và tạo máy in].
- (2) Chỉ định chuỗi văn bản được chuyển đổi thành mã QR.
Nếu bạn chọn [Xác định chuỗi văn bản khi tạo mã QR], bạn có thể nhập chuỗi văn bản khi in.
Nhập [Văn bản tùy chỉnh 1] và [Văn bản tùy chỉnh 2] trong phạm vi 32 byte.
Chuỗi văn bản được chuyển đổi thành mã QR được tạo ra là sự kết hợp của [Xác định chuỗi văn bản khi tạo mã QR], [Văn bản tùy chỉnh 1], và [Văn bản tùy chỉnh 2]. Thứ tự khi mục được đánh dấu chọn là thứ tự của chuỗi văn bản.

Tham khảo

- Để biết thông tin về các ký tự sẵn có, tham khảo *2 (P.79) trong "Các mục của [Thiết đặt chuyển phát công việc quét]".

- (3) Nhấn vào [Tiếp].

5 Thực hiện các trình tự sau.

Tham khảo

- Để biết thêm chi tiết về mỗi mục, vui lòng tham khảo "Các mục của [Xác định vị trí ảnh QR]" (P.79).

- (1) Chỉ định xem có thiết lập vị trí để đính kèm hình ảnh của mã QR và kích thước hình ảnh tự động hay không. Nếu bạn thiết lập vị trí để đính kèm hình ảnh của mã QR bằng cách đọc Tài liệu DocuWorks khác, nhấn [Cập nhật thiết đặt vị trí từ tài liệu DocuWorks], sau đó chỉ định tập tin để đọc.
- (2) Trong [Cấu hình chi tiết], điều chỉnh vị trí chỉ định theo (1).
Nếu bạn bỏ chọn [Kích thước ảnh tự động], cũng nhập [Kích thước ảnh].
- (3) Nhấn vào [Lưu].

Máy in ảo đã được tạo.

Các mục của [Thiết đặt chuyển phát công việc quét]

Ghi chú

- "Byte" trong bảng nghĩa là số byte bằng mã ký tự UTF-8. Cách để đếm số ký tự khác nhau tùy theo ký tự. Ví dụ, các ký tự có chiều rộng đầy đủ được mô tả với hai đến bốn byte.

Hạng mục	Mô tả
Xử lý trang có mã QR	Chọn nơi để gắn ảnh của mã QR từ các cài đặt sau đây. • Thêm vào nội dung Chỉ định cài đặt này khi ảnh của mã QR được gắn vào một trang bên trong của tài liệu. Tất cả tài liệu đã quét gồm cả hình ảnh của mã QR đều được lưu lại. • Thêm vào tờ tiêu đề Chỉ định cài đặt này khi ảnh của mã QR được gắn vào tờ tiêu đề của tài liệu. Tài liệu đã quét trừ tờ tiêu đề (trang đầu tiên) sẽ được lưu lại.
Số mức thư mục	Chỉ định số cấp độ của đường dẫn thư mục để lưu tài liệu đã quét. Nếu có một hệ thống các thư mục đích để lưu, chọn [Thiết đặt mức thứ nhất]. Nếu thư mục địa điểm để lưu được đặt ở cấp thứ hai, chọn [Thiết đặt mức thứ hai]. Nếu thư mục địa điểm để lưu được đặt ở cấp thứ ba, chọn [Thiết đặt mức thứ ba].
Quy tắc tên thư mục1 đến 4	Chỉ định tên thư mục địa điểm để lưu tài liệu đã quét cho mọi mức độ thư mục đã chỉ định trong [Số mức thư mục]. Bạn có thể chỉ định các thuộc tính sau đây kết hợp với chuỗi văn bản bất kỳ được xem như là tên. Tên được sắp xếp theo thứ tự đã chọn của hộp đánh dấu chọn của chúng. • Tên kiểu danh mục Tên thể loại đã chọn • Tên loại tài liệu Tên loại tài liệu đã chọn • Xác định chuỗi văn bản khi tạo mã QR Một chuỗi văn bản được quy định khi tạo mã QR. Nếu bạn chọn mục này, khi in với máy in ảo, hộp thoại để nhập chuỗi văn bản sẽ được hiển thị.^{*2} • Ngày tháng Ngày khi thực hiện quét. Định dạng ngày phụ thuộc vào cài đặt của [Định dạng ngày của thư mục] trên màn hình [Thiết đặt thông tin chung]. • Tên người dùng Tên người dùng của người dùng đã thực hiện FUJIFILM IWpro chuyển phát quét^{*1, *2}

Hạng mục	Mô tả
Quy tắc tên tệp	Chỉ định tên tập tin. Bạn có thể chỉ định các thuộc tính sau đây kết hợp với chuỗi văn bản bất kỳ được xem như là tên. Tên được sắp xếp theo thứ tự đã chọn của hộp đánh dấu chọn của chúng. - Tên kiểu danh mục Tên thể loại đã chọn - Tên loại tài liệu Tên loại tài liệu đã chọn - Xác định chuỗi văn bản khi tạo mã QR Một chuỗi văn bản được quy định khi tạo mã QR. Nếu bạn chọn mục này, khi in với máy in ảo, hộp thoại để nhập chuỗi văn bản sẽ được hiển thị.^{*2} - Ngày và giờ Ngày và giờ thực hiện quét. Định dạng ngày và giờ phụ thuộc vào cài đặt của [Định dạng ngày của tên tệp] trên màn hình [Thiết đặt thông tin chung]. - Tên người dùng Tên người dùng của người dùng đã thực hiện FUJIFILM IWpro chuyển phát quét^{*1, *2}
Dấu phân tách	Khi bạn chỉ định nhiều hơn một thuộc tính trong [Quy tắc tên tệp] và [Quy tắc tên thư mục], chọn ký tự để tách biệt giữa các thuộc tính.
Thuộc tính mở rộng	Xác định các thuộc tính để cài đặt cho Tài liệu DocuWorks hoặc PDF. Bạn có thể thiết lập lên đến sáu thuộc tính.
Tên thuộc tính 1 đến 6	Nhập tên thuộc tính trong phạm vi 32 byte. ^{*2}
Kiểu thuộc tính 1 đến 6	Chọn loại thuộc tính mở rộng.
Giá trị thuộc tính 1 đến 6	Nhập giá trị mặc định của thuộc tính mở rộng. - Đối với văn bản Tạo chuỗi văn bản từ sự kết hợp của [Văn bản tùy chỉnh 1], [Văn bản tùy chỉnh 2], [Xác định chuỗi văn bản khi tạo mã QR]. Chuỗi ký tự bất kỳ trong phạm vi 32 byte.^{*2} Nếu bạn chọn [Xác định chuỗi văn bản khi tạo mã QR], khi in bằng máy in ảo, hộp thoại để nhập chuỗi văn bản được hiển thị. Thứ tự mà bạn đã đánh dấu chọn vào các mục là thứ tự của chuỗi văn bản. - Đối với ngày và giờ Nhập ngày và giờ theo định dạng YYYY/MM/DD HH:MM:SS. Ví dụ: 2015/10/19 14:10:00 - Đối với số Nhập từ chín chữ số một byte trở xuống. - Đối với Yes hoặc No Chọn một trong hai [Có] hoặc [Không].

*1 Đối với [Tên người dùng], tên đã đăng ký trong FUJIFILM BI Direct sẽ được sử dụng.

- *2 Trong mã QR, người dùng chỉ có thể sử dụng các ký tự mã Shift JIS được định nghĩa trong "JIS X 0201" và "JIS X 0208". Không thể sử dụng các ký tự sau.
 Dấu hai chấm (:), dấu gạch chéo (\), dấu gạch chéo từ trái sang phải (/), dấu gạch chéo từ phải sang trái (\), dấu chấm hỏi (?), dấu sao (*), dấu gạch đứng (|), dấu và (&), cặp dấu ngoặc nhọn (<>), dấu nháy kép ("), dấu nháy đơn ('), dấu phẩy (,), cặp dấu ngoặc móc ({}), cặp dấu ngoặc đơn ().
 Bạn không thể nhập dấu chấm ở đầu và cuối chuỗi văn bản.
 Bạn không thể nhập ký hiệu dấu và (&), dấu ngoặc nhọn (<), dấu phẩy (,) khi các thuộc tính mở rộng được đặt thành tên tệp hoặc tên thư mục.
 Ngoài ra, không thể sử dụng các chuỗi sau.
 CON, PRN, AUX, NUL, COM0, COM1, COM2, COM3, COM4, COM5, COM6, COM7, COM8, COM9, LPT0, LPT1, LPT2, LPT3, LPT4, LPT5, LPT6, LPT7, LPT8, LPT9
 Ngoài ra, không thể sử dụng các ký tự mở rộng được định nghĩa trong Microsoft "Windows Codepage: 932" (viết tắt là CP932).

Các mục của [Xác định vị trí ảnh QR]

Hạng mục	Mô tả
Vị trí	Chọn vị trí để đính kèm mã QR từ chín nút.
Kích thước ảnh tự động	Chỉ định xem có nhập kích thước của mã QR tự động hay không. Nếu bạn chọn, hình ảnh của mã QR được tạo ra trong một kích thước thích hợp theo cài đặt đã nhập và Mức hiệu chỉnh lỗi.
Cập nhật thiết đặt vị trí từ tài liệu DocuWorks	Nếu có một Tài liệu DocuWorks mà ảnh của mã QR đã được đính kèm như một Chú thích, vị trí của ảnh có thể được thiết lập để đọc các thông tin từ Tài liệu DocuWorks.  Ghi chú Công cụ tạo QR sẽ đọc vị trí của chú giải được đính kèm trong Tài liệu DocuWorks. Nếu có nhiều chú giải trong Tài liệu DocuWorks, vị trí của chú giải đầu tiên sẽ được đọc.
Cấu hình chi tiết	
Dọc	Bạn có thể điều chỉnh vị trí để đính kèm theo hướng dọc.
Ngang	Bạn có thể điều chỉnh vị trí để đính kèm theo hướng ngang.
Kích thước ảnh	Thiết lập mục này nếu [Kích thước ảnh tự động] không được đánh dấu chọn.
Mức sửa lỗi	"Mức sửa lỗi" là mức khôi phục lại thông tin cũ và thông tin bị mất trong ảnh của mã QR để có thể đọc được. Ví dụ, nếu bạn chỉ định [Mức H (khoảng 30%)], mã QR có 30% thông tin cũ hoặc thông tin bị mất có thể được khôi phục và đọc lại. Nếu bạn nghĩ mã QR có thể bị thiếu thông tin do thao tác kéo - thả, v.v., chọn [Mức H (khoảng 30%)].  Ghi chú Để tạo mã QR dễ đọc hơn, chúng tôi khuyên bạn nên đặt mức sửa lỗi cao hơn [Mức M (khoảng 15%)].
Đích giấy ra	Chọn đích giấy ra của tài liệu đính kèm mã QR từ [DocuWorks Desk], [Máy in thường sử dụng], [Xác định máy in trong khi tạo mã QR].  Ghi chú Nếu bạn tùy chỉnh máy in ảo đã tạo bằng Công cụ tạo QR làm đích giấy ra, sẽ xuất hiện lỗi và không có tài liệu nào được xuất ra.

Quyết định vị trí đính kèm mã QR với tài liệu DocuWorks

Bạn có thể đọc vị trí của mã QR đã đính kèm với Tài liệu DocuWorks với dịch vụ này, sau đó bạn có thể thiết lập vị trí cho máy in ảo.

Các bước

- 1** Thao tác theo trình tự từ 1 đến 5 trong "Tạo máy in ảo"(P.75). Trong [Specify QR Image Position] trong bước 5, nhấn [Save] với các cài đặt ban đầu.
Máy in ảo đã được tạo.
- 2** Thiết đặt đích giấy ra là [DocuWorks Desk] để in tài liệu bất kỳ bằng máy in ảo đã tạo.
Tài liệu DocuWorks với mã QR đã được tạo.
- 3** Mở Tài liệu DocuWorks đã tạo, thao tác theo các trình tự sau.
 - (1) Di chuyển mã QR đến vị trí bạn muốn đính kèm mã QR.
Trong cài đặt ban đầu, mã QR được gắn vào phía trên cùng bên trái. Giống như chú giải khác, bạn có thể di chuyển bằng cách kéo và thả.
 - (2) Nếu bạn xác nhận vị trí đính kèm mã QR, hãy lưu Tài liệu DocuWorks.
- 4** Khởi động Công cụ tạo QR lại lần nữa, sau đó thao tác theo các trình tự sau.
 - (1) Chọn máy in ảo đã tạo trong bước 1, sau đó nhấn [Chỉnh sửa].
 - (2) Trong [Xác định vị trí ảnh QR], nhấn [Cập nhật thiết đặt vị trí từ tài liệu DocuWorks], và sau đó chỉ định Tài liệu DocuWorks đã chỉnh sửa trong bước 3.
 - (3) Nhấn vào [Lưu].
Đối với máy in ảo, sẽ áp dụng thông tin vị trí đọc từ Tài liệu DocuWorks .

Tạo tài liệu với một mã QR

Tạo tài liệu đính kèm mã QR.

Các bước

- 1** Mở tài liệu mà bạn muốn đính kèm mã QR vào.
- 2** Trong chọn máy in của hộp thoại in, chỉ định máy in ảo đã tạo bằng Công cụ tạo QR.
- 3** Nếu hộp thoại được hiển thị, hãy nhập chuỗi văn bản để chuyển đổi thành mã QR, sau đó nhấn [OK].

Ghi chú

- Hộp thoại được hiển thị khi bạn đặt thiết lập [Xác định chuỗi văn bản khi tạo mã QR] trong Công cụ tạo QR.

Tài liệu gắn mã QR sẽ được tạo.

Nếu xuất tài liệu DocuWorks, mã QR sẽ được gắn vào dưới dạng một chú thích, bạn có thể chỉnh sửa vị trí bằng DocuWorks Viewer.

Xóa máy in ảo

Bạn có thể xóa máy in ảo đã tạo bằng Công cụ tạo QR theo các trình tự sau.

Các bước

- 1 Khởi động Công cụ tạo QR.**
- 2 Chọn máy in ảo để xóa, sau đó nhấp [Xóa bỏ].**
Máy in ảo đã được xóa.

7 Trích xuất văn bản tự động

Giải thích về chức năng trích xuất văn bản tự động. Có thể tự động truy xuất chuỗi ký tự từ văn bản đã quét, sau đó áp dụng vào quy tắc tên tệp, tên thư mục.

Khái quát chức năng

Truy xuất chuỗi ký tự trong vùng đã chỉ định

Truy xuất chuỗi ký tự có trong vùng đã chỉ định. Có thể sử dụng chuỗi ký tự đã truy xuất tự động làm tên tệp văn bản quét, tên thư mục lưu.

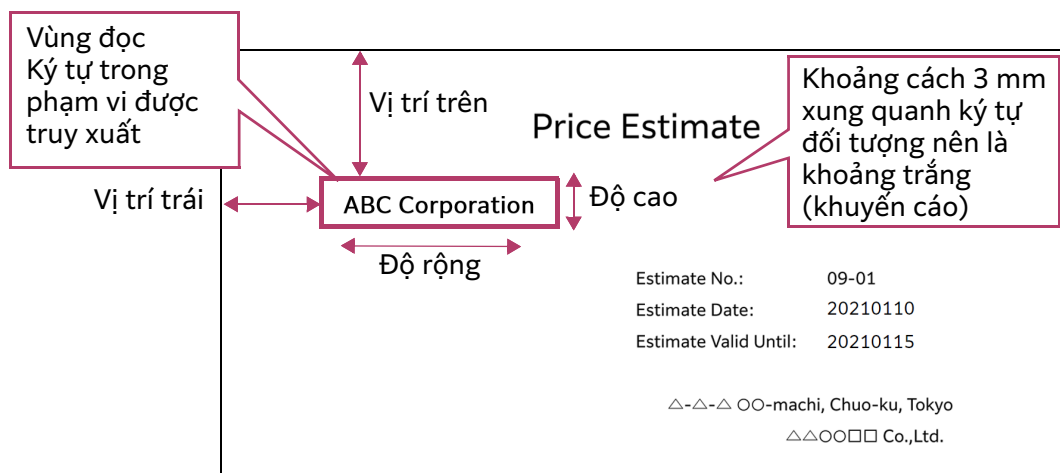
Vùng đọc

Chỉ định vùng đọc với vị trí từ bên trái phía trên của bản gốc trong phạm vi 0 - 500 mm, độ rộng / chiều cao trong phạm vi 2 - 500 mm.

Kể cả một phần của ký tự nằm trong vùng đọc thì vẫn trở thành đối tượng truy xuất.

Ghi chú

- Khuyến cáo nên để một khoảng trắng xung quanh ký tự muốn truy xuất là 3 mm.



Số ký tự có thể đọc

Có thể chỉ định số ký tự đọc.

Không phải là tiếng Anh: 0 - 70 ký tự (giá trị ban đầu là 20 ký tự)

Tiếng Anh: 0 - 210 byte (giá trị ban đầu là 60 byte)

Thiết đặt để truy xuất chuỗi ký tự

Tại hạng mục [Trích xuất văn bản tự động] trong màn hình [Thiết đặt loại tài liệu], chọn [Bật] để chỉ định vùng đọc. Số vùng tối đa có thể chỉ định là 4.

Tại [Tên tệp], [Tên thư mục], có thể chỉ định [Vùng quét 1] - [Vùng quét 4] vào cùng với tên.

Phương pháp chỉ định vùng đọc

Hiện có ba loại sau:

- Xác định khóa tìm kiếm

Nhập vào Tên mục và chỉ định vùng bạn muốn đặt làm Khu vực quét được xem từ Tên mục.

- Quét tài liệu được đánh dấu bằng bút đánh dấu màu

Chuẩn bị bản gốc đen trắng, sử dụng bút màu đánh dấu để khoanh vùng phạm vi tùy chọn. Nếu quét bản thảo đó thì phạm vi đã được đánh dấu bằng bút đánh dấu màu sẽ được thiết đặt làm vùng đọc.

- Nhập tọa độ

Nhập vị trí vùng đọc và độ rộng bằng giá trị số.

Tham khảo

- "Các mục của màn hình [Thiết đặt loại tài liệu]"(P.46)

Tạo bản gốc dùng để thiết đặt vùng

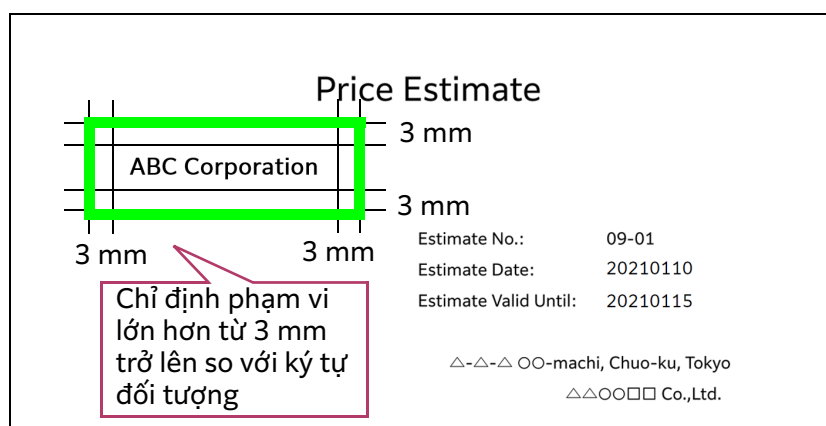
Khi bạn chọn [Quét tài liệu được đánh dấu bằng bút đánh dấu màu] làm phương pháp đặc tả của vùng đó, một tài liệu có vùng được chỉ định bởi điểm đánh dấu sẽ được tạo.

Chuẩn bị lần lượt từng bản thảo dùng để thiết đặt vùng cho mỗi vùng. Ví dụ, nếu muốn thiết đặt 4 vùng thì chuẩn bị 4 bản gốc.

Quan trọng

- Các bản gốc như sau không thể sử dụng làm bản gốc dùng để thiết đặt vùng.
 - Bản gốc màu
 - Bản gốc có vị trí đã xóa bằng bút có thể xóa
- Khoanh 1 vị trí vùng đọc.
- Nên sử dụng màu xanh lam cho màu của bút đánh dấu màu.
- Khoanh vùng xung quanh một khoảng 3 mm để đảm bảo có thể truy xuất chuỗi ký tự một cách chắc chắn. Bên ngoài đường bao sẽ là ranh giới truy xuất.
- Khoanh vùng đọc với chiều dài tối đa có chứa đủ chuỗi ký tự muốn truy xuất (dự kiến chứa đủ).

Vùng đọc có thể sẽ lệch tối đa 3 mm theo chiều trên dưới do độ nghiêng hoặc biến dạng khi quét. Hãy khoanh vùng rộng, xóa ký tự bị trích xuất thừa trên màn hình xác nhận kết quả trích xuất.



Chỉnh sửa chuỗi ký tự đã truy xuất

Có thể hiển thị màn hình [Kết quả trích xuất văn bản] sau khi quét để kiểm tra chuỗi ký tự đã được truy xuất. Nếu ấn các hạng mục thì màn hình chỉnh sửa sẽ được hiển thị, có thể thay đổi chuỗi ký tự.

Ghi chú

- Dấu sổ chéo (/) mà không thể sử dụng trong tên thư mục và tên tệp sẽ được thay thế bằng dấu nối (-). Ngoài ra, dấu chấm (.) ở cuối chuỗi ký tự mà không thể sử dụng trong tên thư mục sẽ bị xóa.
- Đối với các chuỗi ký tự được trích xuất trong [Vùng quét {N}], các dấu cách cũng được trích xuất trong các kết hợp sau.
 - Các kết hợp chuỗi được trích xuất có dấu cách: Tiếng Anh và tiếng Anh, tiếng Anh và số, số và tiếng Anh
 - Các kết hợp chuỗi được trích xuất không có dấu cách: Số và số, tiếng Nhật và tiếng Nhật, tiếng Nhật và tiếng Anh (số), tiếng Anh (số) và tiếng Nhật

Điều kiện sử dụng chức năng

- Để sử dụng chức năng này, cần lắp đặt bộ mở rộng chức năng quét tùy chỉnh vào máy đa năng.
- Chọn định dạng tệp xuất ra là PDF hoặc DocuWorks. Không hỗ trợ định dạng TIFF.
- Không thể gộp chức năng này với mã QR và mã vạch.

Thiết đặt quét khuyến nghị

Nên thực hiện thiết đặt như sau.

- Độ phân giải là 300 dpi, hoặc 400 dpi
- Một lần đọc từ 10 bản gốc trở xuống (Không phụ thuộc vào việc có chia hay không)

Ký tự OCR khuyến nghị

Để có thể sử dụng chức năng OCR để truy xuất ký tự đúng, nên sử dụng kiểu chữ và cỡ chữ như sau.

Hạng mục	Điều kiện khuyến nghị
Bản gốc	Phải là bản gốc được in ra (Không thể sử dụng bản gốc gửi qua fax, bản gốc đã sao chép đi lại nhiều lần)
Ký tự (ký tự in)	Một trong các loại sau: ký tự ngôn ngữ hỗ trợ, tiếng Anh, chữ số, bảng số và chữ cái Hy Lạp
Cỡ chữ	8 - 24 điểm

Các loại ký tự sau có thể sẽ không được truy xuất đúng.

- Chữ cỡ nhỏ
- Kiểu chữ thiết kế (chữ viết dọc, chữ pop, chữ thư pháp...)
- Chữ có màu nhạt
- Chữ có màu trắng
- Chữ tiếp giáp với đường kẻ
- Chữ gạch ngang

- Ký tự được đóng dấu
- Ký tự có chất lượng hình ảnh kém (hình ảnh fax, hình ảnh sao chép)
- Ký tự bị nghiêng
- Ký tự bị kéo dài theo chiều dọc

Bản gốc không phù hợp để quét

Các bản gốc sau không thể hướng thẳng đứng tự động một cách chính xác, có nguy cơ trích xuất ra ký tự sai. Không được sử dụng những bản gốc như vậy.

- Bản gốc ít ký tự, bản gốc hầu như không có ký tự, bản gốc ký tự lớn
- Bản gốc có khả năng tái hiện ký tự kém, ví dụ như ký tự mờ, sao chép ở chế độ ảnh
- Bản gốc bị tạp nhiễu
- Bản gốc có một phần ký tự bị nghiêng
- Bản gốc có tồn tại ký tự hướng về nhiều phía (hướng lên trên, hướng sang phải)

Xử lý tình huống

Phần này mô tả cách giải quyết các hiện tượng xảy ra với tính năng Tự động giải nén.

Hiện tượng thường gặp cho từng chức năng

Toàn bộ hoặc một phần chuỗi ký tự không được trích xuất

- Có phải là bản gốc có thể hướng thẳng đứng tự động không?
Không thể trích xuất ký tự đối với bản gốc không thể hướng thẳng đứng tự động. Vui lòng tham khảo "Bản gốc không phù hợp để quét"(P.85) để biết thêm chi tiết.
- Chuỗi ký tự đối tượng có phải là ký tự khuyến nghị OCR hay không?
Nếu không phải là ký tự khuyến nghị OCR thì sẽ không thể trích xuất ký tự. Vui lòng tham khảo "Ký tự OCR khuyến nghị"(P.84) để biết thêm chi tiết.
- Chuỗi ký tự đối tượng có phải là loại viết ngang không?
Không thể trích xuất các loại khác ngoài ký tự viết ngang.

Nhận dạng sai một phần văn bản (Xử lý không chính xác Văn bản có thể tìm kiếm được)

- Văn bản có thể tìm kiếm có thể bị xử lý không chính xác tùy thuộc vào loại ký tự. Trong trường hợp này, hãy hiệu chỉnh văn bản đó trong màn hình [Kết quả trích xuất văn bản] khi bạn quét.
Ví dụ về văn bản bị nhận dạng sai thường xuyên:
"Chữ O hoa" ↔ "Số 0"
"Chữ I hoa" ↔ "Số 1"
"Chữ S hoa" ↔ "Số 5"

Hiện tượng khi trích xuất ký tự trong vùng

Chuỗi ký tự không được trích xuất

- Đã được viết bằng ngôn ngữ đã thiết đặt tại [Thiết đặt loại tài liệu] > [Lựa chọn thiết đặt quét] > [Ngôn ngữ của bản gốc] hay chưa?

Trường hợp khác với ngôn ngữ đã thiết đặt thì sẽ không thể trích xuất ký tự. Nếu không chỉ định ngôn ngữ của bản gốc thì ngôn ngữ hiển thị của thiết bị đa năng sẽ được thiết đặt.

Chuỗi ký tự đã trích xuất không đúng

- Độ dài của ký tự đích dài hơn số ký tự trong [Xác định vùng] > [Xác định số ký tự (1 - 70)] dưới mục [Thiết đặt loại tài liệu] > [Trích xuất văn bản tự động] > [Quét vùng]?

Ký tự vượt quá số ký tự cần quét đã chỉ định sẽ bị cắt bỏ. Giá trị ban đầu sẽ là 20 ký tự nếu không phải là ký tự tiếng Anh, 60 byte nếu là ký tự tiếng Anh.

- Chuỗi ký tự đối tượng đã được đặt trong vùng quét chưa?

Nếu sử dụng bản gốc có giao diện khác với bản gốc dự tính khi thiết đặt vùng thì có thể ký tự sẽ bị lệch khỏi vùng, không nằm khít trong vùng, không thể trích xuất đúng.

Hãy đo bằng thước và kiểm tra lại xem chuỗi ký tự đã được đặt trong vị trí đã thiết đặt hay chưa. Các tọa độ được chỉ định theo đơn vị mm (milimet), lấy điểm gốc là góc trái phía trên của bản gốc. Có thể trích xuất được bằng cách chỉnh sửa tọa độ tại [Thiết đặt loại tài liệu] > [Trích xuất văn bản tự động] > [Vùng {N}].

- Chiều cao của vùng quét có đủ không?

Trường hợp thiết đặt chiều cao của vùng quét bằng chiều cao của chuỗi ký tự đối tượng, khi đó sẽ không thể đọc đúng ký tự nếu bị lệch trong lúc quét. Hãy chỉ định chiều cao của vùng quét trong phạm vi lớn hơn 3 mm ở các chiều trên, dưới, trái, phải so với chuỗi ký tự đối tượng.

Khi chỉ định vùng

ABC Corporation

Khi quét

ABC Corporation

Nếu bị lệch trong khi quét thì ký tự không được đọc đúng

- Độ rộng của vùng quét có đủ không?

Trường hợp chuỗi ký tự đối tượng dài hơn vùng quét, khi đó sẽ không thể trích xuất chuỗi ký tự nằm ngoài vùng quét. Hãy chỉ định độ dài vùng quét lớn để chuỗi ký tự muốn quét có thể đặt trọn vẹn trong vùng.

ABC Corporation

Phần nằm ngoài vùng sẽ không được trích xuất



Ghi chú

- Nếu đã thiết đặt [Xác định số ký tự cần quét] thì sẽ không trích xuất ký tự vượt quá số ký tự thiết đặt, không bị phụ thuộc vào độ lớn của vùng quét.

Chuỗi ký tự đối tượng đã được trích xuất, tuy nhiên có trích xuất cả ký tự thừa

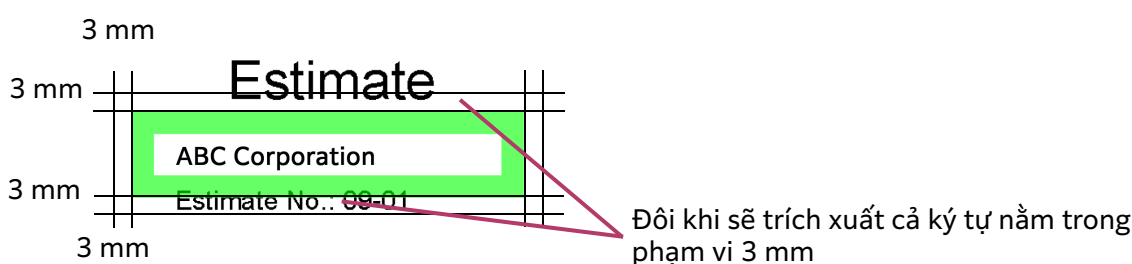
- Để trích xuất được chuỗi ký tự đối tượng một cách chắc chắn, nên chỉ định vùng lớn (trích xuất ký tự thừa).

Trường hợp có trích xuất ra cả chuỗi ký tự thừa, hãy xóa ký tự thừa tại màn hình [Kết quả trích xuất văn bản].

- Có đặt các ký tự khác gần chuỗi ký tự đối tượng trích xuất hay không?

Tối đa 3 mm phía trên, dưới, trái, phải của vùng đã chỉ định có thể sẽ bị coi là vùng đối tượng và sẽ bị đọc do bị lệch trong lúc quét. Do đó, nếu có chuỗi ký tự tiếp xúc với chuỗi ký tự đối tượng thì có thể chuỗi ký tự đó cũng sẽ bị trích xuất.

Nếu có thể, hãy sử dụng bản gốc không chứa ký tự trong phạm vi 3 mm phía trên, dưới, trái phải của vùng quét. Trường hợp có trích xuất ra cả chuỗi ký tự thừa, hãy xóa ký tự thừa tại màn hình [Kết quả trích xuất văn bản].



Đã xảy ra lỗi do độ dài đường dẫn đầy đủ vượt quá phạm vi cho phép

- Nếu đặt [Khu vực quét {N}] (tự động trích xuất)] vào tên thư mục, tên tệp, khi đó có thể sẽ xảy ra lỗi do đường dẫn đầy đủ của đích truyền quá dài.

Trong trường hợp này, hãy giảm số ký tự cần quét trong [Xác định vùng] > [Xác định số ký tự (1 - 70)] dưới mục [Thiết đặt loại tài liệu] > [Trích xuất văn bản tự động] > [Quét vùng], và điều chỉnh độ dài của đường dẫn đầy đủ.

Hiện tượng khi quét vùng từ tài liệu

Không thể đọc được vùng đọc từ bản gốc / Thiết đặt vùng sai

- Bạn có đang sử dụng bản gốc in màu không?

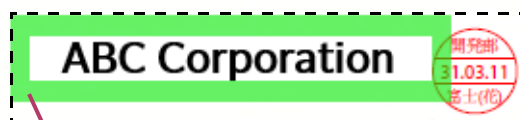
Nếu bạn sử dụng bản gốc in màu thì sẽ xảy ra lỗi do tìm thấy nhiều vùng đọc. Hãy chắc chắn rằng bạn đang sử dụng bản gốc in đen trắng.

- Bạn có đang chỉ định trên 2 vùng không?

Nếu tìm thấy nhiều vùng trong lúc quét thì sẽ xảy ra lỗi. Chỉ được phép chỉ định một vùng. Trường hợp thiết đặt nhiều vùng, hãy chuẩn bị đủ số bản gốc muốn thiết đặt vùng.

- Bạn có đang sử dụng bản gốc có nội dung được in màu như dấu DATE, hoặc con dấu xác nhận không?

Nếu bạn sử dụng bản gốc có nội dung được in màu như dấu DATE, hoặc con dấu xác nhận thì có thể sẽ phát hiện vùng đọc bị sai. Hãy sử dụng bản gốc không có dấu DATE hay con dấu xác nhận.



Vùng chính xác

Phát hiện sai vùng này

- Phần đánh dấu có bị mờ không?

Nếu đánh dấu bị mờ thì có thể sẽ bị phát hiện thành nhiều vùng và xảy ra lỗi. Hãy dùng bút rõ ràng để chỉ định vùng sao cho không bị mờ.



Bị phát hiện thành nhiều vùng

Quét ký tự sai

- Mặt trước và mặt sau của bản gốc dùng để thiết đặt vùng đã đúng chưa?
Hãy dùng mặt đúng để quét lại một lần nữa.
- Bạn có đang quét sai bản gốc hay không?
Hãy kiểm tra lại bản gốc dùng để thiết đặt vùng đã quét.

8 Quét Tài liệu (thao tác bởi người dùng)

Chương này mô tả cách để quét các tài liệu với FUJIFILM IWpro chuyển phát quét.

Về vận hành quét

Tài liệu đính kèm mã QR/mã vạch

Có 3 loại mã QR/mã vạch có thể được xử lý trên FUJIFILM IWpro chuyển phát quét: mã QR đặc biệt cho FUJIFILM IWpro chuyển phát quét, mã QR thông thường và mã vạch. (Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo "Sử dụng mã QR"(P.11).)

Khi mã QR đặc biệt được sử dụng, các mục sau đây được nhúng trong mã QR sẽ được tự động thiết lập.

- Quy tắc tên thư mục
- Quy tắc tên tệp
- Thuộc tính mở rộng



Quan trọng

- Nếu [Thêm vào tờ tiêu đề] được thiết lập thành mã QR, yêu cầu bản gốc có chứa nhiều hơn một trang ngoài phần tiêu đề. Bản gốc chỉ có phần tiêu đề hoặc bản gốc chỉ có các trang trắng ngoài phần tiêu đề sẽ xảy ra lỗi.



Ghi chú

- Chuỗi văn bản được hỗ trợ cho mã QR chỉ có tiếng Nhật và tiếng Anh.

Chia tài liệu

Bạn có thể quét nhiều tài liệu cùng một lúc và có thể lưu các tài liệu đó bằng các trang trắng, mã QR hoặc mã vạch. Ngoài ra, bạn có thể lưu tài liệu theo trang.

Phương pháp chia

Phương pháp mà bạn có thể chọn sẽ khác nhau tùy thuộc vào việc có sử dụng mã QR/Mã vạch hay không.

Ngoài ra, bạn có thể lưu tài liệu theo số lượng trang.

- Khi mã QR được sử dụng
 - Tắt
 - Chia theo mã QR
- Trường hợp sử dụng mã vạch
 - Tắt
 - Chia theo mã vạch
- Trường hợp không sử dụng mã QR/Mã vạch
 - Tắt
 - Chia theo trang trống
 - Phân tách theo số trang xác định

Các Tên tập tin và Tên thư mục sau khi chia tài liệu

Nếu bạn chia nhỏ tài liệu, tên thư mục địa điểm và tên tập tin là như sau.

- Chia theo trang trống/Phân tách theo số trang xác định

Chia tập tin đã lưu tất cả trên cùng một thư mục.

Tên tập tin sẽ bao gồm tên tập tin trước khi tách, theo sau là ký tự được đặt làm [Dấu phân tách] trong mục [Phân tách nhiều tài liệu] của công cụ cài đặt, và số ký tự được cài đặt cho [Số chữ số].

Ví dụ:

filename-001.xdw

filename-002.xdw

filename-003.xdw

Nếu tập tin có tên giống với tập tin vừa được chia nhỏ trước đó, tên tập tin sẽ bao gồm tên tập tin sau khi chia nhỏ, tiếp theo là một dấu gạch nối (-) và một số có bốn chữ số.

Ví dụ:

filename-003-0001.xdw

Số lượng tập tin có thể chia tối đa là 999. Nếu số lượng tập tin vượt quá con số này thì sẽ có lỗi xảy ra.

Nếu bạn chia một tài liệu 2 mặt theo các trang trắng, việc chia tài liệu sẽ được thực hiện khi cả hai mặt được đánh giá là trang trắng.

Khi bạn chọn [Phân tách theo số trang xác định] và quy định số lượng trang cần chia thành 2 trang trở lên, bạn không thể bật [Phân tách theo trang trống].

- Trường hợp chia theo mã QR/Mã vạch

Theo hướng dẫn của mã QR/Mã vạch, một thư mục địa điểm và tên tập tin sẽ được quyết định.

Quét tài liệu

Quét tài liệu bằng cách sử dụng FUJIFILM IWpro chuyển phát quét.

Các bước

- 1** Nếu thiết bị đa chức năng được vận hành ở chế độ xác thực, hãy nhập thông tin xác thực và đăng nhập.
- 2** Nhấn [FUJIFILM IWpro chuyển phát quét].
- 3** Nhập [ID người dùng] và [Mật khẩu] của FUJIFILM BI Direct, rồi nhấn [Đăng nhập].

Ghi chú

- Sau khi bạn đăng nhập, màn hình đăng nhập sẽ không xuất hiện ở lần tiếp theo. Tuy nhiên, nếu bạn không sử dụng dịch vụ trong một khoảng thời gian nhất định, màn hình đăng nhập này sẽ xuất hiện trở lại.
- Để truyền tài liệu sang dịch vụ đám mây khác, hãy đăng nhập bằng tài khoản đã được liên kết với dịch vụ đám mây khác đó.
- Để chuyển tài liệu sang Working Folder đã bật xác thực đa yếu tố, hãy đăng nhập bằng tài khoản có quyền truy cập vào Working Folder. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với người quản trị của Working Folder.

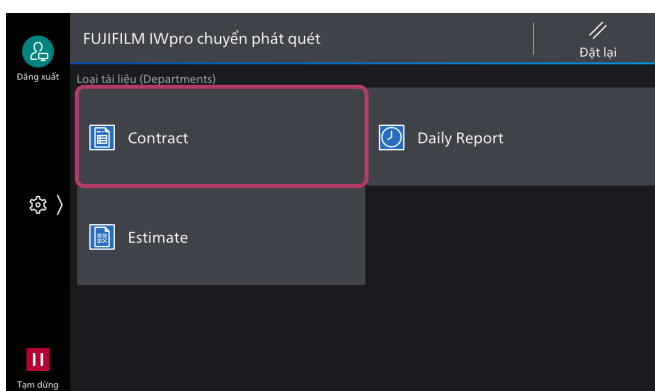
6 Tham khảo

- Để biết thêm chi tiết về xác thực đa yếu tố, hãy tham khảo các trang web sau.
 - Giới thiệu về Xác thực đa yếu tố:
<https://direct-fb.fujifilm.com/ap2/sc/auth/vi/overview/mfa/index.html>
 - Hướng dẫn sử dụng Thao tác đăng nhập:
<https://direct-fb.fujifilm.com/ap2/sc/auth/vi/manual/>
 - Lưu ý và Hạn chế:
<https://direct-fb.fujifilm.com/ap2/sc/auth/vi/notes/mfa/index.html>

4 Chọn thể loại.

5 Chọn loại tài liệu.

Nếu bạn quét tài liệu với một mã QR đặc biệt cho FUJIFILM IWpro chuyển phát quét, chuyển đến bước 9.



6 Nếu màn hình đăng nhập cho dịch vụ xuất hiện, hãy nhập ID người dùng và mật khẩu đăng nhập của bạn, rồi nhấp vào [Đăng nhập].

Ghi chú

- Nếu phương thức xác thực của thiết bị đa chức năng là bất kỳ phương thức nào sau đây, thì màn hình đăng nhập sẽ không hiển thị sau lần thứ hai.
 - Cục bộ
 - Mạng
 - Tùy chỉnh
 Tuy nhiên, nếu bạn không sử dụng nó trong một khoảng thời gian nhất định, màn hình đăng nhập sẽ được hiển thị.
- Nếu bạn không sử dụng thiết bị trong một khoảng thời gian nhất định, thiết bị có thể chuyển sang chế độ tiết kiệm năng lượng và đóng màn hình đăng nhập. Trong trường hợp này, hãy bắt đầu lại từ bước 5.

7 Nếu màn hình để thiết lập thuộc tính mở rộng được hiển thị, hãy thực hiện các bước sau.

Ghi chú

- Nếu định dạng tập tin là DocuWorks hoặc PDF, hoặc một hay nhiều thuộc tính mở rộng được cài đặt trong [Thêm thuộc tính] của thiết đặt loại tài liệu, màn hình để cài đặt các thuộc tính mở rộng sẽ xuất hiện.

- (1) Thay đổi các giá trị thuộc tính được thiết lập bởi nhân viên quản trị hệ thống của bạn nếu cần.
- (2) Nhấn [Tiếp theo].

8 Khi màn hình để kiểm tra các cài đặt được hiển thị, hãy thực hiện theo các bước sau.

 Ghi chú

- Màn hình kiểm tra chỉ được hiển thị tại thời điểm thiết lập bởi người quản trị.

(1) Chọn các mục nếu cần và thay đổi các giá trị mặc định.

(2) Kiểm tra cài đặt và nhấn [Tiếp theo].

9 Đặt tài liệu được quét trên thiết bị đa chức năng.

10 Nếu bạn muốn chia tài liệu, nhấp vào [Chia nhiều tài liệu], sau đó chọn phương pháp chia từ trình đơn hiển thị.

 Tham khảo

- "Chia tài liệu"(P.89)

11 Nếu bạn muốn hiển thị bản xem trước, hãy bật [Xem trước hiển thị].

 Ghi chú

- Tùy thuộc vào thiết bị đa chức năng của bạn, mục cài đặt xem trước có thể không được hiển thị.

12 Nếu bạn muốn quét nhiều tài liệu, hãy bật [Bản gốc tiếp theo].

13 Bắt đầu quét.

Xử lý quét được thực hiện.

14 Trường hợp màn hình xác nhận kết quả truy xuất chuỗi ký tự được hiển thị thì thực hiện các thao tác sau.

 Ghi chú

- Màn hình này chỉ hiển thị trong trường hợp người quản trị thiết đặt.
- Trường hợp đã chỉ định phân chia văn bản thì chỉ hiển thị kết quả truy xuất của văn bản đã phân chia.

(1) Chọn hạng mục, thay đổi chuỗi ký tự đã được truy xuất nếu cần.

(2) Kiểm tra nội dung, sau đó nhấn [Gửi].

9 Xuất chuyển/Chuyển nhập thông tin thiết đặt

Khái quát về Xuất chuyển/Chuyển nhập

Trong FUJIFILM IWpro chuyển phát quét, bạn có thể lưu thông tin thiết đặt vào máy tính, rồi sau đó có thể sao chép thông tin đó sang các thiết bị khác.

Việc lưu thiết lập vào máy tính được gọi là "Xuất chuyển" và việc sao chép thiết lập đã lưu vào thiết bị đa chức năng gọi là "Chuyển nhập".

Ghi chú

- Chúng tôi khuyến cáo bạn nên xuất và sao lưu tất cả dữ liệu cài đặt trước khi bắt đầu công việc.
- Bạn có thể nhập thông tin cài đặt từ Chuyển phát công việc quét vào FUJIFILM IWpro chuyển phát quét.
- Bạn không thể nhập thông tin cài đặt từ FUJIFILM IWpro chuyển phát quét vào Chuyển phát công việc quét.

Cách sao chép các thiết đặt

Bạn có thể sao chép các thiết đặt bằng những phương pháp sau.

- Sử dụng tính năng Xuất/Nhập của FUJIFILM IWpro chuyển phát quét

Tham khảo

- Để biết quy trình về cách sử dụng các chức năng nhập/xuất của FUJIFILM IWpro chuyển phát quét, hãy tham khảo "Nhập/xuất thông tin cài đặt"(P.71).

Thông tin cài đặt để có thể sao chép

Thông tin cài đặt để có thể sao chép bằng Xuất chuyển/Chuyển nhập sẽ theo như bên dưới.

- FUJIFILM IWpro chuyển phát quét
Thiết đặt FUJIFILM IWpro chuyển phát quét, Thiết đặt thông tin chung, Quét tùy chỉnh, Thuộc tính mở rộng chung

10 Khắc phục sự cố

Chương này mô tả những sự cố quan trọng và cách giải quyết chúng.

Ghi chú

- Chúng tôi khuyến cáo bạn nên bật cài đặt như thông báo qua email để có thể nhanh chóng phát hiện sự cố và giải quyết chúng. Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo mục "Thông báo e-mail"(P.12) và "Đăng ký thể loại/loại tài liệu"(P.41).
- Báo cáo hoạt động và Báo cáo lịch sử công việc có thể được xuất ra thông qua menu [Thiết bị]. Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo sách hướng dẫn đi kèm với thiết bị đa chức năng.

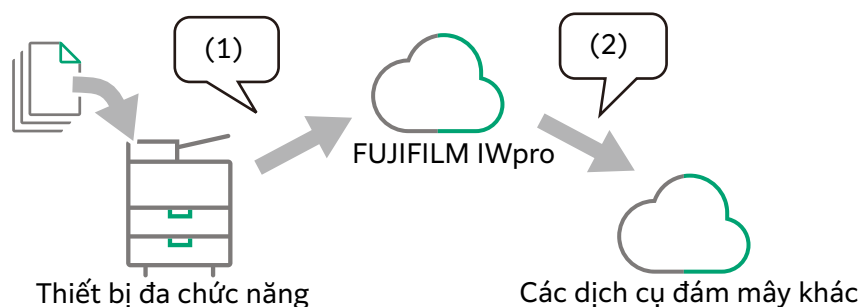
Nguyên nhân và cách khắc phục sự cố nghiêm trọng

Sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
Đã nhận/Không nhận được email cho biết rằng tài liệu được gửi tới các dịch vụ đám mây khác không thể quét được.	Thông báo qua email sẽ được gửi đến các địa chỉ email khác nhau tùy thuộc vào nơi xảy ra lỗi.	Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo "Thông báo qua email về việc truyền đến các dịch vụ đám mây khác"(P.94).
Tài liệu được chia thành các phần 200 trang.	[Phân tách nhiều tài liệu] được cài đặt ở [Phân tách theo số trang xác định] (200 trang).	Đặt [Phân tách nhiều tài liệu] thành TẮT. Tài liệu trên 200 trang không thể được truyền gửi đến các dịch vụ đám mây khác. Để lưu các tài liệu trên 200 trang trong các dịch vụ đám mây khác, hãy tải xuống các tài liệu đó từ FUJIFILM IWpro. Để biết thêm thông tin về cách tải xuống tài liệu, hãy tham khảo mục "Tải xuống tài liệu từ FUJIFILM IWpro"(P.97).
Không thể gửi tài liệu do lỗi đường dẫn tệp.	Đường dẫn tệp* vượt quá giới hạn tối đa cho máy chủ đích đến.	Hãy rút ngắn tên thư mục và tên tệp rồi quét lại. Độ dài đường dẫn tệp tin tối đa là 260 ký tự đối với SMB và FTP, và 255 byte đối với Working Folder.

*Đường dẫn tệp là một chuỗi đại diện cho vị trí của tệp. Trong đó có chứa tên thư mục và tên tệp.

Thông báo qua email về việc truyền đến các dịch vụ đám mây khác

Khi một dịch vụ đám mây khác được đặt làm đích truyền, các tài liệu đã được quét trên thiết bị đa chức năng sẽ được truyền đến dịch vụ đám mây dưới dạng công việc thông qua FUJIFILM IWpro.



Bạn sẽ được thông báo về việc công việc đã được truyền thành công sang dịch vụ đám mây khác qua e-mail hay chưa.

Nếu bật thông báo qua email, bạn sẽ nhận được thông báo qua email tại (1) và (2) được thể hiện ở trên.

Kiểm tra xem công việc đã được chuyển đến thành công hay chưa theo cách sau.

Kết quả truyền từ thiết bị đa chức năng sang dịch vụ đám mây khác	Email		Cách kiểm tra và xử lý kết quả truyền gửi
	Kết quả (1)* ¹	Kết quả (2)* ²	
Thành công	Thành công	Chưa gửi được	Truy cập thư mục của dịch vụ đám mây khác được đặt làm đích truyền để kiểm tra xem dữ liệu tài liệu đã được lưu hay chưa.
(1) Bị lỗi ở thiết bị đa chức năng	Bị lỗi	Chưa gửi được	Tham khảo mục "Lỗi (1) Truyền gửi không thành công từ thiết bị đa chức năng"(P.96).
(2) Bị lỗi trong FUJIFILM iWpro	Thành công	Bị lỗi	Tham khảo mục "Lỗi (2) Truyền gửi không thành công từ FUJIFILM iWpro"(P.96).

*1 Thông báo được gửi đến địa chỉ e-mail đã cài đặt trong các mục của màn hình "Các mục của màn hình [Đích thông báo qua email]"(P.56)

*2 Thông báo được gửi đến địa chỉ email của người dùng đã đăng nhập vào FUJIFILM iWpro.

Ghi chú

- Để biết thêm thông tin như chủ đề của các email, hãy tham khảo mục "Thông báo e-mail"(P.12).

Lỗi (1) Truyền gửi không thành công từ thiết bị đa chức năng

Thông báo được gửi tới đích đến được cài đặt trong [Thiết đặt loại tài liệu] > [Thiết đặt truyền] > [Đích thông báo qua email].

Kiểm tra thiết bị đa chức năng và tiến hành quét lại.

Để biết thêm thông tin về các lỗi trên thiết bị đa chức năng, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm thiết bị đa chức năng.

Lỗi (2) Truyền gửi không thành công từ FUJIFILM IWpro

Thông báo được gửi đến địa chỉ email của người dùng đã đăng nhập vào FUJIFILM IWpro.

Nếu một công việc không được truyền gửi và vẫn còn trong FUJIFILM IWpro, hãy truyền gửi lại từ FUJIFILM IWpro.

- 1 Đăng nhập vào FUJIFILM IWpro bằng trình duyệt web.
- 2 Nhấp vào [:::] và chọn [Chuyển nhập tài liệu].
- 3 Tìm kiếm công việc cần được truyền gửi từ danh sách công việc.
Công việc có [Phương thức đăng ký] là [Chuyển phát quét] và [Tình trạng] bị lỗi sẽ là công việc chưa được truyền gửi.
- 4 Nhấp vào [:] của công việc bạn muốn truyền gửi lại và chọn [Chạy lại].

JobID	Tình trạng	Ngày đăng ký	Phương thức đăng ký	Tên quy tắc	Người dùng
e859b4132ca245a7bb46a701ff4514f9	Đã xử lý	03/10/2024 16:02:45	Chuyển phát quét		
e7c29f010ad411fb442a2ddddd4834	Đã xử lý	03/10/2024 15:55:21	Chuyển phát quét		
0e8eb148f1b2402cb0c4a6a05e4c95da	Đã xử lý	03/10/2024 15:44:09	Chuyển phát quét		
faa22ef9b3ca4526815c1d83f273fbab	Đã xử lý	03/10/2024 15:44:06	Chuyển phát quét		
fc51d9bc0fa34654ac8c25dc6e6487b8	Đã xử lý	03/10/2024 15:44:04	Chuyển phát quét		
df3d483c403c40d7897889675472d4cd	Đã xử lý	03/10/2024 15:44:01	Chuyển phát quét		
53814deb791f47a385fd5e4f93d31637	Đã xử lý	03/10/2024 15:43:58	Chuyển phát quét		
28dea6a9881746ed9362cc899091e804	Đã xử lý	03/10/2024 15:43:55	Chuyển phát quét		
c6a5858d72ad4884b16c5dd54a677329	Đã xử lý	03/10/2024 15:43:53	Chuyển phát quét		
92b7c6fb20ce4e1b9d8a7e798fab83a	Đã xử lý	03/10/2024 15:43:50	Chuyển phát quét		

Ghi chú

- Các công việc đã được đăng ký hơn một năm sẽ tự động bị xóa.

Tải xuống tài liệu từ FUJIFILM IWpro

- 1 Đăng nhập vào FUJIFILM IWpro bằng trình duyệt web.
- 2 Nhấp vào [:::] và chọn [Chuyển nhập tài liệu].
- 3 Tìm kiếm công việc cần được truyền gửi từ danh sách công việc.
Công việc có [Phương thức đăng ký] là [Chuyển phát quét] và [Tình trạng] bị lỗi sẽ là công việc chưa được truyền gửi.
- 4 Nhấp vào [⋮] của công việc bạn muốn truyền gửi lại và chọn [Download].

Chuyển nhập tài liệu FUJIFILM

[Danh sách công việc](#) [Tùy chọn](#)

Thao tác hành... [Xuất](#) [Tìm kiếm nã...](#) [Thiết đặt hiển thị](#) [Làm mới](#)

Danh sách công việc
5000 công việc mới nhất được hiển thị trong số các công việc được bảo lưu.
Thời hạn bảo lưu công việc là 1 năm kể từ ngày và giờ đăng ký.

JobID [Tìm kiếm](#) [Tắt cả công việc](#)

[Chọn tất cả](#) [1-25 / 5000](#)

✓ JobID	Tình trạng	Ngày đăng ký	Phương thức đăng ký	Tên quy tắc	Người dùng	
☐ e859b4132ca245a7bb46a701ff4514f9	Đã xử lý	03/10/2024 16:02:45	Chuyển phát quét			⋮
☐ e7c29f010adf411fb4424a2ddddd4834	Đã xử lý	03/10/2024 15:55:21	Chuyển phát quét			⋮
☐ 0e8eb148f1b2402cb0c4a6a05e4c95da	Đã xử lý	03/10/2024 15:44:09	Chuyển phát quét			⋮
☐ faa22ef9b3ca4526815c1d83f273fbab	Đã xử lý	03/10/2024 15:44:06	Chuyển phát quét			⋮
☐ fc51d9bc0fa34654ac8c25dc6e6487b8	Đã xử lý	03/10/2024 15:44:04	Chuyển phát quét			⋮
☐ df3d483c403c40d7897889675472d4cd	Đã xử lý	03/10/2024 15:44:01	Chuyển phát quét			⋮
☐ 53814deb791f47a385fd5e4f93d31637	Đã xử lý	03/10/2024 15:43:58	Chuyển phát quét			⋮
☐ 28dea6a9881746ed9362cc899091e804	Đã xử lý	03/10/2024 15:43:55	Chuyển phát quét			⋮
☐ c6a5858d72ad4884b16c5dd54a677329	Đã xử lý	03/10/2024 15:43:53	Chuyển phát quét			⋮
☐ 92b7c6fb20ce4e1b9d8a7e798fab83a	Đã xử lý	03/10/2024 15:43:50	Chuyển phát quét			⋮

[1-25 / 5000](#)

Ghi chú

- Các công việc đã được đăng ký hơn một năm sẽ tự động bị xóa.

11 Chú ý và hạn chế

Những chú ý và hạn chế trong toàn bộ ứng dụng

- Nếu bạn thiết lập FUJIFILM IWpro chuyển phát quét cho thiết bị đa chức năng mà các tính năng quét và chuyển tiếp tài liệu không có sẵn, các nút loại tài liệu sẽ được hiển thị, nhưng bạn không thể quét hoặc chuyển tiếp tài liệu.
- Khi bộ nạp tài liệu tự động in 2 mặt không thể sử dụng được vì một lý do nào đó, bạn có thể chỉ định hai mặt trong FUJIFILM IWpro chuyển phát quét, nhưng đầu vào và đầu ra được thực hiện bởi 1 mặt.
- Nếu bạn sử dụng thiết bị đa chức năng đã kết nối với đầu đọc thẻ IC, FUJIFILM IWpro chuyển phát quét chỉ hỗ trợ các thiết bị liên quan mà thông tin người dùng được truy xuất từ đó.
Dịch vụ này không được đảm bảo khi thiết bị thanh toán được kết nối với thiết bị đa chức năng.
- Trong trường hợp sau, hiệu chỉnh nghiêng lệch không được thực hiện.
 - Hình ảnh màu và hình ảnh xám có độ phân giải là 600 dpi.
 - Chỉ có ảnh chụp
- Số tệp và thư mục tối đa có thể được lưu trữ trong một thư mục của đích truyền là 10000.
- Với xác thực bên ngoài (LDAP và Microsoft Entra ID), bạn không thể hạn chế việc sử dụng chức năng quét cho mỗi người dùng.
- Nếu mật khẩu cho đích truyền đã bị thay đổi, hãy bảo đảm thay đổi mật khẩu bằng FUJIFILM IWpro chuyển phát quét hoặc tiến hành liên kết lại FUJIFILM IWpro và các dịch vụ đám mây khác. Nếu không, sẽ xảy ra lỗi truyền gửi.

Những chú ý và hạn chế khi thực hiện công việc

- Khi lỗi xảy ra tại thời điểm thực hiện công việc, màn hình lỗi không hiển thị ngay cả khi công việc đã hoàn tất. Trong trường hợp đó, thông tin lỗi được ghi trong lịch sử công việc của thiết bị đa chức năng. Và sau đó kiểm tra nó. Đối với phương pháp kiểm tra lịch sử công việc, vui lòng tham khảo hướng dẫn được cung cấp cùng với thiết bị đa chức năng.
- Trường hợp có tồn tại tệp có cùng tên ở địa chỉ đích của văn bản quét thì sẽ gán thêm dấu gạch ngang (-) vào số thứ tự 4 ký tự (0001~9999) vào cuối tên tệp. Nếu con số trên 9999, sẽ xảy ra lỗi.
- Chuyển tiếp FTP không hỗ trợ các giao thức với giao tiếp mã hoá như SFTP (SSH FTP) và FTPS (FTP trên SSL/TLS).
- Truyền thông FTP được vận hành ở chế độ thụ động theo mặc định của nhà máy. Tùy thuộc vào máy chủ, chế độ có thể giao tiếp chỉ có thể là chế độ năng động. Trong trường hợp đó, hãy thay đổi chế độ liên lạc từ Dịch vụ Internet.
- Nếu bạn truyền các tập tin giống tên nhau đến cùng một máy chủ FTP từ nhiều thiết bị đa chức năng, các tập tin này có thể bị ghi đè vì có cùng tên.
Để tránh điều này xảy ra, hãy chọn [YMDhms] trong [Thiết đặt chung] > [Thông tin chung] > [Định dạng ngày của tên tệp] để bao gồm thời gian tính bằng giây trong tên tập tin.
- Nếu bạn đặt tên thư mục khi lưu vào cùng một thư mục Google Drive từ nhiều thiết bị đa chức năng, nhiều thư mục cùng tên có thể được tạo ra.

- Nếu bạn truyền các tập tin cùng tên đến cùng một thư mục Google Drive từ một thiết bị đa chức năng, nhiều thư mục cùng tên có thể được tạo ra. Để hạn chế điều này xảy ra, hãy chọn [YMDhms] trong [Thiết đặt chung] > [Thông tin chung] > [Định dạng ngày của tên tệp] để bao gồm thời gian tính bằng giây trong tên tệp tin.
- Trường hợp tồn tại từ 10,000 tệp tin hoặc thư mục trở lên tại nơi lưu tệp tin trên máy chủ của địa chỉ đích, có thể văn bản quét sẽ không được xử lý đúng.
- Số lượng tệp hoặc thư mục chia sẻ tối đa có thể được lưu trữ trong OneDrive for Business là 500. Nếu số lượng tệp hoặc thư mục vượt quá 500, chúng sẽ không được hiển thị chính xác.
- Số lượng công việc quét mà người dùng có giấy phép in có thể thực hiện sẽ bị giới hạn. Đối với mỗi người thuê bao, có thể chạy tối đa 100 công việc quét cho mỗi giấy phép in mỗi tháng. Nếu chạy nhiều hơn số công việc quét tối đa, khi đó việc sử dụng có thể bị hạn chế. Áp dụng các hạn chế cho công việc quét, chứ không áp dụng cho công việc fax.

Những chú ý và hạn chế về FUJIFILM IWpro chuyển phát quét

Những lưu ý và hạn chế về Kích thước dữ liệu

- Nếu kích thước của dữ liệu cài đặt vượt quá 1 MB, lỗi sẽ được hiển thị và thông tin cài đặt sẽ không được lưu. Trong trường hợp này, thay đổi cài đặt để lượng dữ liệu có thể giảm bớt.

Những lưu ý và hạn chế về Tính năng Nén cao

- Tính năng Nén cao khả dụng khi các giá trị sau được thiết lập trong kiểu tài liệu.
 - Định dạng tệp
PDF
 - Độ phân giải
200 dpi hoặc 300 dpi
 - Quét màu
Màu, Tự động, hoặcThang độ xám
- Tùy thuộc vào thiết bị đa chức năng của bạn, một số cài đặt tùy chọn có thể được yêu cầu để sử dụng tính năng này. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ Trung tâm hỗ trợ khách hàng của chúng tôi.

Những lưu ý và hạn chế về Tính năng Tìm kiếm văn bản

- Tính năng Tìm kiếm văn bản khả dụng khi các giá trị sau được thiết lập trong kiểu tài liệu.
 - Định dạng tệp
PDF hoặc DocuWorks
 - Độ phân giải
200 dpi hoặc 300 dpi
 - Kiểu bản gốc
Văn bản hoặc Ảnh & văn bản
- Để sử dụng tính năng Văn bản có thể tìm kiếm, cần có một tùy chọn.



Ghi chú

- Tùy thuộc vào thiết bị đa chức năng của bạn, các thành phần tùy chọn có thể khác nhau. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ Trung tâm hỗ trợ khách hàng của chúng tôi.

Những lưu ý và hạn chế về Tính năng gửi E-mail thông báo đến Người dùng xác thực

- Nếu tính năng xác thực không được kích hoạt trên thiết bị đa chức năng hoặc địa chỉ e-mail của người dùng xác thực chưa được đăng ký với thiết bị đa chức năng, e-mail sẽ không được gửi ngay cả khi tính năng Thông báo cho người dùng xác thực đã được kích hoạt.
- Nếu bạn chọn [Đích thông báo qua email] > [Thông báo cho người dùng đã đăng nhập vào FUJIFILM IWpro từ thiết bị] hoặc [Thông báo cho người dùng đã đăng nhập vào thiết bị] trong Thiết đặt Loại tài liệu và chỉ định địa chỉ e-mail của cùng một người dùng cho [Đích 2] hoặc [Đích 3], hai e-mail sẽ được gửi đến địa chỉ đó.

Những lưu ý và hạn chế về Phiên bản DocuWorks và các Thuộc tính thông thường/Thuộc tính mở rộng

Nếu các thuộc tính thông thường hoặc thuộc tính mở rộng đã được thêm vào Tài liệu DocuWorks, yêu cầu DocuWorks 7 trở lên để có thể xem tài liệu.

Nếu bạn dùng phiên bản cũ hơn DocuWorks 7, hãy chắc chắn đã thiết lập các cài đặt sau đây để các thuộc tính thông thường và thuộc tính mở rộng không thể được thêm vào.

- Chọn [Tắt] dưới [Thiết đặt thông tin chung] > [Áp dụng các thuộc tính xác định]
- Bỏ chọn hộp kiểm [Thêm thuộc tính mở rộng] trong [Thiết đặt loại tài liệu], hoặc bỏ chọn hộp kiểm của từng thuộc tính

Những lưu ý và hạn chế về cập nhật thông tin cài đặt

- Thông tin cài đặt của FUJIFILM IWpro chuyển phát quét không thể được cập nhật trong khi thiết bị đa chức năng đang xử lý công việc hoặc đang được thao tác bởi một người dùng thông qua bảng điều khiển. Sau khi công việc được hoàn thành hoặc thao tác của người dùng thông qua bảng điều khiển kết thúc, hãy thử cập nhật lại thông tin cài đặt.

Ghi chú và hạn chế về loại mã vạch

- Các loại mã vạch được hỗ trợ gồm CODE39, CODE128 và NW7.

Lưu ý và Hạn chế về Công cụ tạo QR

- Chuỗi ký tự và ký tự dạng chữ và số byte đơn trong cùng ngôn ngữ với HĐH có thể được cài đặt bằng công cụ tạo QR. Không thể sử dụng các chuỗi ký tự trong một ngôn ngữ khác với ngôn ngữ HĐH cho bất kỳ chuỗi ký tự nào, chẳng hạn như tên máy in ảo, tên thuộc tính, tên thư mục và tên tệp.

Những lưu ý và hạn chế về Xử lý Ngôn ngữ

Ngôn ngữ hiển thị phải được đặt trước trong thiết bị đa năng, bởi các tên hiển thị sẽ được chuẩn bị cho từng ngôn ngữ cho tên loại dịch vụ, tên loại tài liệu và tên thuộc tính mở rộng. "Chưa nhập" được đặt cho các ngôn ngữ mà tên hiển thị chưa được đặt.

Thực hiện các bước sau để đặt giá trị cho các ngôn ngữ khác ngoài tiếng Nhật và tiếng Anh.

Các bước

- 1** Thiết lập  > [Thiết bị] > [Thiết đặt hệ thống] > [Thiết đặt màn hình/nút] > [Default Language] trên thiết bị đa chức năng sang ngôn ngữ bạn muốn đặt.
- 2** Khởi động lại thiết bị đa năng.
- 3** Hiển thị màn hình thiết đặt cho Thực hiện quét.
 **Tham khảo**
 - "Hiển thị màn hình cài đặt"(P.38)
- 4** Chọn [Thiết đặt chung] > [Thiết đặt thông tin chung] trên thanh điều hướng.
- 5** Thay đổi [Ngôn ngữ đang xử lý] thành ngôn ngữ được đặt ở bước 1, và nhấp vào [Áp dụng].
- 6** Chọn [Thiết đặt FUJIFILM IWpro chuyển phát quét] trên thanh điều hướng, và thiết lập tên loại dịch vụ, tên loại tài liệu và tên thuộc tính mở rộng.

Những chú ý và hạn chế về kích thước in của Mã QR

Để giải mã QR được quét một cách chính xác, cần in đúng kích cỡ vùng mã QR (vùng mã) và vùng bao gồm lề quanh mã QR (vùng in).

Bảng dưới đây cho biết số lượng dữ liệu (số byte) mà bạn có thể lưu trữ trong mã QR được xác định bởi số mẫu mã QR và mức hiệu chỉnh lỗi (L, M, Q, H) và mối quan hệ giữa vùng mã và vùng in cho mỗi độ phân giải đọc tương ứng với số lượng dữ liệu.

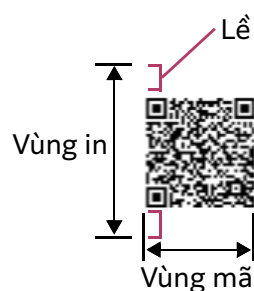
Tùy theo lượng dữ liệu mã QR (số byte văn bản) khi tạo chuỗi văn bản cho mã QR hoặc tài liệu có mã QR và độ phân giải tại thời điểm quét, hãy tạo và in mã QR có kích thước phù hợp.

Ghi chú

- "Byte" trong bảng nghĩa là số byte bằng mã ký tự UTF-8.
- "Số byte của văn bản" và số ký tự thể hiện bởi các byte phụ thuộc vào ký tự. Ví dụ, hệ thống mô tả các ký tự đủ độ rộng bằng hai đến bốn byte.

Ví dụ:

Để sử dụng Mẫu số 15 ở cấp H, quét mã QR khoảng 100 ký tự (tối đa 220 byte) với độ phân giải 300 dpi, và giải mã đúng, bạn cần in mã QR có vùng mã 39,1 mm và vùng in 45,2 mm.



Mẫu số	Số lượng dữ liệu (Byte)				Vùng mã M (mm)				Vùng in M (mm)			
	L	M	Q	H	200 dpi	300 dpi	400 dpi	600 dpi	200 dpi	300 dpi	400 dpi	600 dpi
2	32	26	20	14	19,1	12,7	9,5	6,4	28,2	18,8	14,1	9,4
3	53	42	32	24	22,1	14,7	11	7,4	31,2	20,8	15,6	10,4
4	78	62	46	34	25,1	16,8	12,6	8,4	34,3	22,9	17,1	11,4
5	106	84	60	44	28,2	18,8	14,1	9,4	37,3	24,9	18,7	12,4
6	134	106	74	58	31,2	20,8	15,6	10,4	40,4	26,9	20,2	13,5
7	154	122	86	64	34,3	22,9	17,1	11,4	43,4	29	21,7	14,5
8	192	152	108	84	37,3	24,9	18,7	12,4	46,5	31	23,2	15,5
9	230	180	130	98	40,4	26,9	20,2	13,5	49,5	33	24,8	16,5
10	271	213	151	119	43,4	29	21,7	14,5	52,6	35,1	26,3	17,5
11	321	251	177	137	46,5	31	23,2	15,5	55,6	37,1	27,8	18,5
12	367	287	203	155	49,5	33	24,8	16,5	58,7	39,1	29,3	19,6
13	425	311	241	177	52,6	35,1	26,3	17,5	61,7	41,1	30,9	20,6
14	458	362	258	194	55,6	37,1	27,8	18,5	64,8	43,2	32,4	21,6
15	520	412	292	220	58,7	39,1	29,3	19,6	67,8	45,2	33,9	22,6
16	586	450	322	250	61,7	41,1	30,9	20,6	70,9	47,2	35,4	23,6
17	644	504	364	280	64,8	43,2	32,4	21,6	73,9	49,3	37	24,6
18	718	560	394	310	67,8	45,2	33,9	22,6	77	51,3	38,5	25,7
19	792	624	442	338	70,9	47,2	35,4	23,6	80	53,3	40	26,7
20	858	666	482	382	73,9	49,3	37	24,6	83,1	55,4	41,5	27,7
21	929	711	509	403	77	51,3	38,5	25,7	86,1	57,4	43,1	28,7
22	1003	799	565	439	80	53,3	40	26,7	89,2	59,4	44,6	29,7
23	1091	857	611	461	83,1	55,4	41,5	27,7	92,2	61,5	46,1	30,7
24	1171	911	661	511	86,1	57,4	43,1	28,7	95,3	63,5	47,6	31,8
25	1273	997	715	535	89,2	59,4	44,6	29,7	98,3	65,5	49,1	32,8
26	1367	1059	751	593	92,2	61,5	46,1	30,7	101,3	67,6	50,7	33,8
27	1465	1125	805	625	95,3	63,5	47,6	31,8	104,4	69,6	52,2	34,8
28	1528	1190	868	658	98,3	65,5	49,1	32,8	107,4	71,6	53,7	35,8
29	1628	1264	908	698	101,3	67,6	50,7	33,8	110,5	73,7	55,2	36,8
30	1732	1370	982	742	104,4	69,6	52,2	34,8	113,5	75,7	56,8	37,8

Mẫu số	Số lượng dữ liệu (Byte)				Vùng mã M (mm)				Vùng in M (mm)			
	L	M	Q	H	200 dpi	300 dpi	400 dpi	600 dpi	200 dpi	300 dpi	400 dpi	600 dpi
31	1840	1452	1030	790	107,4	71,6	53,7	35,8	116,6	77,7	58,3	38,9
32	1952	1538	1112	842	110,5	73,7	55,2	36,8	119,6	79,8	59,8	39,9
33	2068	1628	1168	898	113,5	75,7	56,8	37,8	122,7	81,8	61,3	40,9
34	2188	1722	1228	958	116,6	77,7	58,3	38,9	125,7	83,8	62,9	41,9
35	2303	1809	1283	983	119,6	79,8	59,8	39,9	128,8	85,9	64,4	42,9
36	2431	1911	1351	1051	122,7	81,8	61,3	40,9	131,8	87,9	65,9	43,9
37	2563	1989	1423	1093	125,7	83,8	62,9	41,9	134,9	89,9	67,4	45
38	2699	2099	1499	1139	128,8	85,9	64,4	42,9	137,9	91,9	69	46
39	2809	2213	1579	1219	131,8	87,9	65,9	43,9	141	94	70,5	47
40	2953	2331	1663	1273	134,9	89,9	67,4	45	144	96	72	48

Những chú ý và hạn chế về kích cỡ in của mã vạch

Để mã vạch đã quét được giải mã chính xác, cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau.

- Độ rộng của mã vạch đáp ứng các tiêu chuẩn sau
 - Độ rộng tối thiểu: 0,7 mm trong trường hợp quét ở độ phân giải 200 dpi, 300 dpi
 - Độ rộng tối thiểu: 0,3 mm trong trường hợp quét ở độ phân giải 400 dpi, 600 dpi
- Khoảng trống xung quanh mã vạch gấp 10 lần độ rộng tối thiểu
- Chiều cao tối thiểu của mã vạch là 10 mm. Giá trị này là chiều cao quy định cho 10 chữ số. Trường hợp trên 10 chữ số, chiều cao cần phải tỷ lệ với số chữ số.

Lưu ý và hạn chế về mã QR thông thường và mã vạch

Khi chỉ định mã QR thông thường và mã vạch cho tên thư mục, "/" có trong chuỗi ký tự tương ứng được coi là phân cấp. Tuy nhiên, nếu được vào ở cuối chuỗi ký tự, nó sẽ bị bỏ qua.

12 Phụ lục

Cách để kiểm tra ID Hộp chứa / ID Ngăn chứa / ID Thư mục

Bạn có thể kiểm tra mỗi ID từ URL đã hiển thị trong thanh địa chỉ khi bạn hiển thị trang web của Working Folder.

Các bước

- 1** Truy cập trang web của Working Folder trong một trình duyệt web để đăng nhập.
- 2** Chọn Hộp chứa, Ngăn chứa, và Thư mục mà bạn muốn kiểm tra ID.
- 3** Kiểm tra URL đã hiển thị trong thanh địa chỉ của trình duyệt web.

- ID Hộp chứa

Số bảy chữ số cuối cùng của URL

Ví dụ 1:

Nếu "https://working-folder.sample.com/web/1000020/" được hiển thị, ID Hộp chứa là "1000020".

- ID Ngăn chứa/ ID Thư mục

Số được hiển thị sau chuỗi văn bản như dưới đây ở cuối URL.

Các hạng mục	Các giá trị cài đặt
Ngăn kéo dùng chung	Ngăn chứa chung-
Ngăn kéo an toàn	Ngăn chứa chung được bảo vệ-
Ngăn kéo cá nhân	Ngăn chứa riêng-
Evidence Management Drawer	efsmPublicDrawer-
Thư mục đã tạo	Thư mục-

Ví dụ 2:

Nếu "https://working-folder.sample.com/web/1000070/#publicDrawer-10" được hiển thị, Ngăn chứa là "Ngăn kéo dùng chung" và ID Ngăn chứa là "10".

Ví dụ 3:

Nếu "https://working-folder.sample.com/web/1000070/#privateDrawer-123" được hiển thị, Ngăn chứa là "Ngăn kéo cá nhân" và ID Ngăn chứa là "123".